



KẾT HỢP TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

VŨ DƯƠNG THUY (Chủ biên)
VŨ VĂN ĐƯƠNG – NGUYỄN ĐỨC MẠNH – PHÙNG NHƯ THUY

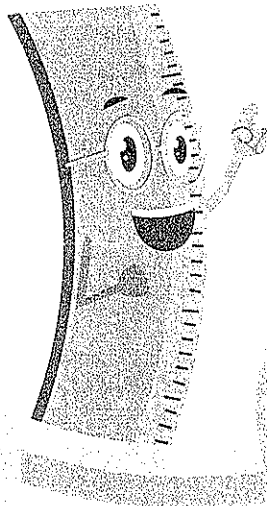
PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN

MÔN

Toán

LỚP

1



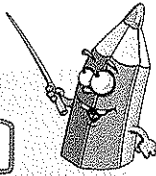
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Họ và tên:

Lớp:

Tuần 1



CÁC SỐ 0, 1, 2, 3, 4, 5

1 Khoanh vào số thích hợp (theo mẫu).

1
4
3

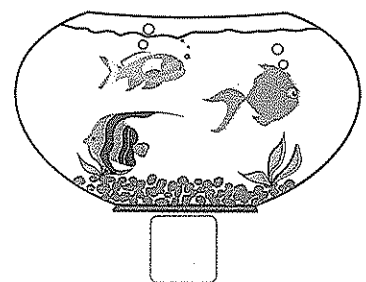
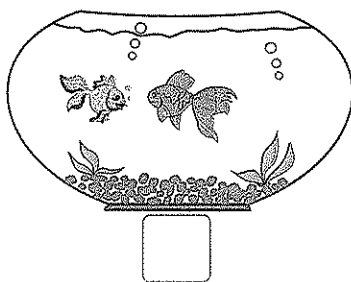
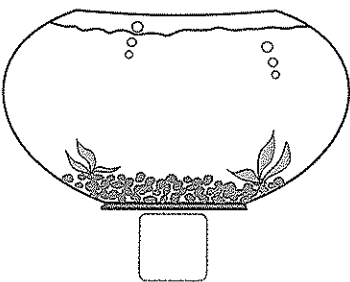
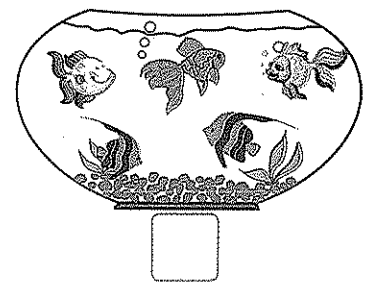
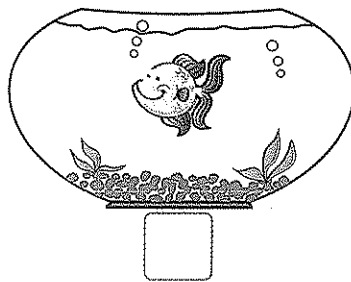
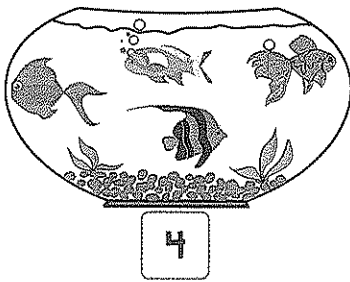
4
3
5

2
1
0

2
0
1

2
4
5

2 Số ?



3 Tô màu theo yêu cầu.

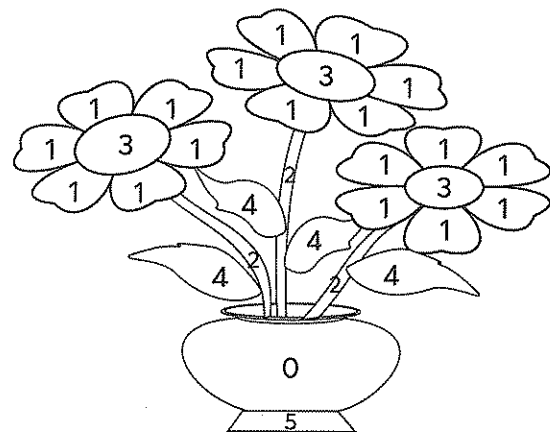
Số 1: màu đỏ

Số 2: màu nâu

Số 3: màu vàng

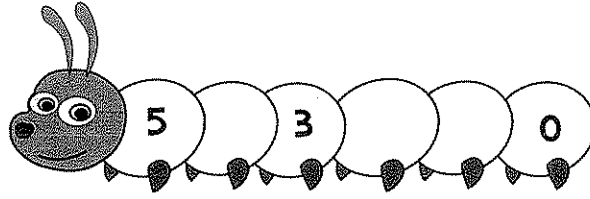
Số 4: màu xanh

Số 5, số 0: màu tím

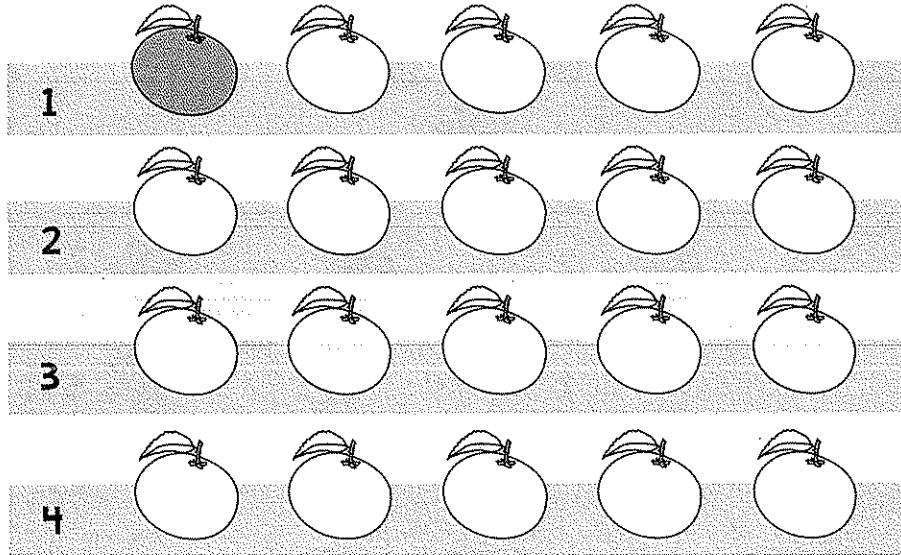




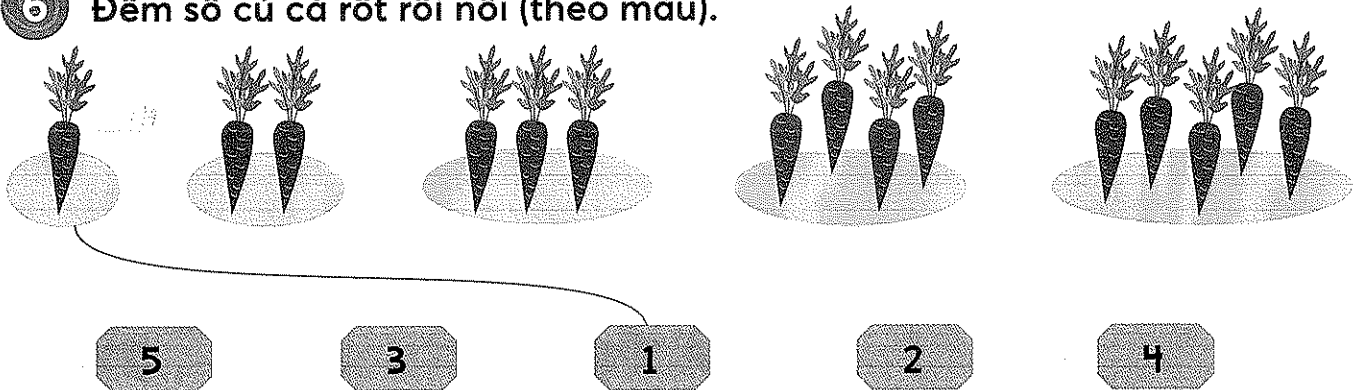
4) Viết số thích hợp vào các đốt sâu còn trống.



5) Tô màu (theo mẫu).

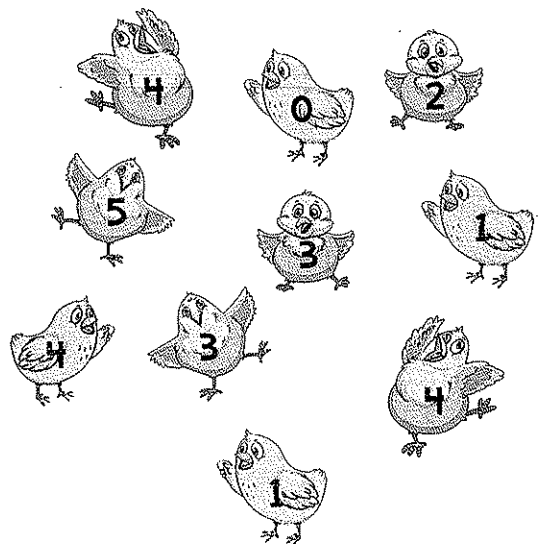


6) Đếm số củ cà rốt rồi nối (theo mẫu).



7) Số ?

- a) Có con gà ghi số 0.
- b) Có con gà ghi số 1.
- c) Có con gà ghi số 2.
- d) Có con gà ghi số 3.
- e) Có con gà ghi số 4.
- g) Có con gà ghi số 5.

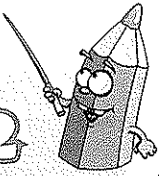




Họ và tên:

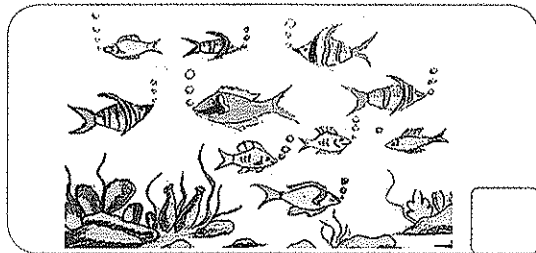
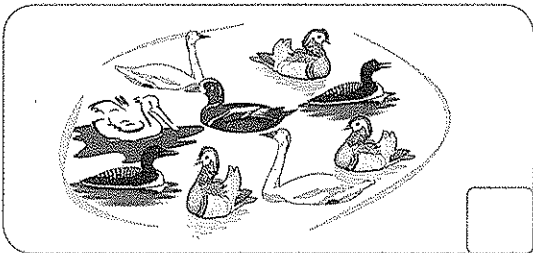
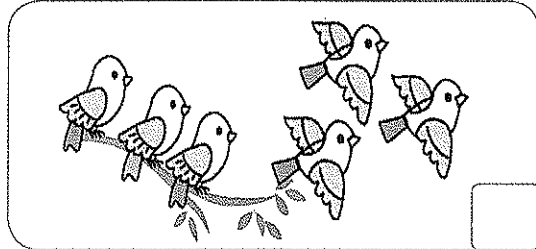
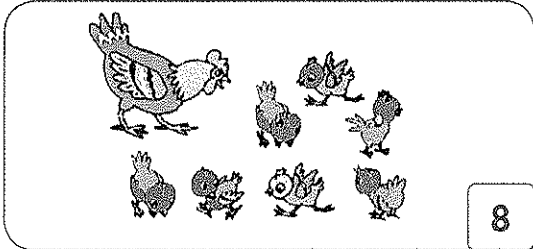
Lớp:

Tuần 2

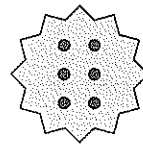
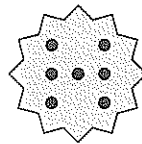
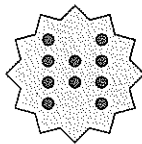
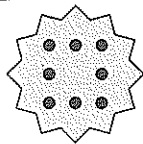
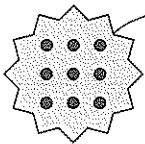
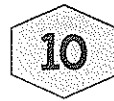
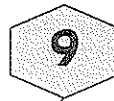
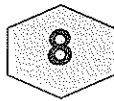
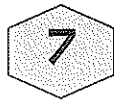
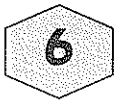


CÁC SỐ 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10

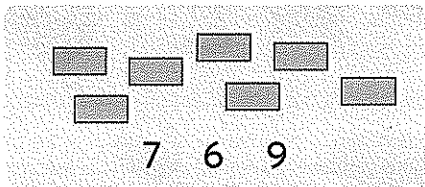
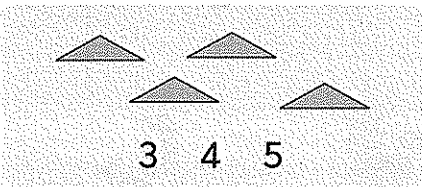
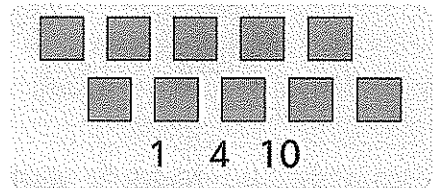
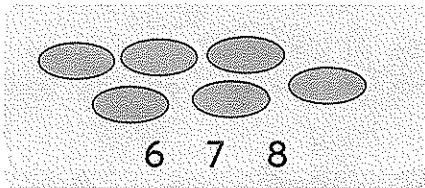
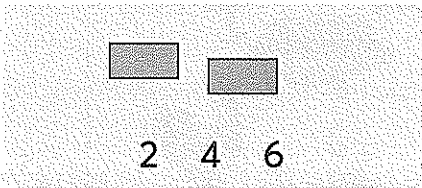
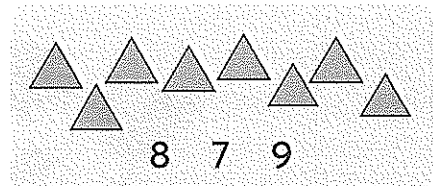
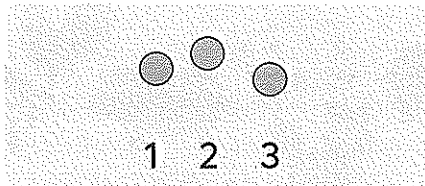
1 Số ?



2 Nói (theo mẫu).

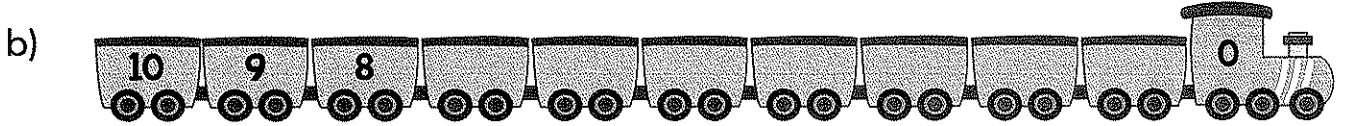
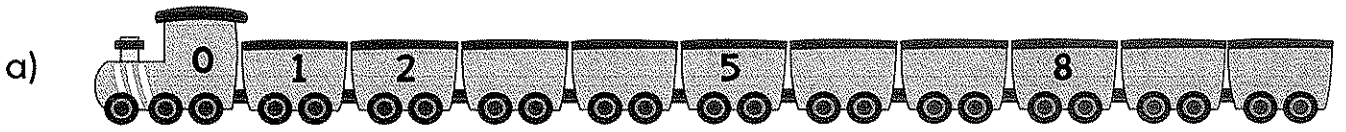


3 Khoanh vào số thích hợp.

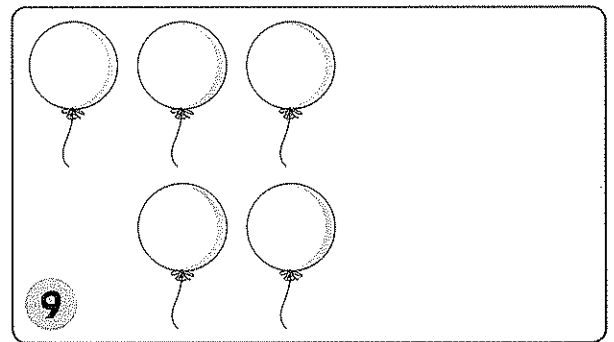
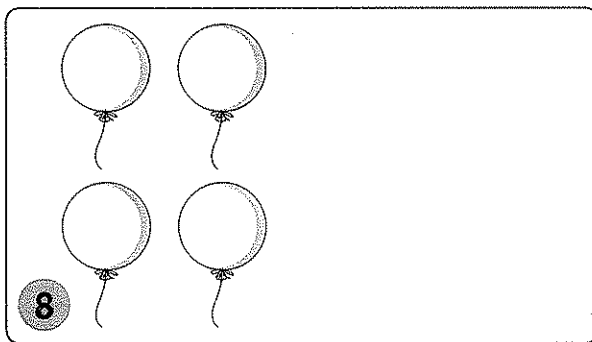
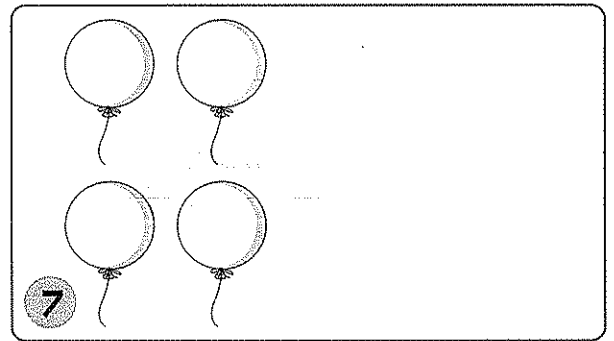
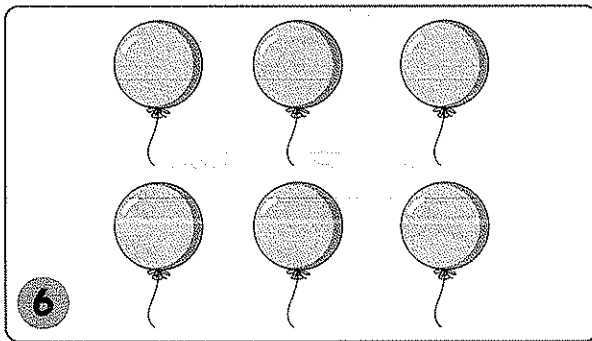




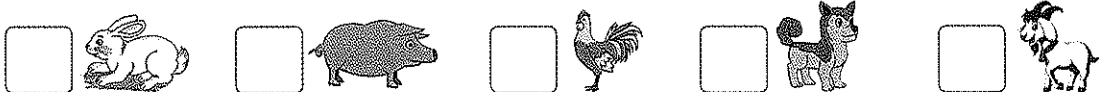
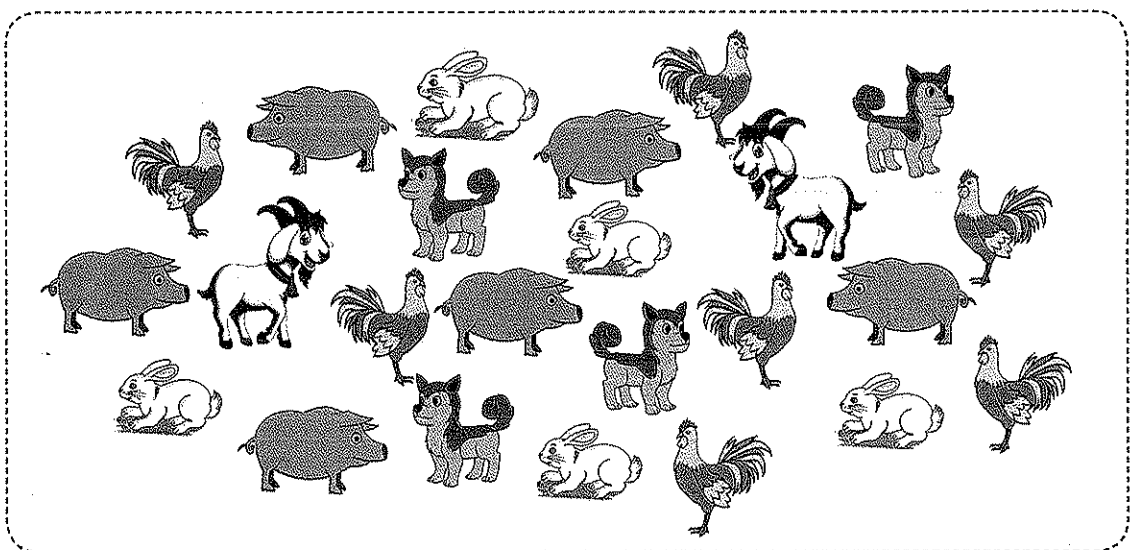
4 Số ?



5 Vẽ thêm bóng bay rồi tô màu (theo mẫu).



6 Số ?

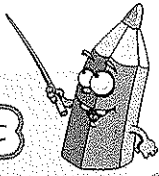




Họ và tên:

Lớp:

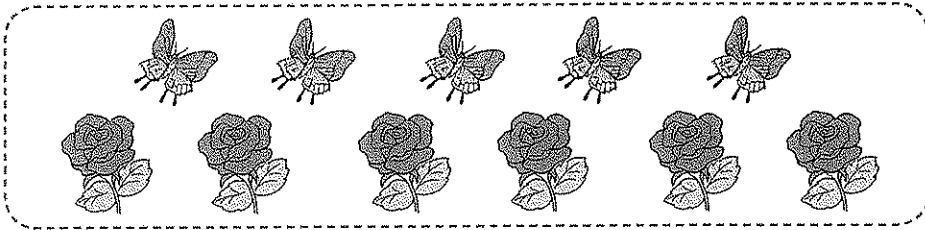
Tuần 3



CÁC SỐ 6, 7, 8, 9, 10.

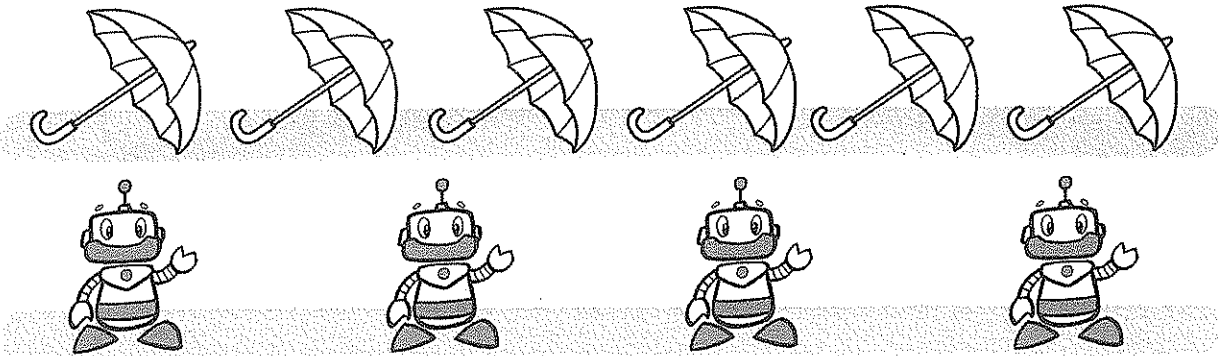
NHIỀU HƠN, ÍT HƠN, BẰNG NHAU

1 Đ. S ?

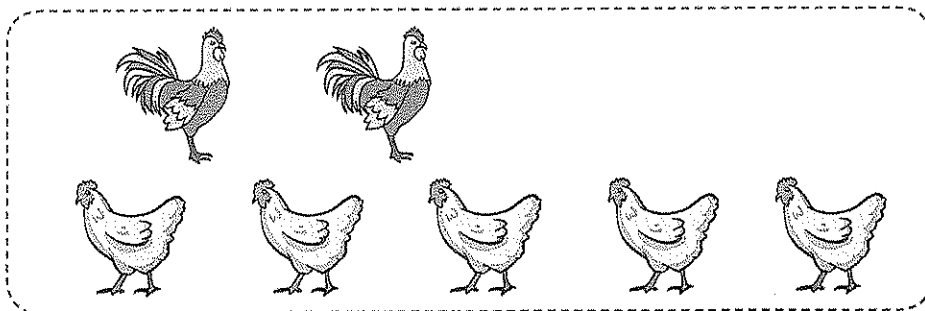


- a) Có 7 bông hoa.
- b) Số con bướm nhiều hơn số bông hoa.
- c) Số con bướm ít hơn số bông hoa.
- d) Số bông hoa nhiều hơn số con bướm.
- e) Số bông hoa bằng số con bướm.

2 Tô màu chiếc ô để có số chiếc ô được tô bằng số bạn rô-bốt.



3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



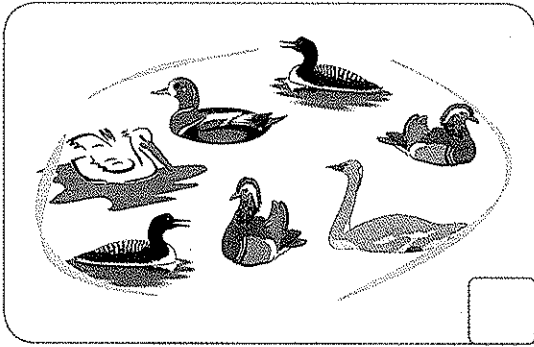
Cho thêm gà trống để số gà trống nhiều hơn số gà mái.



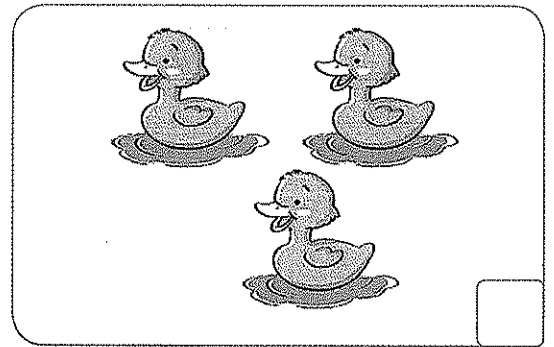


4 Đánh dấu X vào bức tranh có số con vật nhiều hơn.

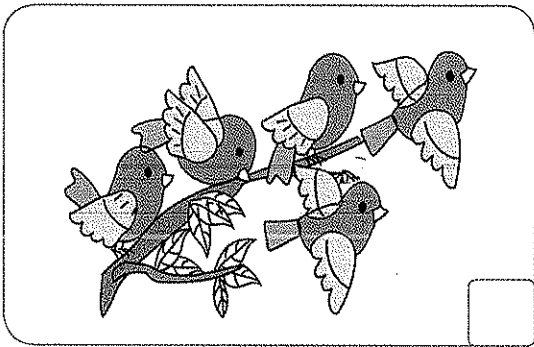
a)



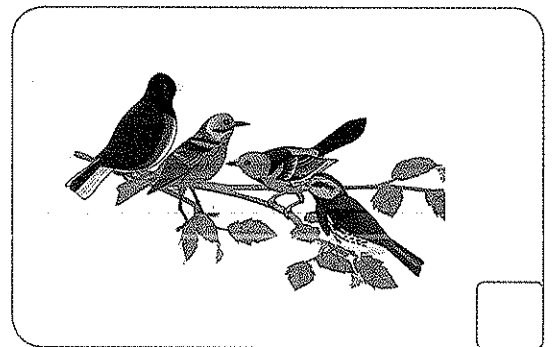
và



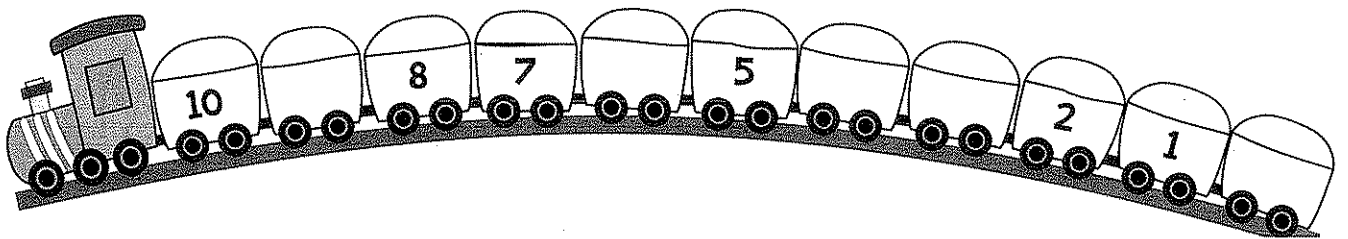
b)



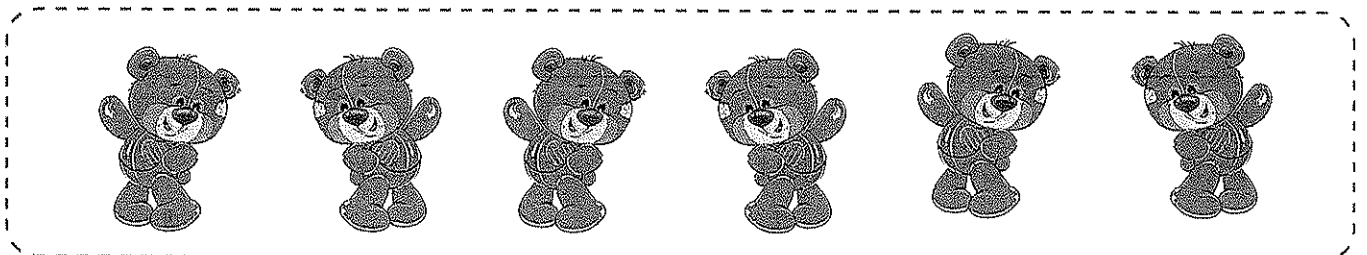
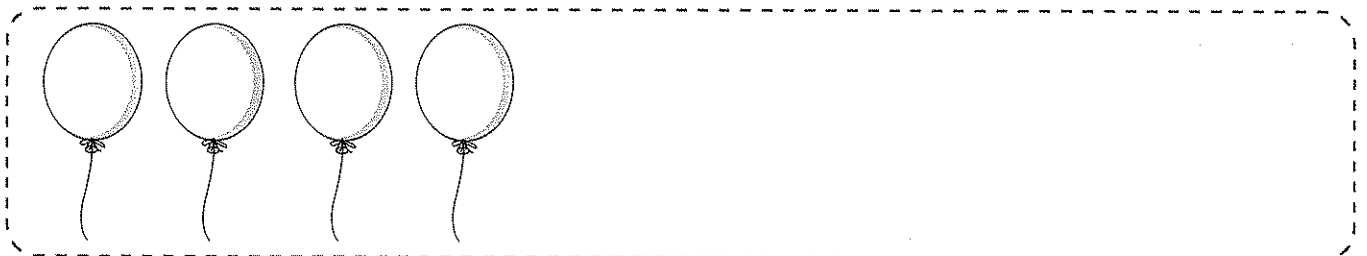
và



5 Số ?



6 Vẽ thêm bóng để số gấu bông ít hơn số bóng rồi tô màu.





Họ và tên:



Lớp:



Tuần 4

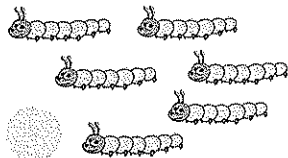



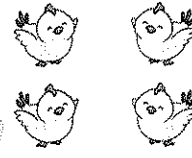

SỐ SÁNH SỐ

1. Viết vào ô trống (theo mẫu).



		
4	2	
4	>	2

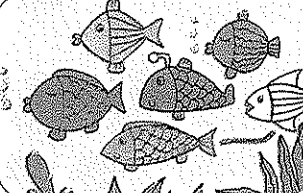
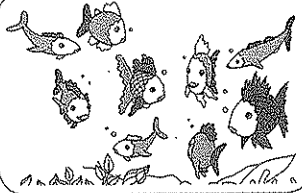
		



		

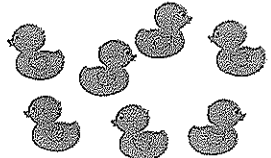

		

2. Viết vào ô trống (theo mẫu).



		
7	<	8

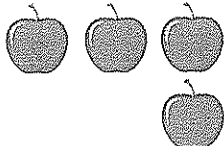

		




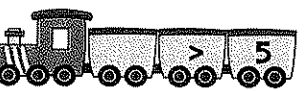
3. Vẽ thêm cho thích hợp.









		
3	<	5





		
6	>	5











4 Nối ô trống với số thích hợp (theo mẫu).

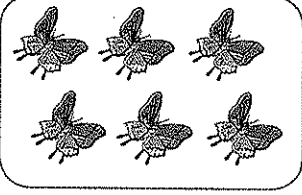
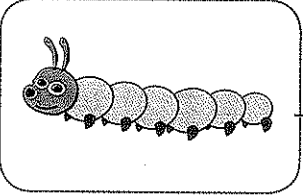
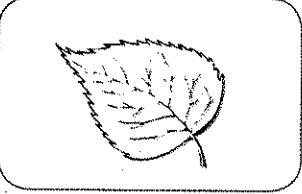
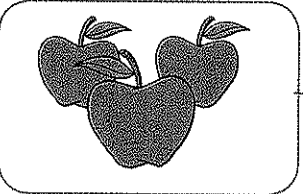
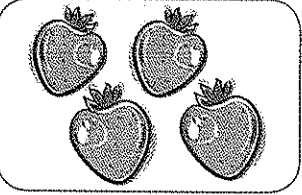
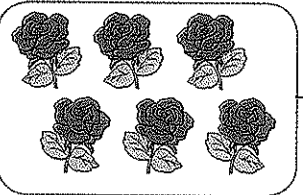
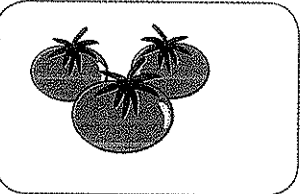
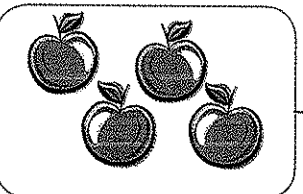
a)    

b)    

5 Nối và viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

		<input type="text" value="1"/> = <input type="text" value="1"/>
		<input type="text"/> = <input type="text"/>
		<input type="text"/> = <input type="text"/>
		<input type="text"/> = <input type="text"/>

6 >; <; = ?

8 <input type="text"/> 5	4 <input type="text"/> 7	0 <input type="text"/> 2	3 <input type="text"/> 1
7 <input type="text"/> 7	6 <input type="text"/> 2	3 <input type="text"/> 0	8 <input type="text"/> 9

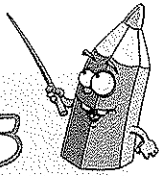




Họ và tên:

Lớp:

Tuần 5



SO SÁNH SỐ. MẤY VÀ MẤY

1) Viết vào ô trống (theo mẫu).

3	= 3

2) Đ, S ?

2 < 5 Đ

7 < 6

0 < 4

9 > 8

4 > 3

5 > 6

3) a) >; <; = ?

6 4

0 3

5 5

2 1

2 3

9 9

7 6

0 0

b) Nối ô trống với các số thích hợp (theo mẫu).

3 =

7 <

1 >

4 <

9

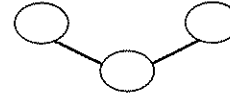
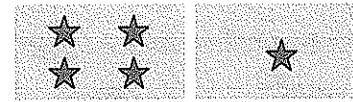
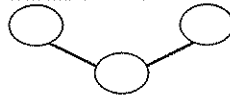
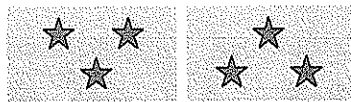
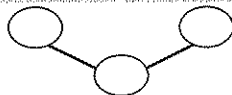
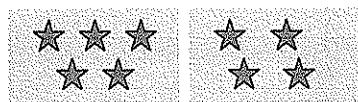
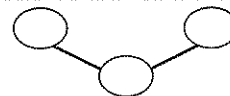
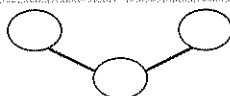
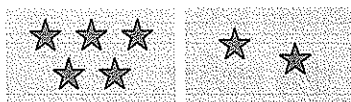
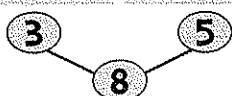
5

3

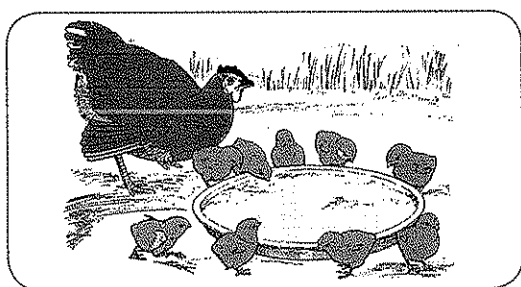
0



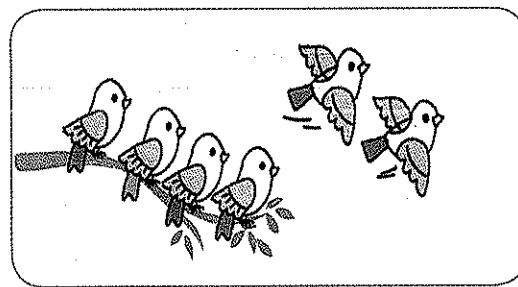
4 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).



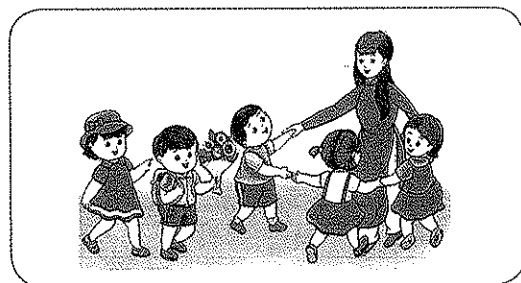
5 Viết số thích hợp vào ô trống.



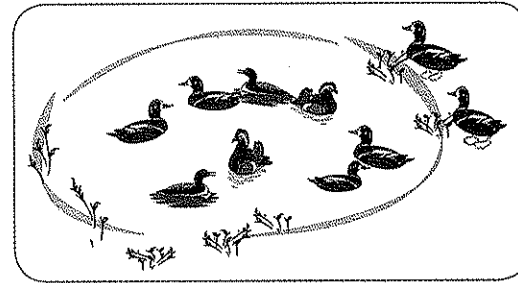
Đàn gà có 10 con, gồm gà mẹ
và gà con.



Đàn chim có 6 con, gồm con
đậu trên cành và con đang bay.



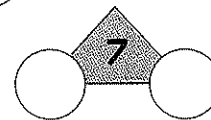
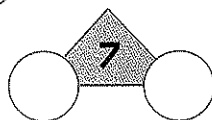
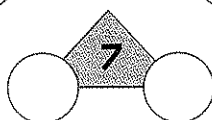
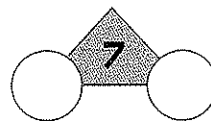
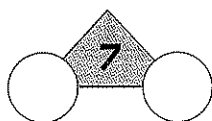
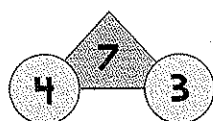
Trên sân trường có người, gồm
 cô giáo và bạn học sinh.



Có con vịt, gồm con ở
trên bờ và con ở dưới ao.

6 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

Có 7 viên bi. Hãy tách 7 viên bi đó thành hai nhóm. Rồi viết số bi ở mỗi nhóm.

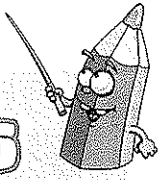




Họ và tên:

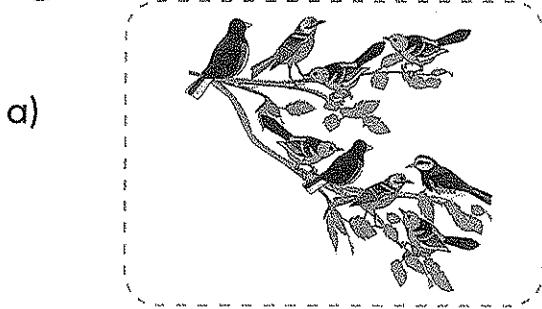
Lớp:

Tuần 6



MẦY VÀ MẦY. LUYỆN TẬP CHUNG

1) Viết số thích hợp vào ô trống.

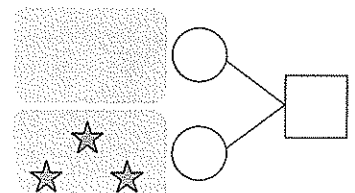
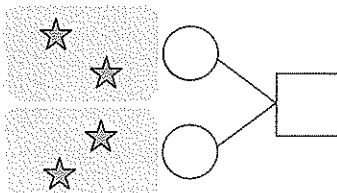
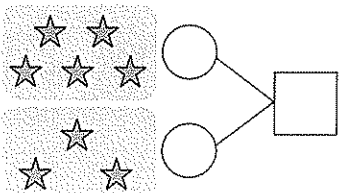
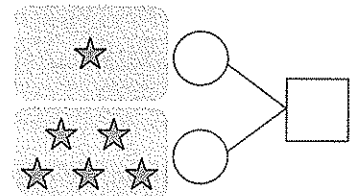
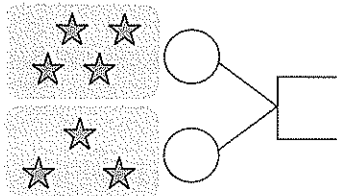
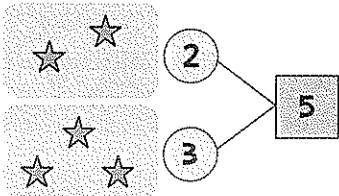


và được

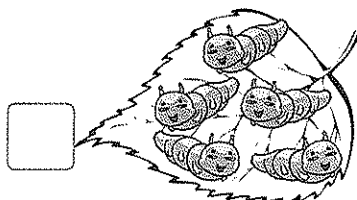
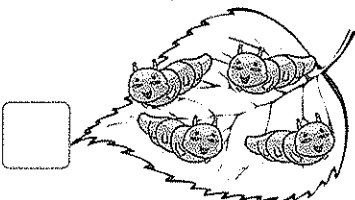
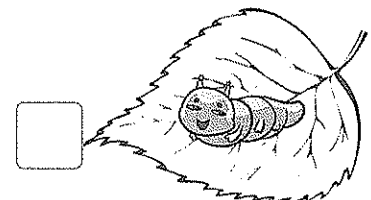
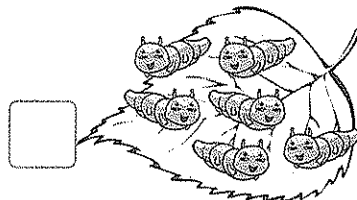
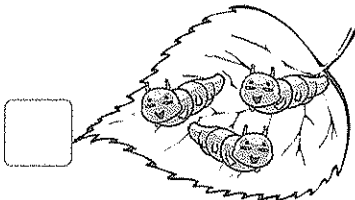


và được

2) Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).

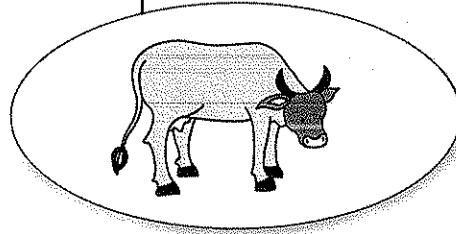
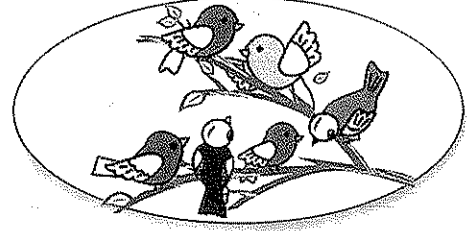
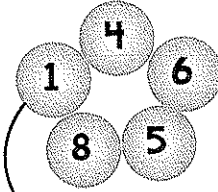
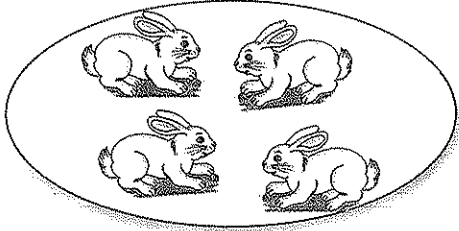
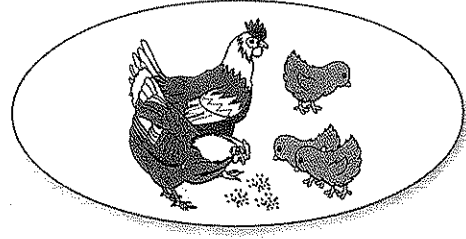
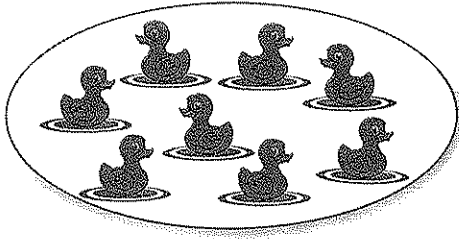


3) Đếm số sâu trên mỗi chiếc lá rồi viết số vào ô trống.

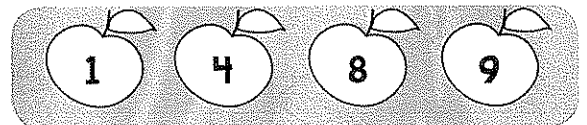
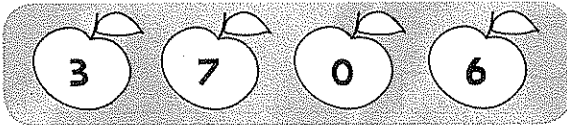




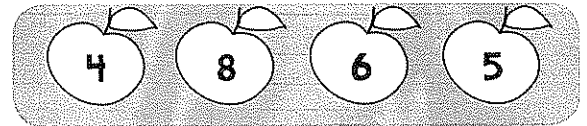
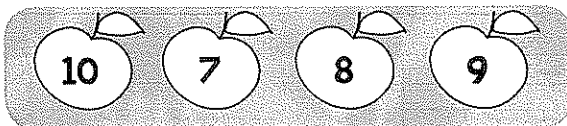
4 Nói (theo mẫu).



5 a) Tô màu quả táo ghi số lớn nhất trong mỗi nhóm.

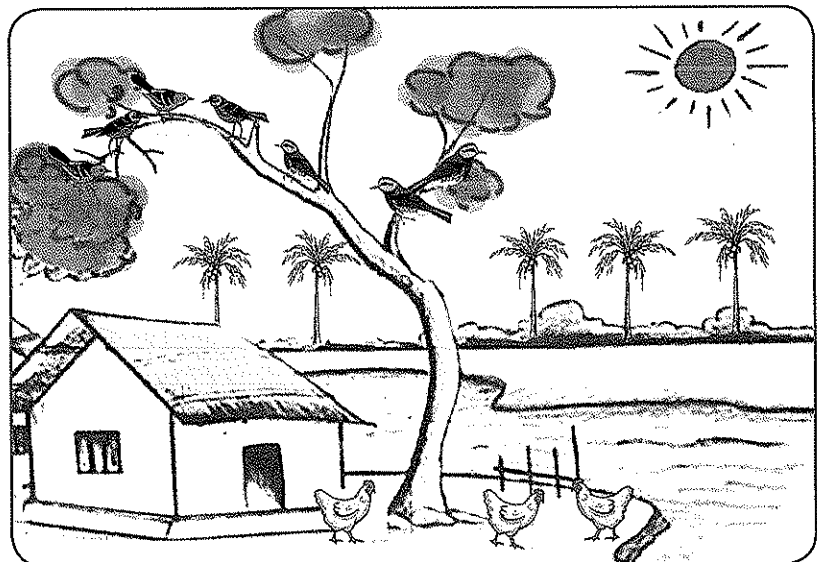


b) Tô màu quả táo ghi số bé nhất trong mỗi nhóm.



6 Số ?

-
-
-
-

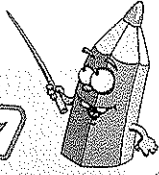




Họ và tên:

Lớp:

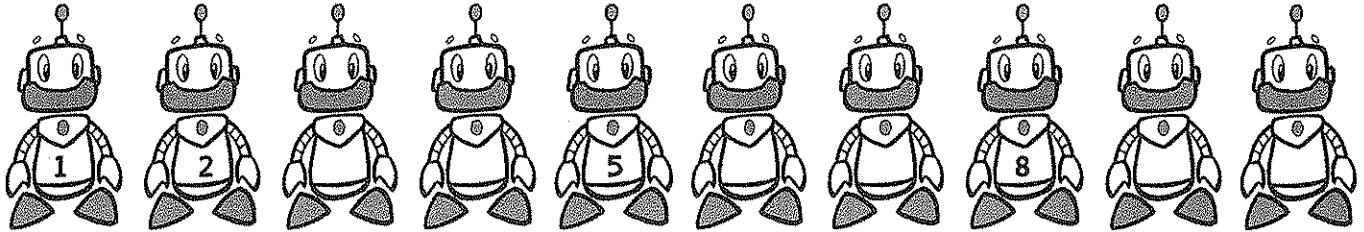
Tuần 7



LUYỆN TẬP CHUNG.

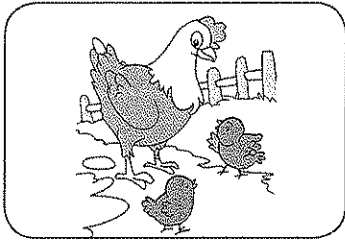
**HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN,
HÌNH TAM GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT**

① Viết số thích hợp vào chỗ trống.

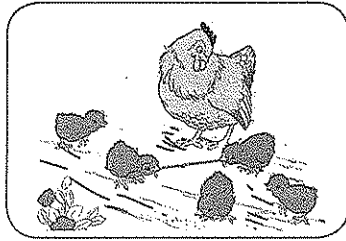


② Khoanh vào chữ đặt dưới câu trả lời đúng.

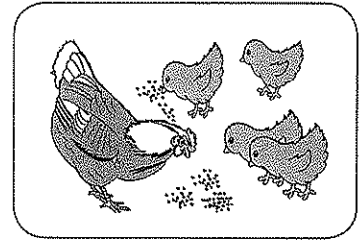
a) Bức tranh có nhiều gà nhất là:



A

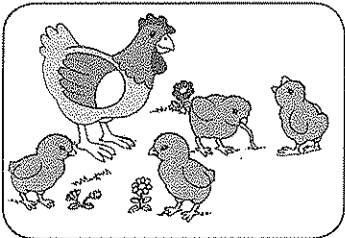


B

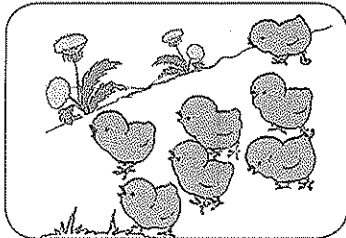


C

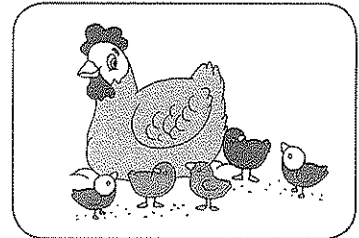
b) Bức tranh có ít gà nhất là:



A



B



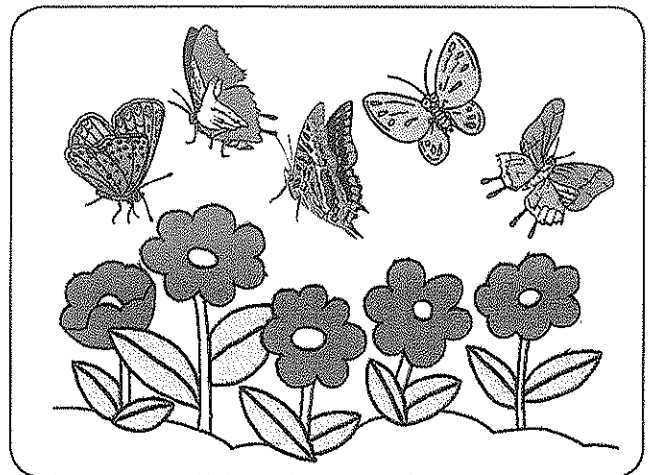
C

③ Đ, S ?

a) Số bông hoa ít hơn số con bướm.

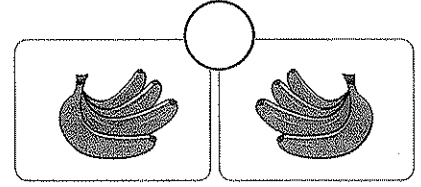
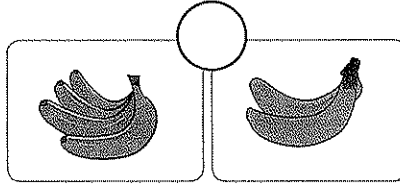
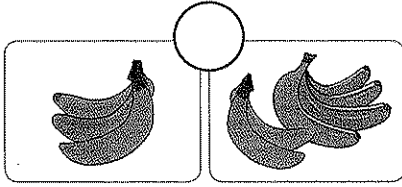
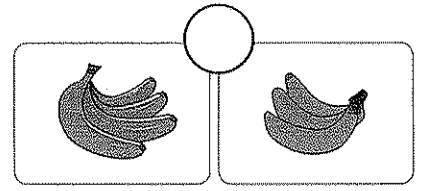
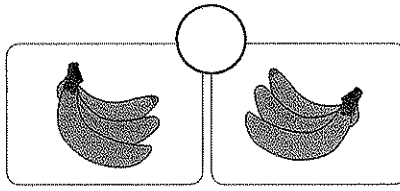
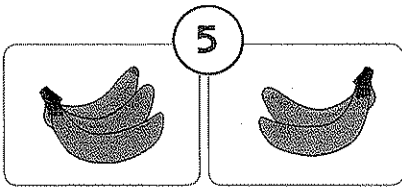
b) Số bông hoa nhiều hơn số con bướm.

c) Số bông hoa bằng số con bướm.





4 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu).



5 >; <; = ?

10 7

8 6

4 5

0 1

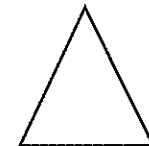
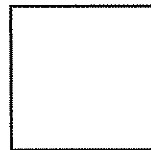
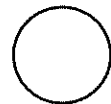
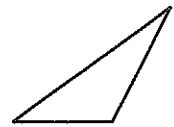
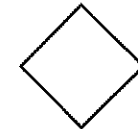
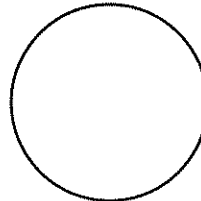
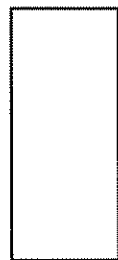
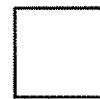
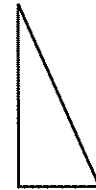
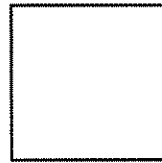
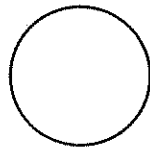
6 6

3 4

7 8

2 0

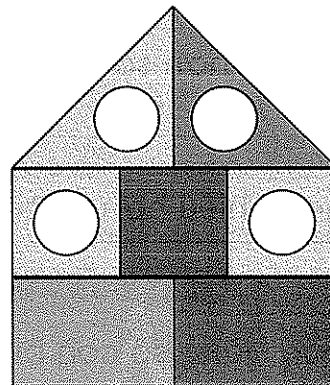
6 Tô màu xanh vào hình tròn, màu đỏ vào hình vuông, màu tím vào hình tam giác, màu vàng vào hình chữ nhật.



7 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình bên:

- Có hình tròn.
- Có hình vuông.
- Có hình tam giác.

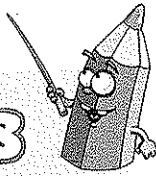




Họ và tên:

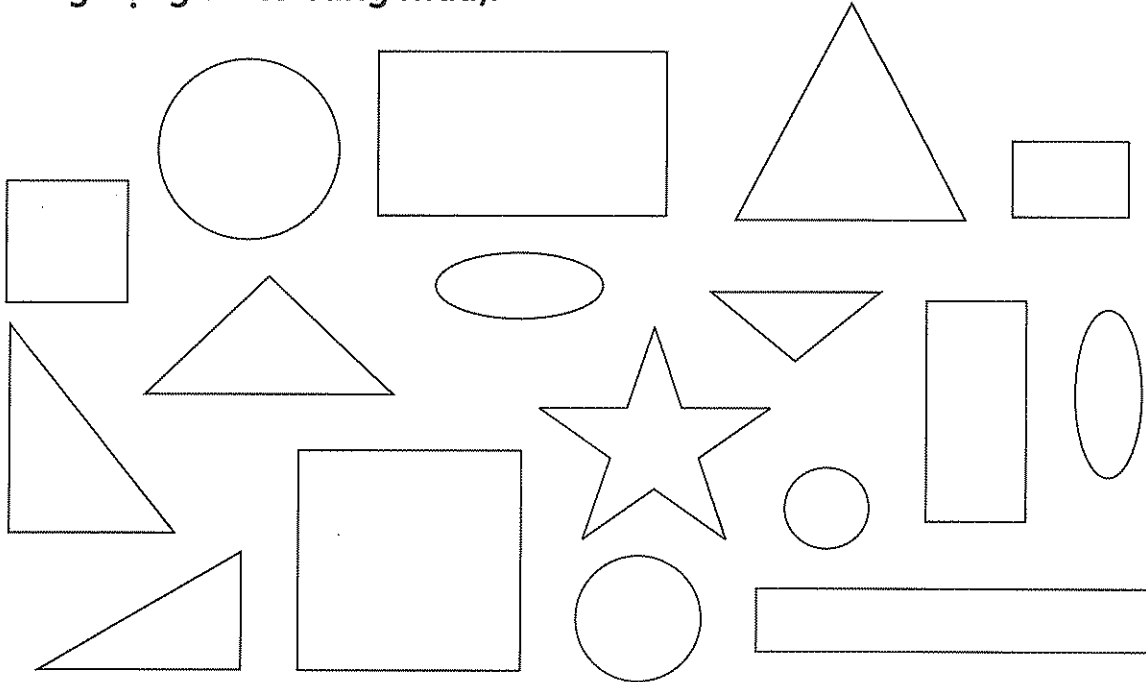
Lớp:

Tuần 8



HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN, HÌNH TAM GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT. THỰC HÀNH LẮP GHÉP, XẾP HÌNH

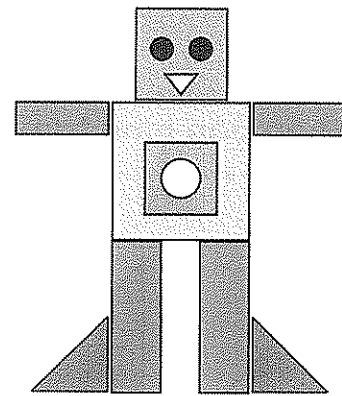
1 Tô màu vào các hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật, hình tam giác (hình cùng dạng thì tô cùng màu).



2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình bên:

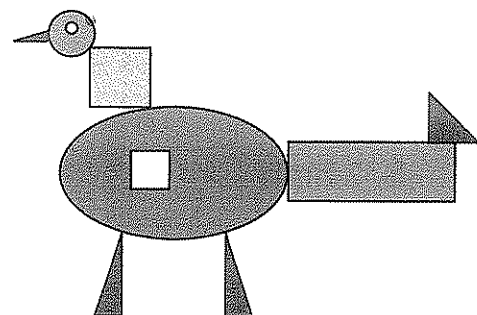
- Có hình vuông.
- Có hình chữ nhật.
- Có hình tròn.
- Có hình tam giác.



3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

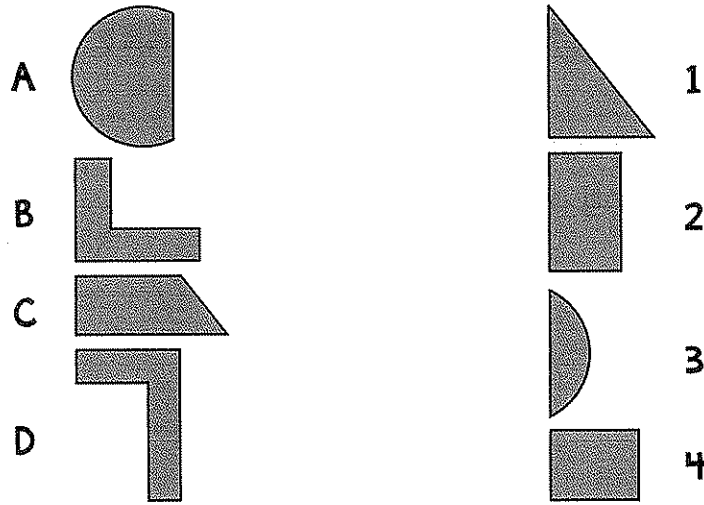
Số hình tam giác có trong hình bên là:

- A. 2 hình
- B. 3 hình
- C. 4 hình





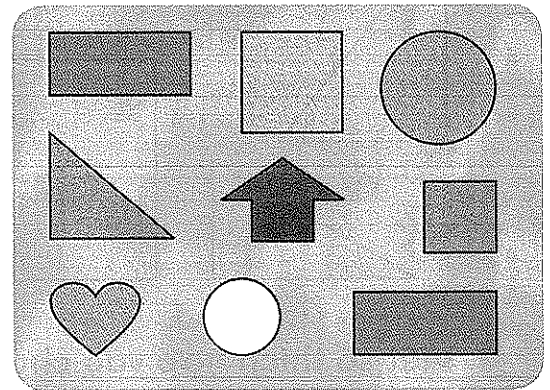
4 Nối hai miếng bìa để ghép được hình tròn, hình vuông, hình tam giác hoặc hình chữ nhật.



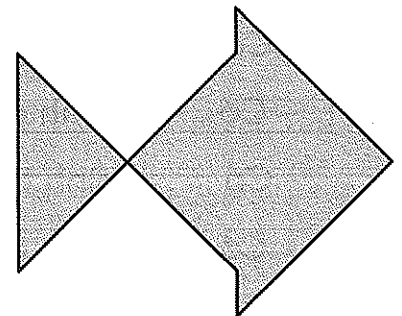
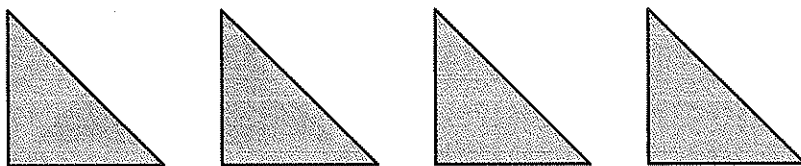
5 Đ, S ?

Trong hình bên:

- a) Có 2 hình chữ nhật.
- b) Có 3 hình tròn.
- c) Có 1 hình tam giác.
- d) Có 7 hình không phải là hình vuông.



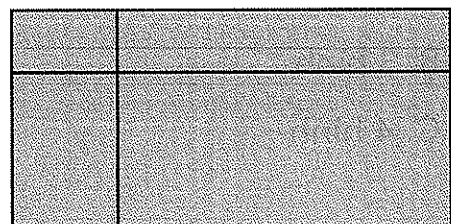
6 Ghép bốn hình tam giác sau thành hình con cá (vẽ vào hình thể hiện cách ghép).



7 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Số hình chữ nhật có trong hình bên là:

- A. 4 hình
- B. 7 hình
- C. 8 hình
- D. 9 hình

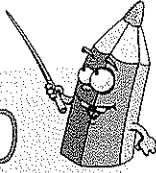




Họ và tên:

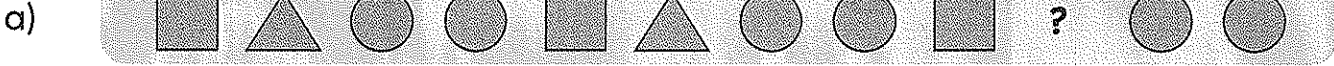
Lớp:

Tuần 9

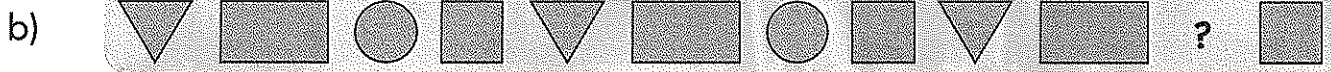


LUYỆN TẬP CHUNG. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

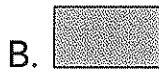
1 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Hình thích hợp đặt vào dấu "?" là:



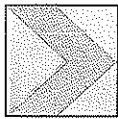
Hình thích hợp đặt vào dấu "?" là:



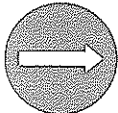
2 Nối (theo mẫu).



Hình vuông



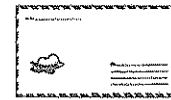
Hình chữ nhật



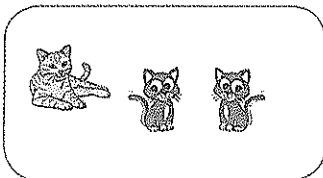
Hình tròn



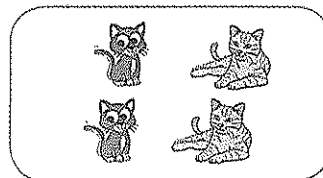
Hình tam giác



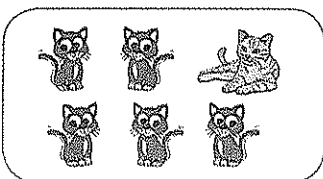
3 Viết số thích hợp vào ô trống.



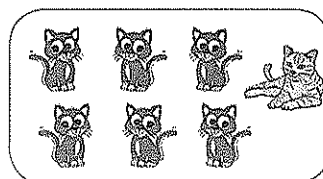
$1 + 2 = \square$



$2 + 2 = \square$



$1 + 5 = \square$

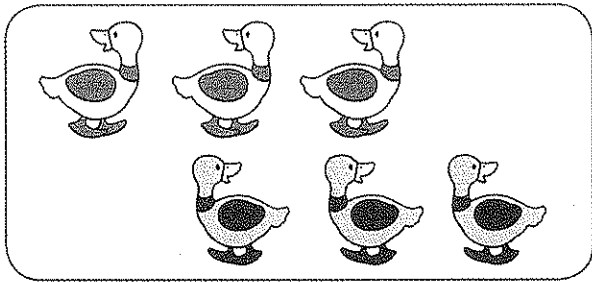


$1 + 6 = \square$

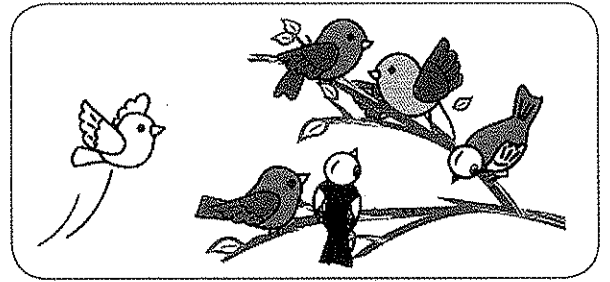




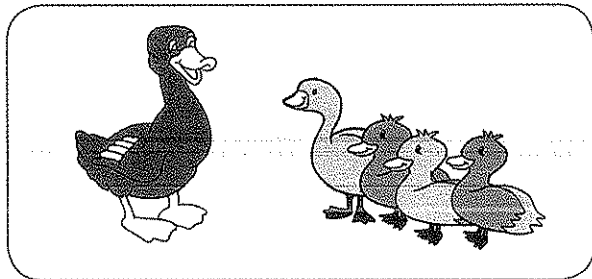
4 Viết số thích hợp vào ô trống.



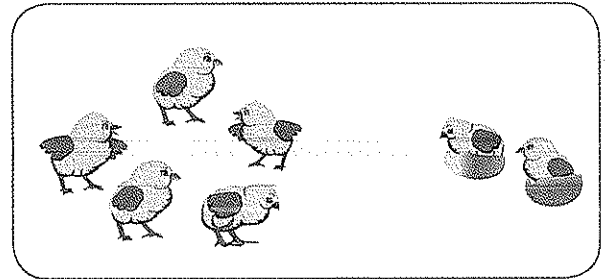
$$3 + \square = \square$$



$$\square + 5 = \square$$

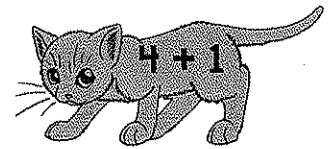
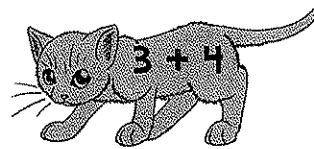
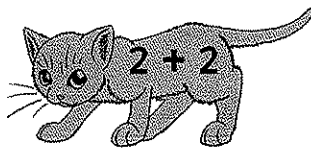
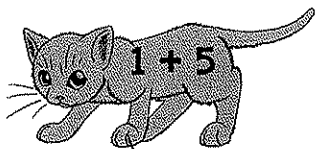


$$\square + 4 = \square$$

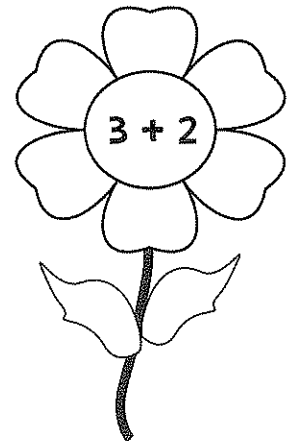
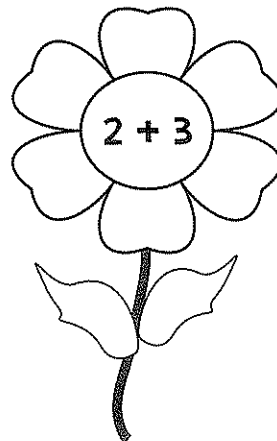
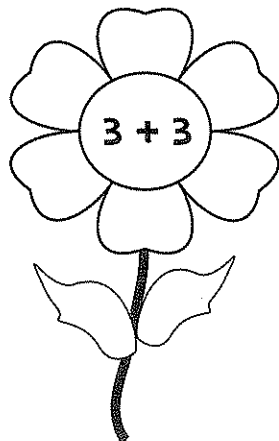
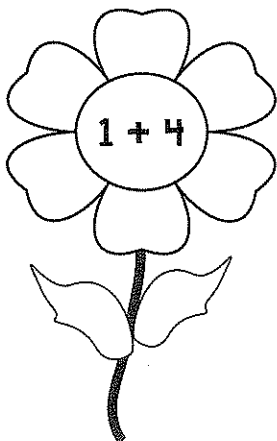


$$5 + \square = \square$$

5 Nói (theo mẫu).



6 Tô màu vào bông hoa ghi phép tính có kết quả bằng 5.

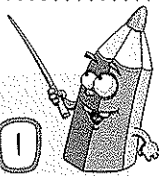




Họ và tên:

Lớp:

Tuần 10



PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

① Nối (theo mẫu).



$4 + 2$



$8 + 0$



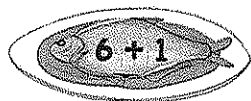
$6 + 3$



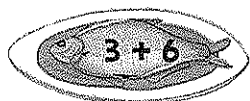
$1 + 6$



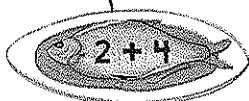
$5 + 0$



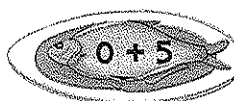
$6 + 1$



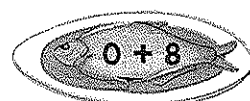
$3 + 6$



$2 + 4$



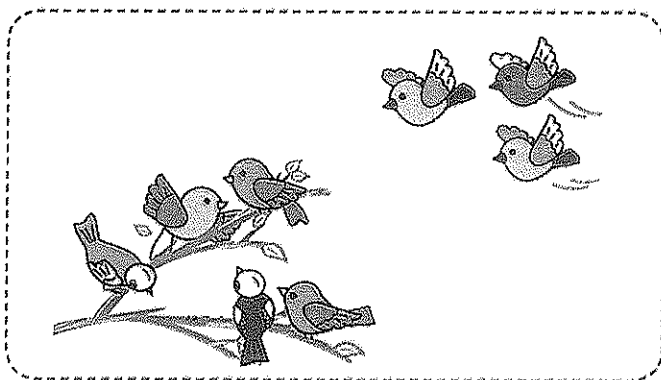
$0 + 5$



$0 + 8$

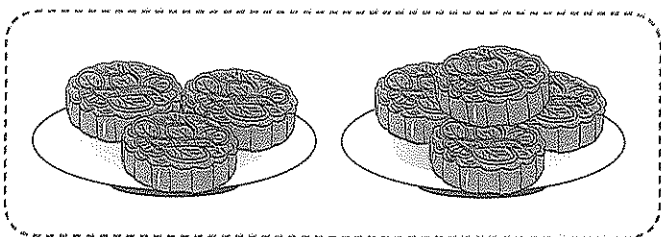
② Viết số thích hợp vào ô trống.

a)



$5 + \square = 8$

b)



$\square + 3 = 7$

③ Số ?

$3 + 4 = \square$

$2 + 5 = \square$

$1 + 7 = \square$

$6 + 2 = \square$

$5 + 3 = \square$

$6 + 0 = \square$

$4 + 2 = \square$

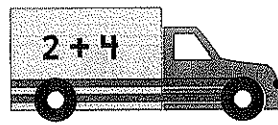
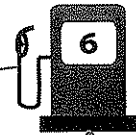
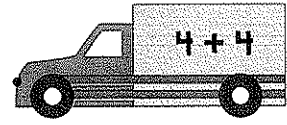
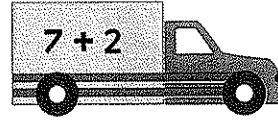
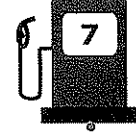
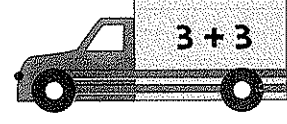
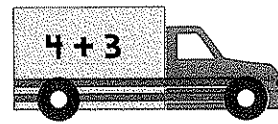
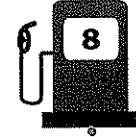
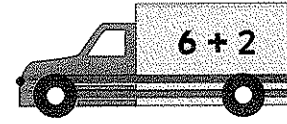
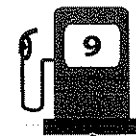
$4 + 4 = \square$

$7 + 2 = \square$



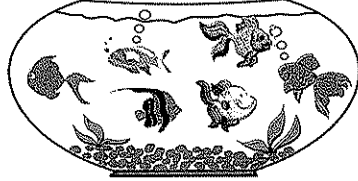
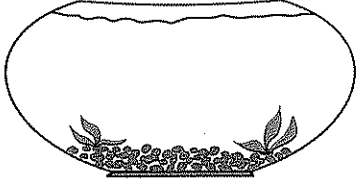


4 Nối (theo mẫu).

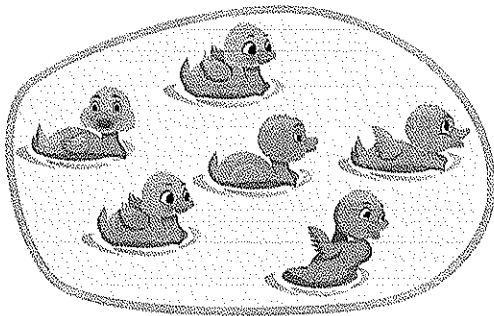

		
		
		
		

5 Viết số thích hợp vào ô trống.

a)

		<input type="text"/> + <input type="text"/> = <input type="text"/>
--	---	--

b)

		<input type="text"/> + <input type="text"/> = <input type="text"/>
---	--	--

6 Viết số thích hợp vào ô trống.

$3 + \square = 5$	$1 + \square = 4$	$5 + \square = 7$
$5 + \square = 8$	$3 + \square = 6$	$6 + \square = 9$

7 >; <; = ?

$3 + 2 \square 6$	$4 + 3 \square 7$	$7 \square 6 + 2$
$5 + 3 \square 8$	$7 + 2 \square 8$	$10 \square 8 + 1$

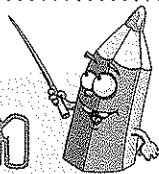




Họ và tên:

Lớp:

Tuần 11



PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1 Số ?

$3 + 7 = \square$

$6 + 3 = \square$

$8 + 2 = \square$

$5 + 4 = \square$

$1 + 9 = \square$

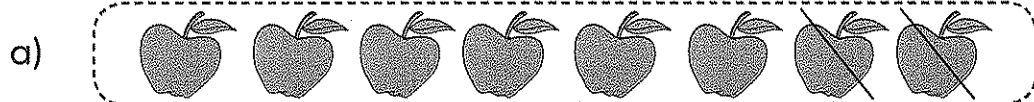
$4 + 6 = \square$

$2 + 6 = \square$

$5 + 5 = \square$

$3 + 4 = \square$

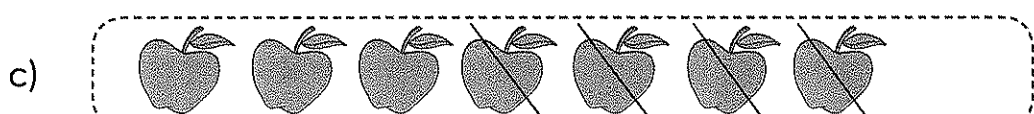
2 Viết số thích hợp vào ô trống.



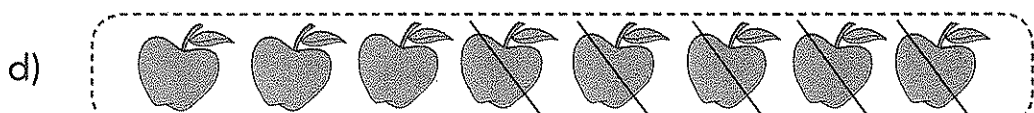
$8 - 2 = \square$



$5 - 3 = \square$

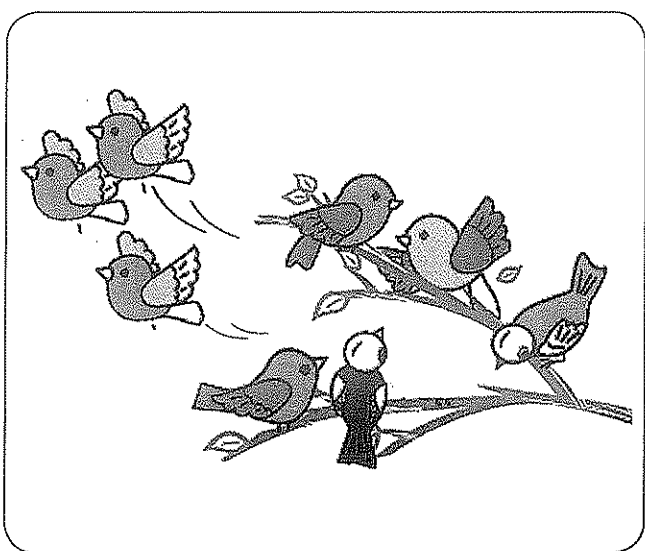


$7 - 4 = \square$

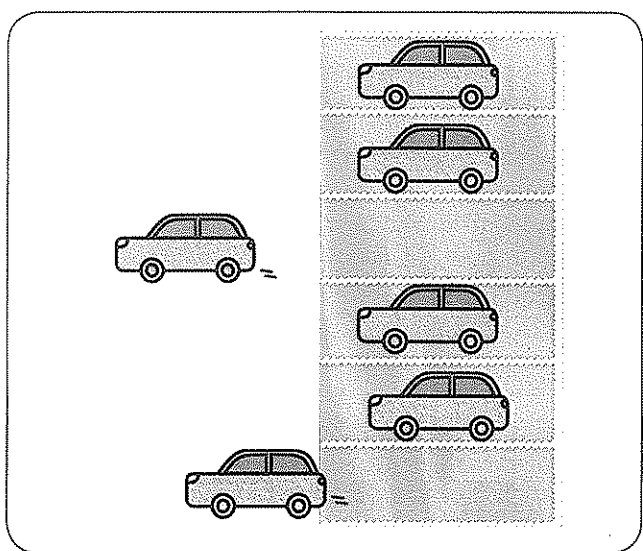


$8 - 5 = \square$

3 Viết số thích hợp vào ô trống.



$8 - \square = 5$



$\square - \square = 4$



4 Tính (theo mẫu).

Mẫu: $5 + 2 + 2 = 7 + 2 = 9$

a) $3 + 4 + 1 = \dots\dots\dots$

b) $2 + 4 + 4 = \dots\dots\dots$

c) $1 + 5 + 3 = \dots\dots\dots$

d) $2 + 2 + 6 = \dots\dots\dots$

5 Số ?

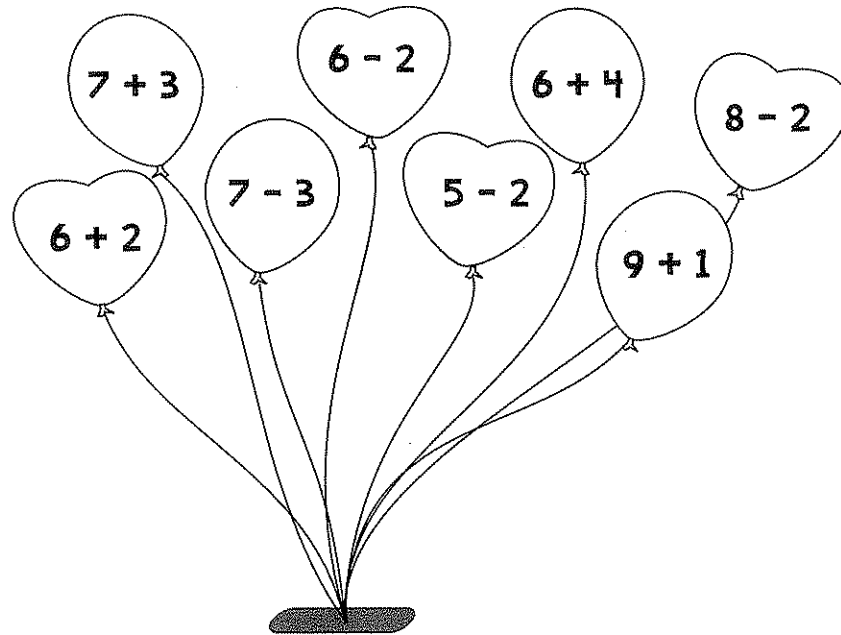
a)

b)

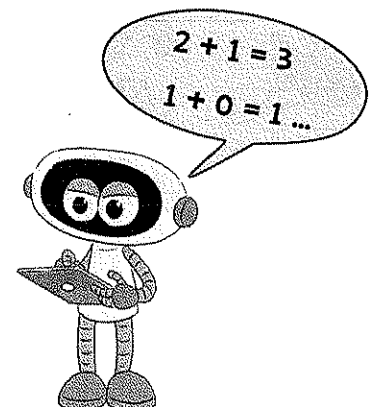
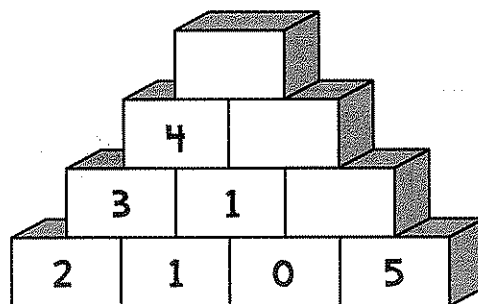
c)

d)

6 Tô màu đỏ những quả bóng ghi phép tính có kết quả bằng 10, màu xanh những quả bóng ghi phép tính có kết quả bằng 4.



7 Số ?

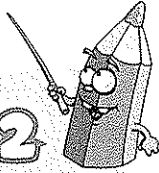




Họ và tên:

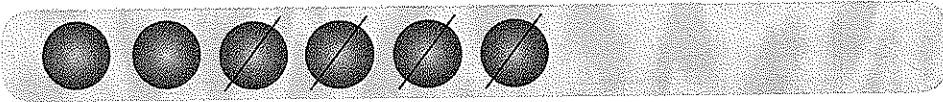
Lớp:

Tuần 12

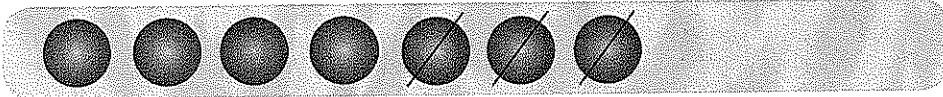


PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

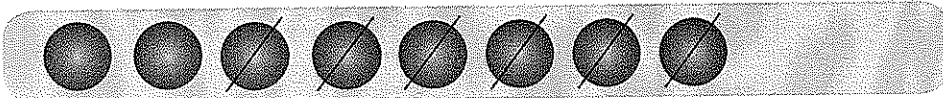
① Viết số thích hợp vào ô trống.



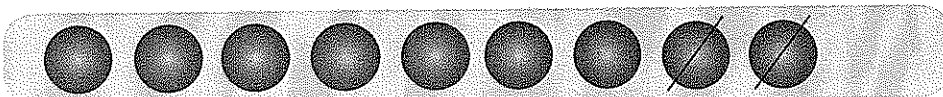
$6 - 4 = \square$



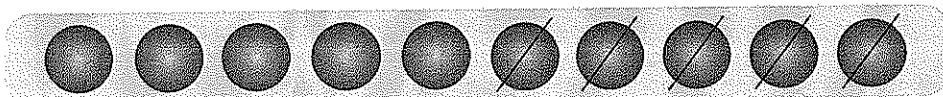
$7 - 3 = \square$



$8 - 6 = \square$



$9 - 2 = \square$



$10 - 5 = \square$

② Tô màu: Hai đám mây ghi hai phép tính có cùng kết quả thì tô cùng màu.

$8 - 2$

$7 - 3$

$9 - 4$

$10 - 2$

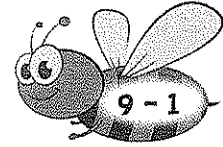
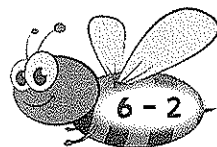
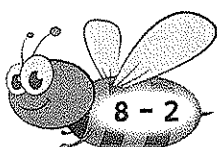
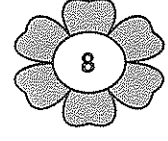
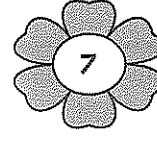
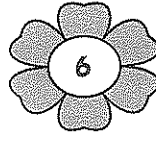
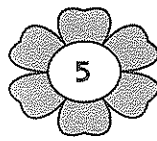
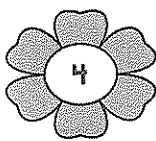
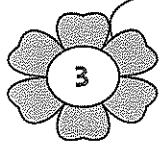
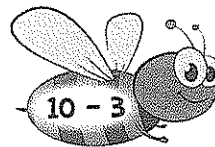
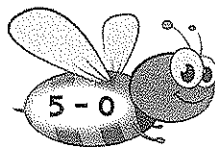
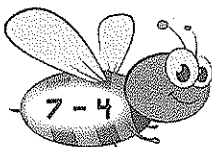
$10 - 5$

$3 + 3$

$4 - 0$

$6 + 2$

③ Nói (theo mẫu).





4) Viết số thích hợp vào ô trống.

$$6 - \square = 5$$

$$5 - \square = 5$$

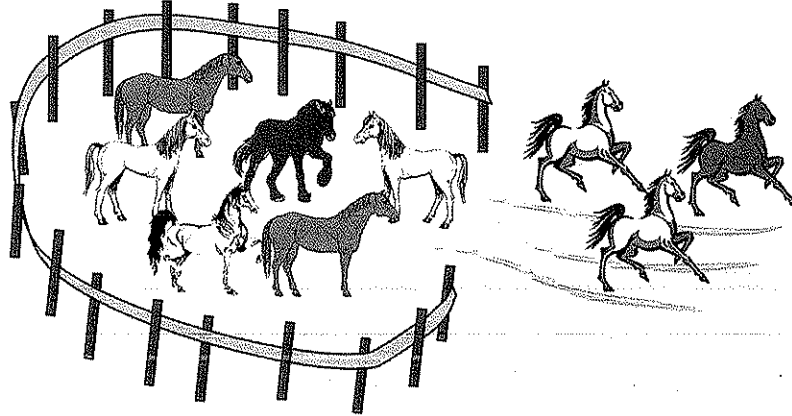
$$4 - \square = 2$$

$$4 - \square = 1$$

$$6 - \square = 3$$

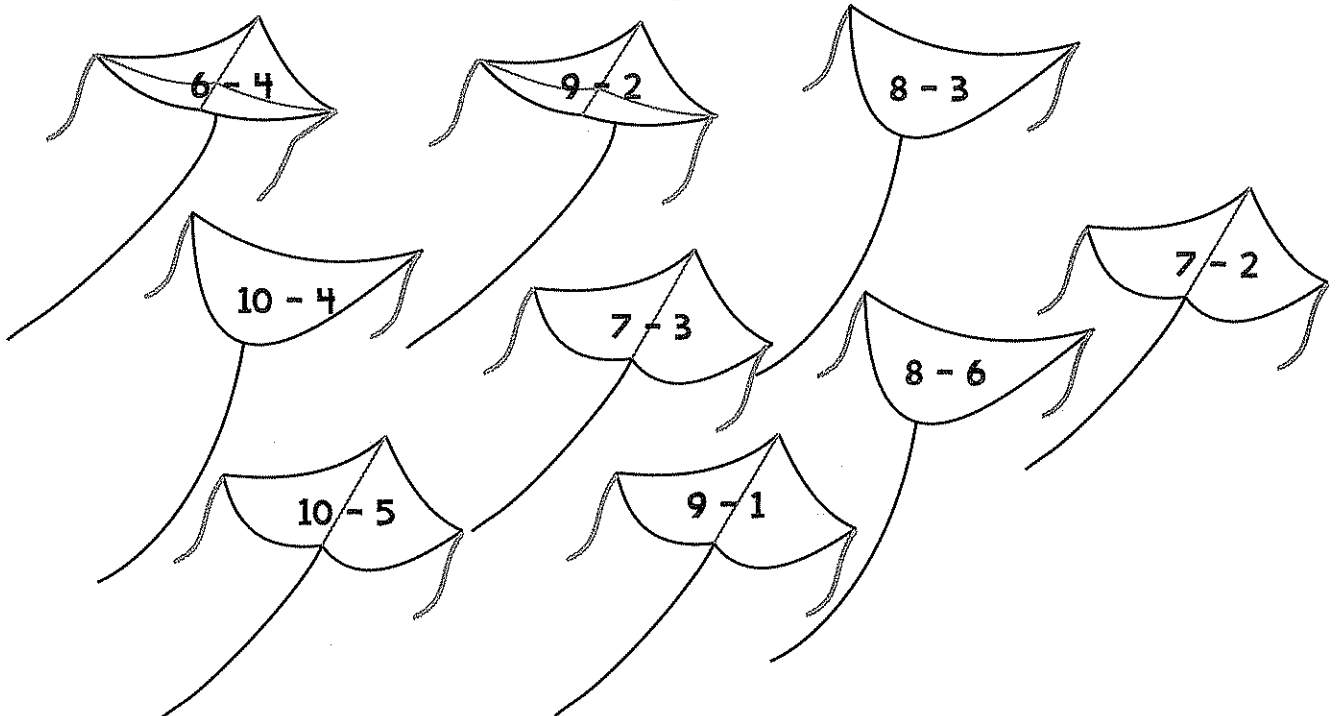
$$3 - \square = 0$$

5) Viết số thích hợp vào ô trống.



$$\square - \square = \square$$

6) Những cánh diều ghi phép tính có kết quả bé hơn 5 tô màu đỏ, bằng 5 tô màu xanh, lớn hơn 5 tô màu vàng.



7) >; <; = ?

$$6 - 4 \square 3$$

$$8 - 5 \square 7 - 3$$

$$9 - 5 \square 4$$

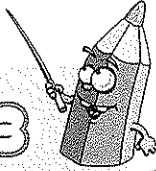
$$9 - 3 \square 9 - 4$$



Họ và tên:

Lớp:

Tuần 13



PHÉP TRỪ, BẢNG CỘNG, BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1 SỐ ?

a)

+	5	4	6	7	8	2	3	2
	3	6	2	3	1	8	6	5
	8							

b)

-	6	10	9	8	9	7	10	8
	2	5	2	3	4	5	7	6
	4							

2 Tính (theo mẫu).

Mẫu: $9 - 2 - 3 = 7 - 3 = 4$

a) $8 - 3 - 4 = \dots\dots\dots$

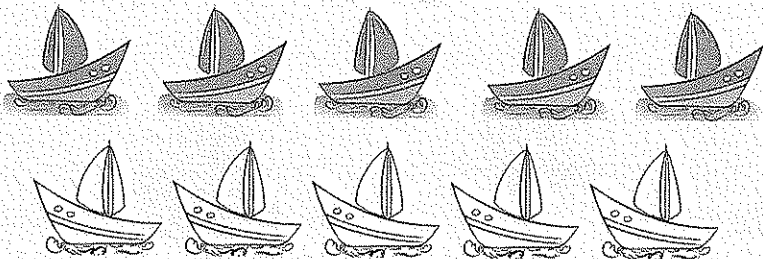
b) $10 - 1 - 6 = \dots\dots\dots$

c) $7 + 2 - 5 = \dots\dots\dots$

d) $7 - 5 + 4 = \dots\dots\dots$

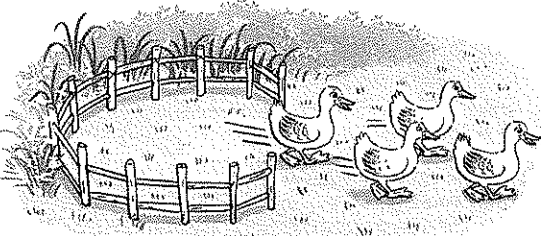
3 Viết số thích hợp vào ô trống.

a)



+ =

b)



- =



4) Viết số thích hợp vào ô trống.

$$6 + \square = 9$$

$$8 - \square = 4$$

$$2 + \square = 8$$

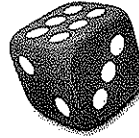
$$10 - \square = 8$$

$$3 + \square = 10$$


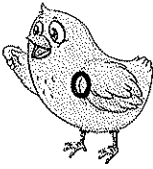








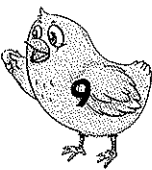
$$9 - \square = 5$$

5) Trò chơi: Bắt gà

Cách chơi:



- Em tự chơi. Bắt đầu từ ô **xuất phát**.
- Em gieo xúc xắc, đếm số chấm ở mặt trên xúc xắc. Di chuyển số ô bằng số chấm nhận được, tính kết quả của phép tính tại ô đi đến rồi bắt con gà ghi số bằng kết quả đó.
- Trò chơi kết thúc khi bắt được hết gà.

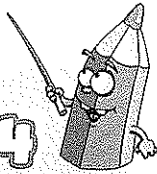
	$2 + 2$	$9 - 4$	$2 + 4$	$10 - 3$	$6 + 2$	$5 + 4$	$7 + 3$	
$4 - 1$								$4 - 4$
$7 - 5$								$10 - 9$
$4 - 3$								$6 - 4$
$5 + 5$								$0 + 3$
$3 + 6$								$1 + 4$
$10 - 2$								$5 + 1$
$5 + 2$								
	$3 + 3$	$1 + 2$	$8 - 4$	$9 - 7$	$2 + 3$	$1 + 0$	XUẤT PHÁT	



Họ và tên:

Lớp:

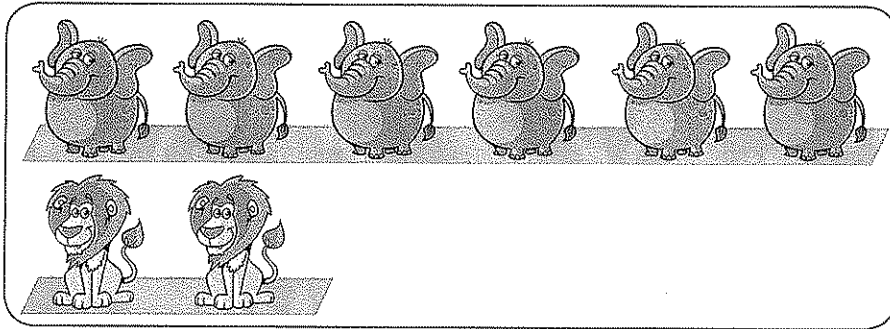
Tuần 14



BẢNG CỘNG, BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10. LUYỆN TẬP CHUNG

1 Số ?

a)



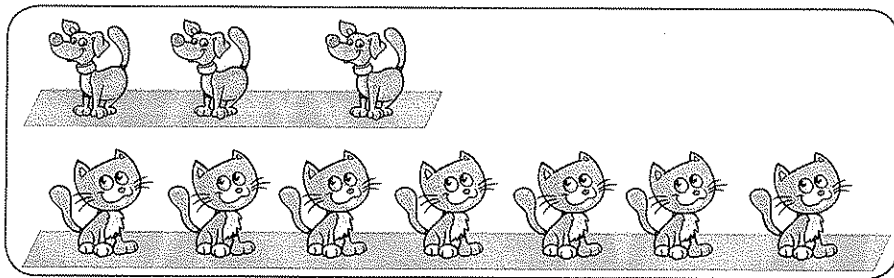
$6 + 2 = \square$

$2 + 6 = \square$

$8 - 6 = \square$

$8 - 2 = \square$

b)



$3 + 7 = \square$

$7 + 3 = \square$

$10 - 3 = \square$

$10 - 7 = \square$

2 Số ?

6	
5	1
3	
	4
1	
2	

10	
7	3
5	
	8
4	
	9

8	
6	2
3	
	4
7	
	8

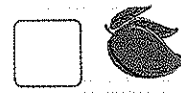
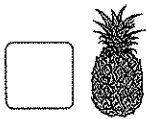
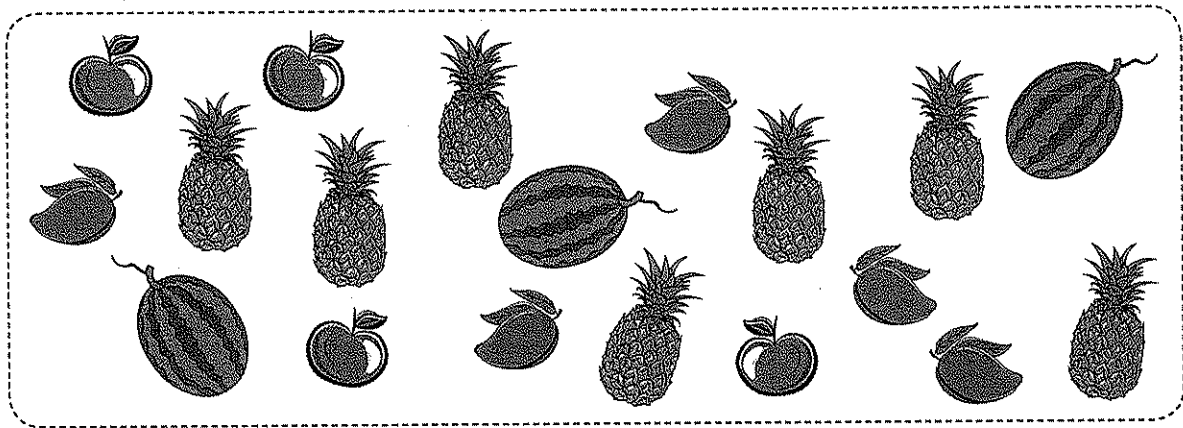
3 Số ?

$2 \xrightarrow{+7} 9 \xrightarrow{-6} \square \xrightarrow{+5} \square$

$6 \xrightarrow{-4} \square \xrightarrow{+7} \square \xrightarrow{-5} \square$



4 a) Số ?



b) Đ, S ?

- Tất cả có 9 quả dưa và dưa hấu.

- Tất cả có 10 quả dưa và cam.

- Tất cả có 8 quả dưa hấu và cam.

- Tất cả có 9 quả cam và xoài.

5 Tính.

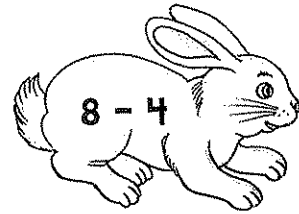
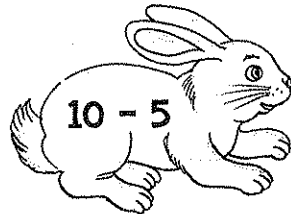
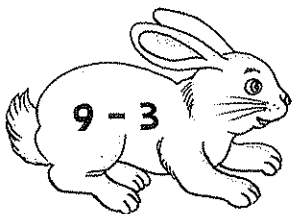
a) $5 + 3 + 2 = \dots\dots\dots$

b) $7 + 2 - 4 = \dots\dots\dots$

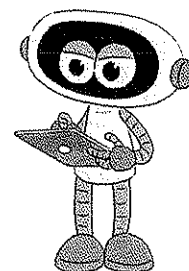
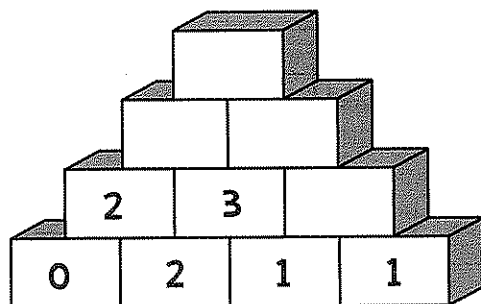
c) $10 - 5 - 3 = \dots\dots\dots$

d) $9 - 6 + 5 = \dots\dots\dots$

6 Tô màu chú thỏ ghi phép tính có kết quả lớn nhất.



7 Số ?

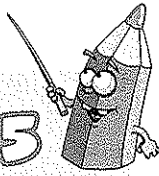




Họ và tên:

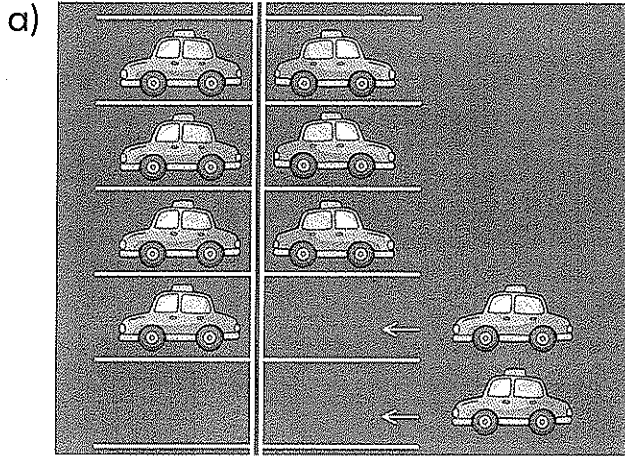
Lớp:

Tuần 13

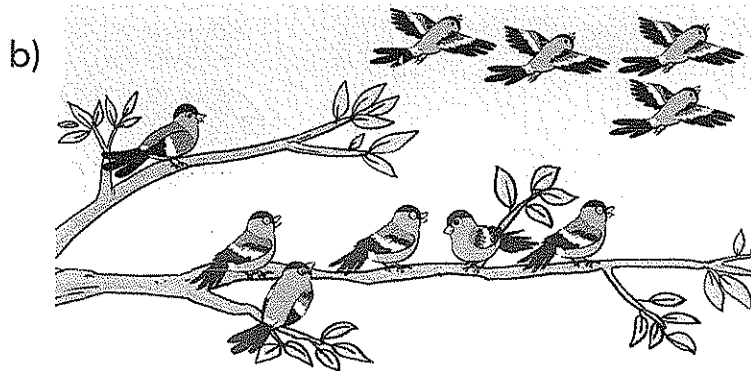


LUYỆN TẬP CHUNG. KHỐI LẬP PHƯƠNG, KHỐI HỘP CHỮ NHẬT

1) Viết phép tính thích hợp.

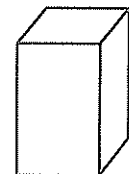
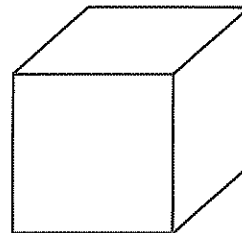
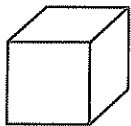


□ □ □ □ □

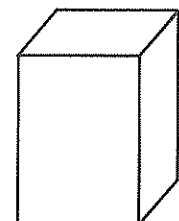
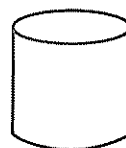
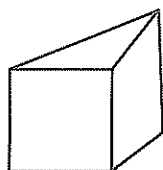
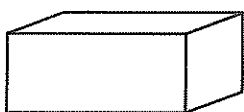


□ □ □ □ □

2) a) Tô màu vào các khối lập phương.



b) Tô màu vào các khối hộp chữ nhật.





3 > ; < ; = ?

$8 - 3$ 6

$7 + 2$ 8

$4 + 5$ $5 + 4$

$6 + 4$ 9

$10 - 5$ 6

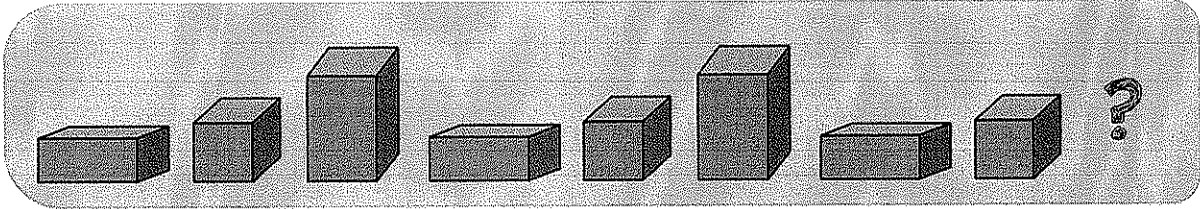
$3 + 4$ $6 - 0$

$9 - 6$ 3

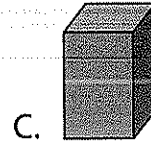
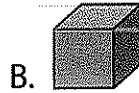
$2 + 6$ 7

$7 - 4$ $0 + 4$

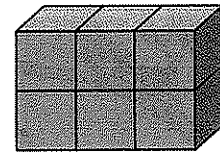
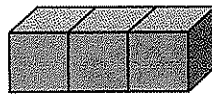
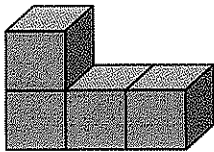
4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



Hình thích hợp đặt vào dấu "?" là:



5 Số ?



A

B

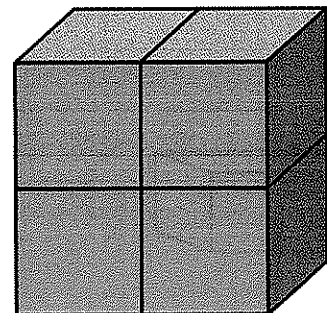
C

- a) - Hình A được xếp bởi khối lập phương.
- Hình B được xếp bởi khối lập phương.
- Hình C được xếp bởi khối lập phương.
- b) - Cả hình A và hình B được xếp bởi khối lập phương.
- Hình C có nhiều hơn hình A khối lập phương.

6 Khoanh vào chữ đặt trước ý trả lời đúng.

Hình bên được xếp bởi bao nhiêu khối lập phương nhỏ?

- A. 4
- B. 8
- C. 12

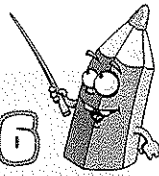




Họ và tên:

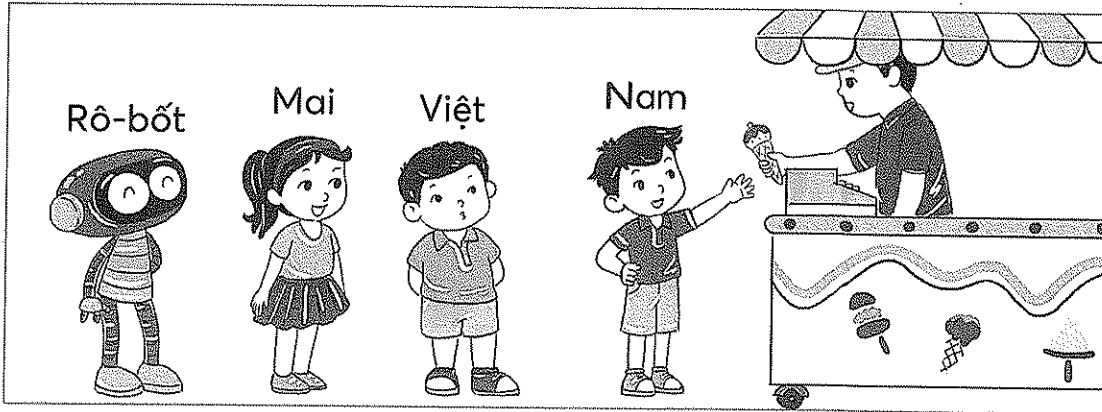
Lớp:

Tuần 16



VỊ TRÍ, ĐỊNH HƯỚNG TRONG KHÔNG GIAN. LUYỆN TẬP CHUNG

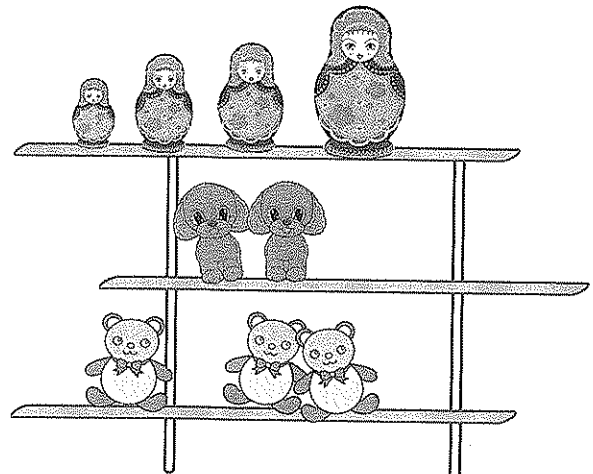
1) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



- a) Việt đứng sau và đứng trước.....
- b) Mai đứng giữa và
- c) Nam đứng đầu hàng, đứng cuối hàng.

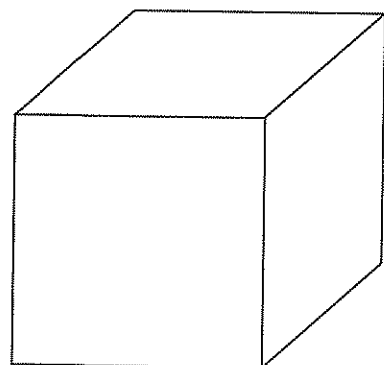
2) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- a) Ngăn dưới cùng có gấu bông.
- b) Ngăn ở giữa có chó bông
- c) Ngăn trên cùng có búp bê.
- d) Cả ba ngăn có tất cả đồ chơi.



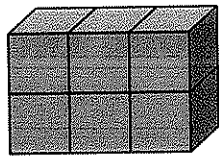
3) Tô màu.

Ở khối lập phương bên: tô màu đỏ vào mặt trước, màu xanh vào mặt bên phải, màu vàng vào mặt trên.

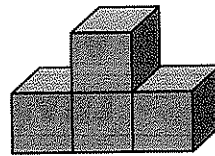




4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



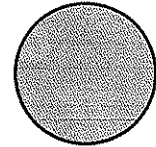
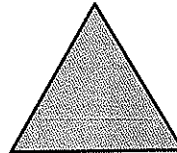
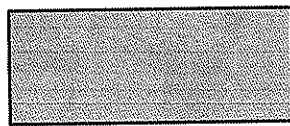
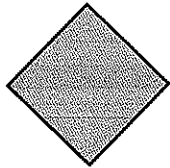
A



B

Phải xếp thêm khối lập phương nhỏ vào hình B để hình A và hình B có số khối lập phương nhỏ bằng nhau.

5 Viết vào chỗ chấm cho thích hợp.



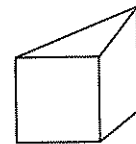
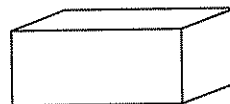
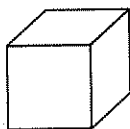
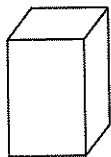
a) Tên các hình theo thứ tự từ phải sang trái là:

.....
.....

b) Từ phải sang trái, hình tròn ở vị trí thứ nhất, hình tam giác ở vị trí thứ, hình chữ nhật ở vị trí thứ, hình vuông ở vị trí thứ

c) Từ trái sang phải, hình vuông ở vị trí thứ nhất, hình chữ nhật ở vị trí thứ, hình tam giác ở vị trí thứ, hình tròn ở vị trí thứ

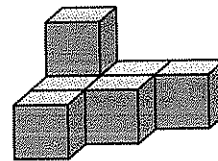
6 Tô màu vào những hình không là khối lập phương.



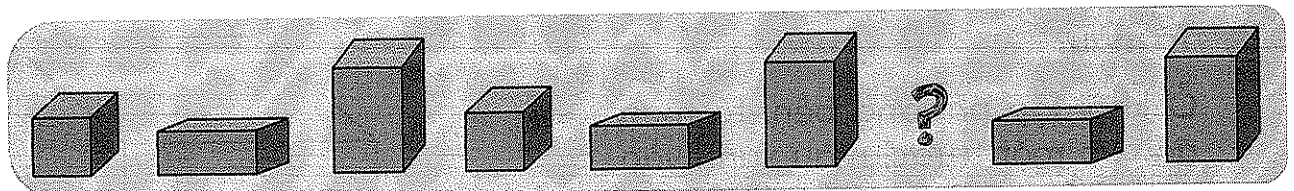
7 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số khối lập phương nhỏ trong hình bên là:

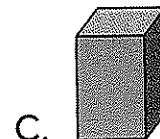
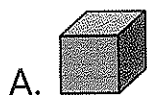
- A. 6 B. 7 C. 8



b)



Hình thích hợp đặt vào dấu "?" là:

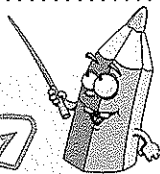




Họ và tên:

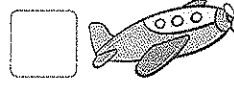
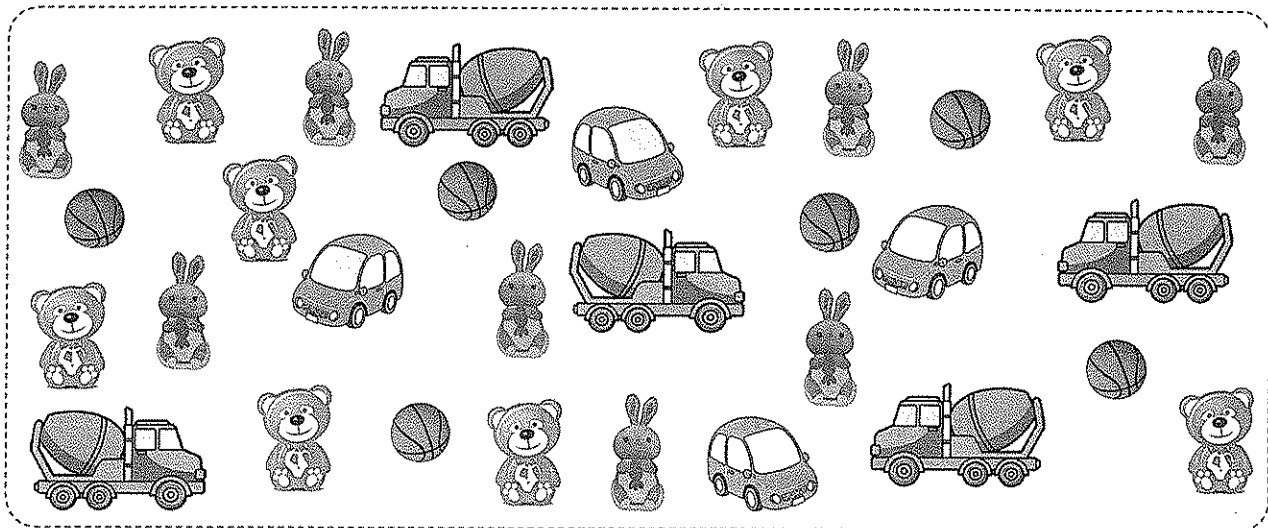
Lớp:

Tuần 17

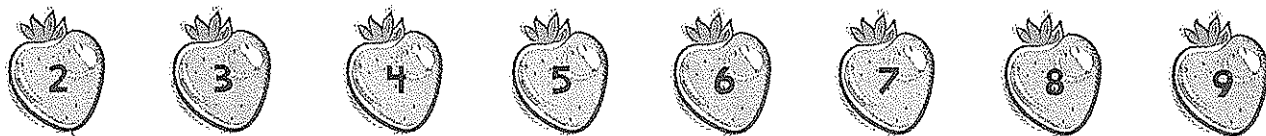


ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

1 Số ?



2 a) Nối (theo mẫu).



< 4

5 < < 9

b) Viết vào chỗ chấm cho thích hợp.

- Các số bé hơn 5 là:

- Các số vừa lớn hơn 6 vừa bé hơn 10 là:

3) Viết dấu +, -, vào ô trống để được phép tính đúng (theo mẫu).

3 4 = 7

5 3 = 8

8 4 = 4

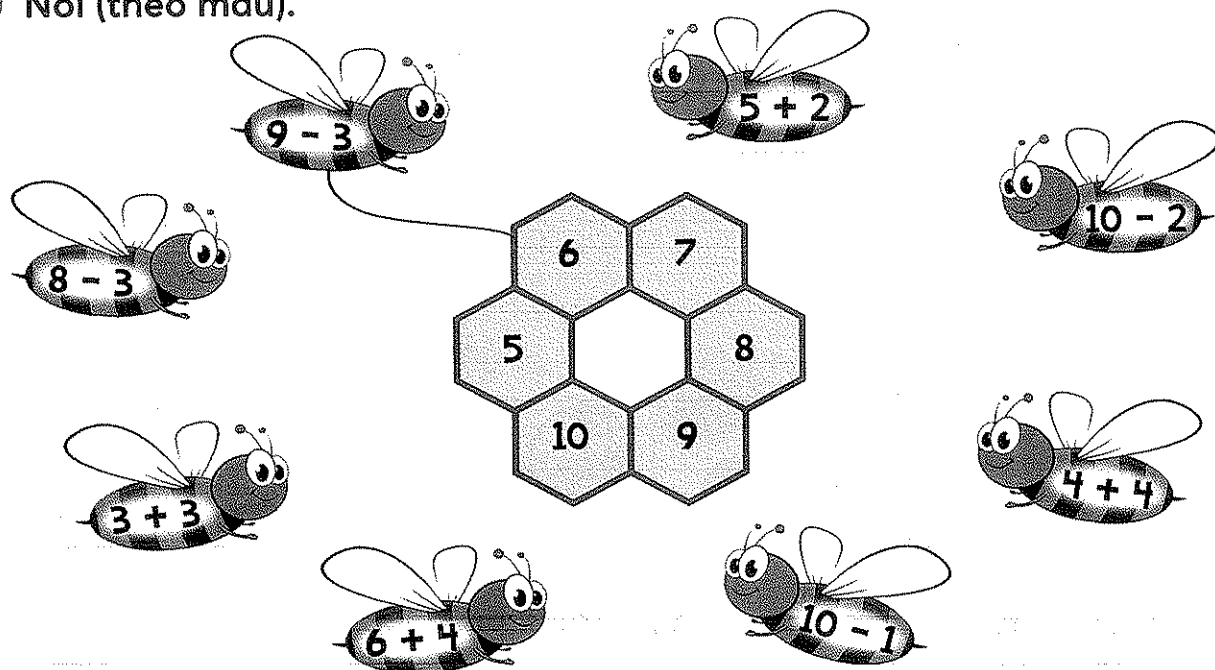
9 5 = 4

7 4 = 3

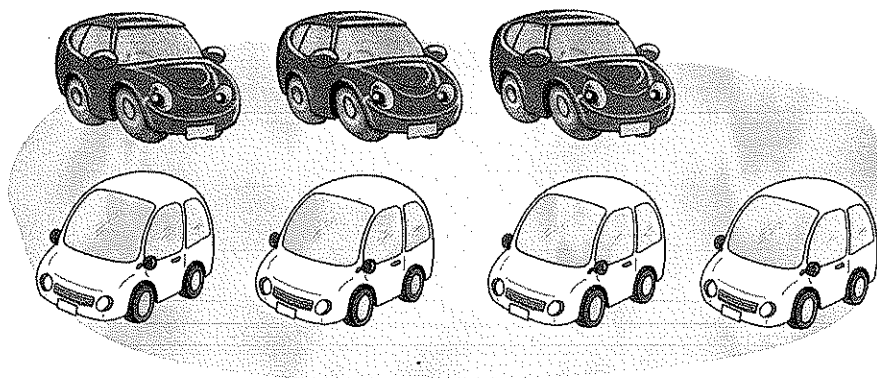
7 3 = 10



4 Nói (theo mẫu).



5 Viết phép tính thích hợp (theo mẫu).



3	+	4	=	7

6 >; <; = ?

a) $4 + 5$ 9

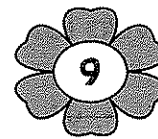
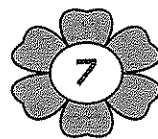
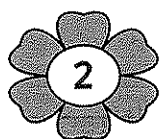
$10 - 6$ 7

b) $9 - 3$ $5 + 3$

$3 + 6$ $10 - 2$

7 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho các số dưới đây.



Từ các số trên và các dấu +, -, = em có thể lập được các phép tính đúng là:

.....

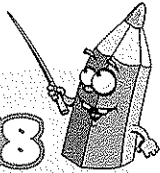
.....



Họ và tên:

Lớp:

Tuần 18



ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10. ÔN TẬP HÌNH HỌC. ÔN TẬP CHUNG

1 Số ?

a) $4 + 2 = \square$

b) $8 - 6 = \square$

c) $5 + 3 = \square$

$5 + 4 = \square$

$10 - 5 = \square$

$3 + 5 = \square$

$9 - 3 = \square$

$3 + 7 = \square$

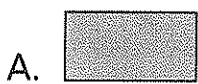
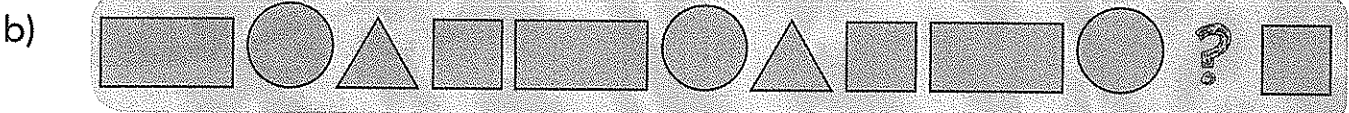
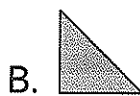
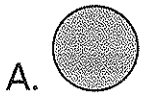
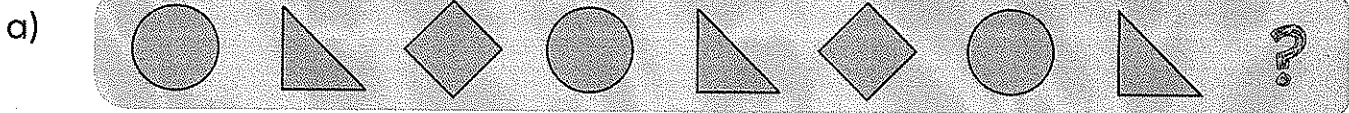
$8 - 4 = \square$

$7 - 4 = \square$

$8 + 1 = \square$

$8 - 3 = \square$

2 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. Hình thích hợp đặt vào dấu "?" là hình nào?



3 Số ?

a) $5 + \square = 8$

$8 - \square = 5$

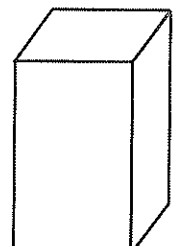
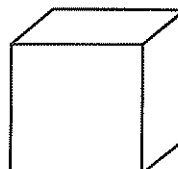
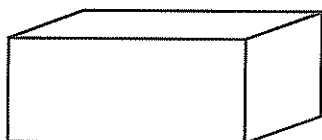
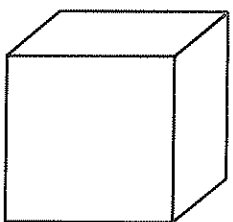
$8 - \square = 3$

b) $\square + 2 = 9$

$9 - \square = 2$

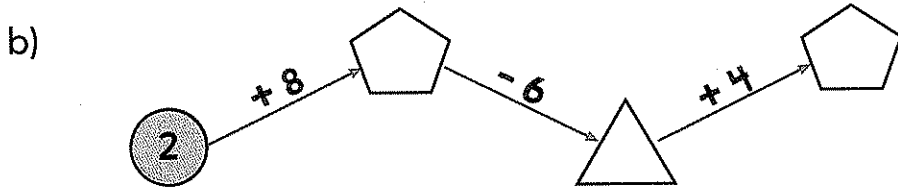
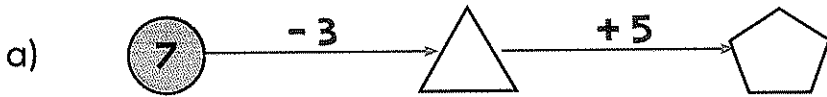
$9 - \square = 7$

4 Tô màu vào những hình không là khối lập phương.

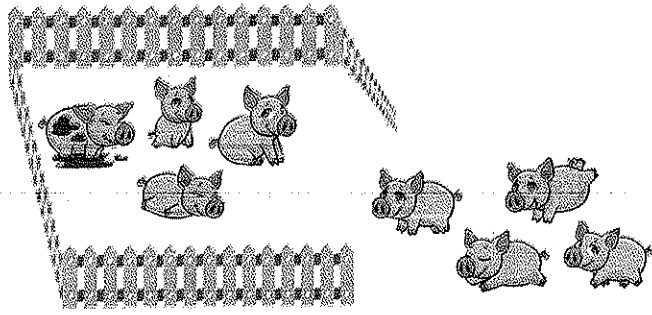


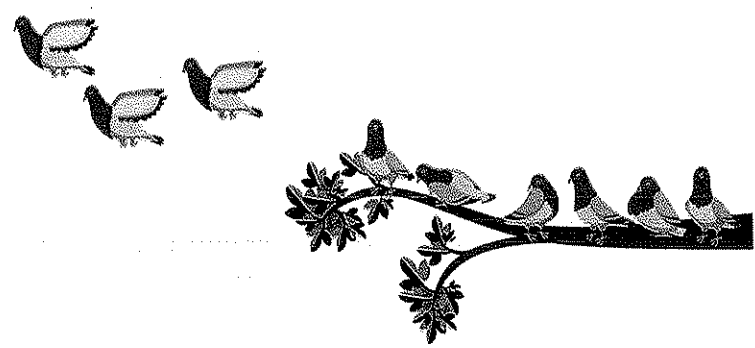


5 SỐ ?

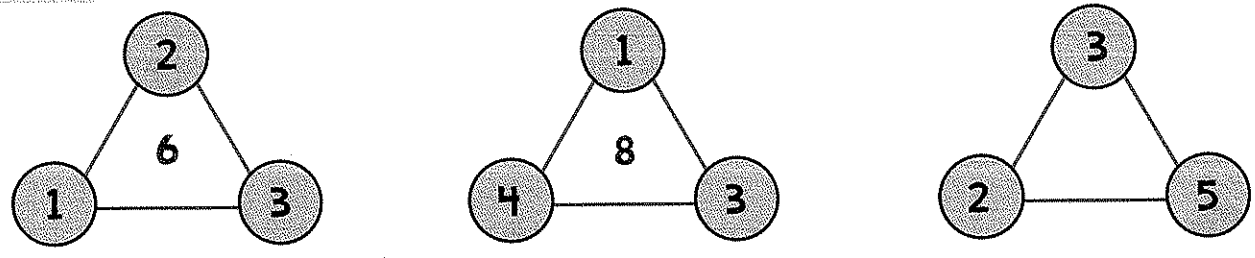


6 Viết phép tính thích hợp.

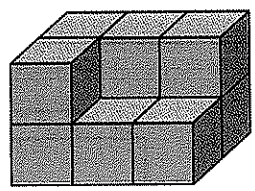
a) 

b) 

7 SỐ ?

a) 

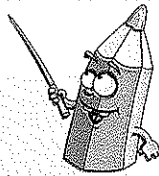
- Triangle 1: vertices 1, 2, 3; center 6
- Triangle 2: vertices 4, 1, 3; center 8
- Triangle 3: vertices 2, 3, 5

b) Hình bên có khối lập phương nhỏ. 



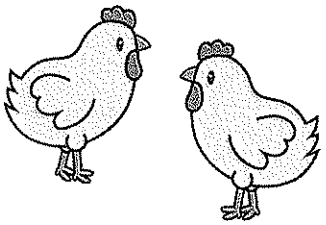
Họ và tên:

Lớp:

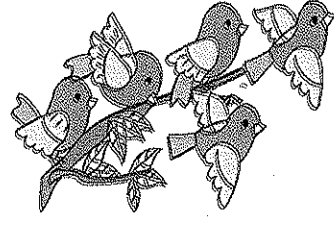


TỰ KIỂM TRA HỌC KÌ 1

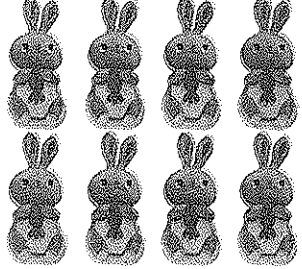
1. Viết số thích hợp vào ô trống.



○



○



○

2. >; <; = ?

4 5

8 6

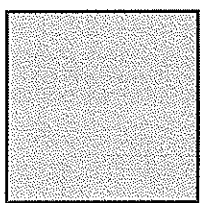
3 2

9 9

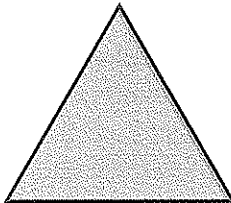
3 3

7 10

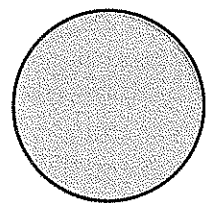
3. Viết tên hình, tên khối hình vào chỗ chấm cho thích hợp.



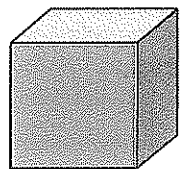
Hình



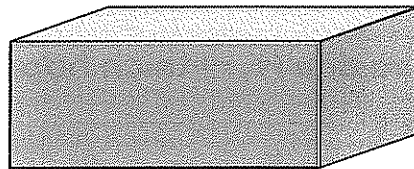
Hình



Hình



Khối



Khối



4 Tính.

a) $3 + 6 = \dots\dots$

$8 - 3 = \dots\dots$

$10 - 4 = \dots\dots$

$5 + 5 = \dots\dots$

b) $5 + 4 - 3 = \dots\dots$

$9 - 5 + 4 = \dots\dots$

5 Số ?

a) $3 + \square = 7$

b) $10 - \square = 5$

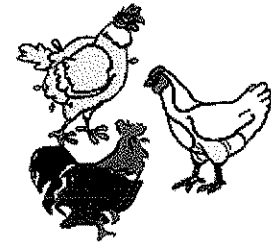
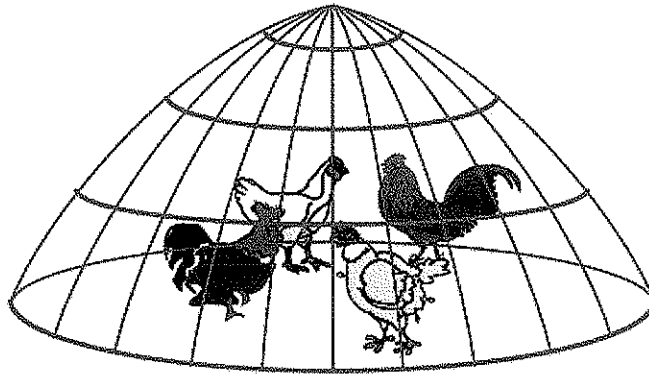
6 >; <; = ?

a) $4 + 5 \square 9$

b) $8 - 3 \square 6$

c) $4 + 4 \square 10 - 3$

7 Quan sát tranh rồi viết hai phép cộng và hai phép trừ thích hợp.



--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

8 Viết số và dấu (+, -) thích hợp để được phép tính đúng.

a)

		5	=	4
--	--	---	---	---

b)

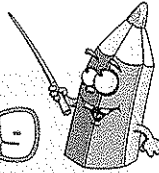
1			=	7
---	--	--	---	---



Họ và tên:

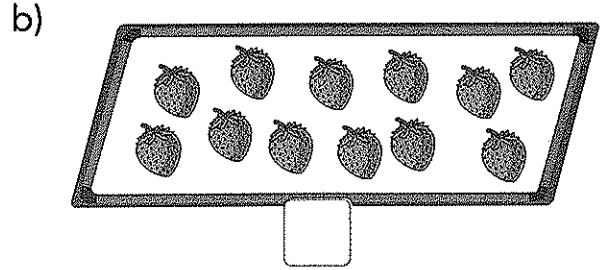
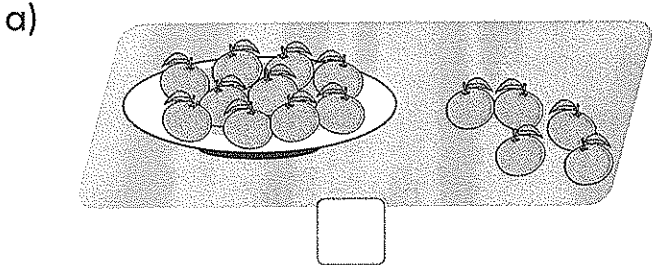
Lớp:

Tuần 19

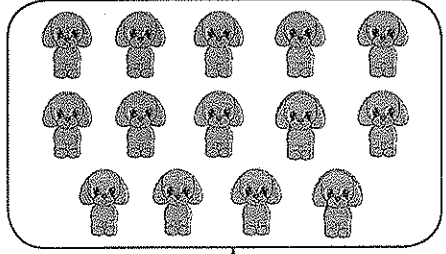
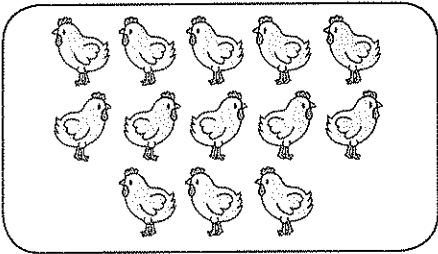


SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

1 SỐ ?



2 Nối tranh với số thích hợp (theo mẫu).



11

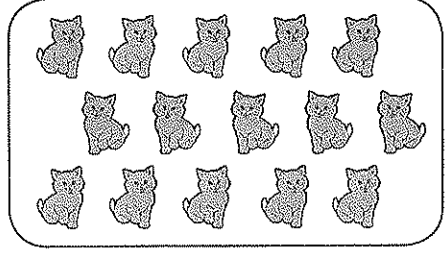
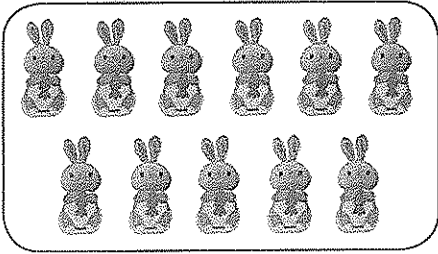
12

13

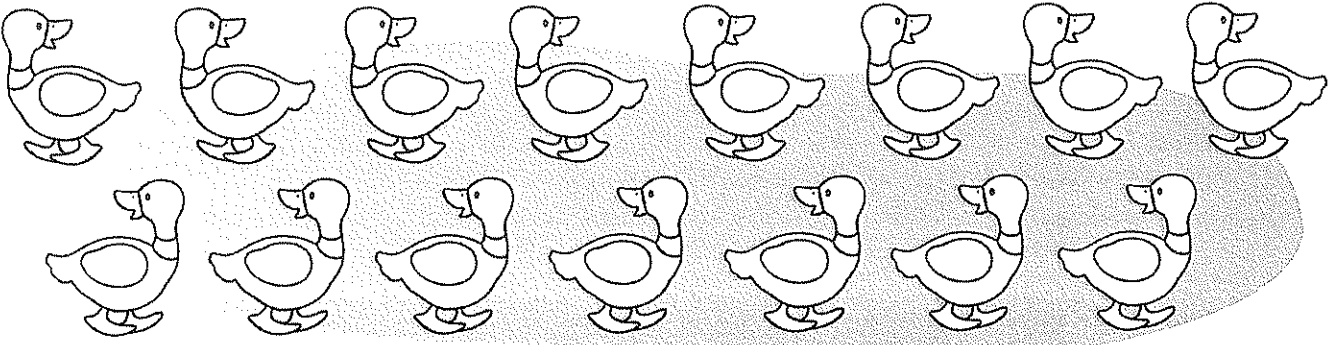
14

15

16



3 a) Tô màu vào 10 con vịt.



b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Số vịt chưa tô màu là: con.





4 Quan sát tranh rồi viết số vào chỗ chấm cho thích hợp.



Trên bàn có:

..... chai nước; chiếc cốc; chiếc bánh.

5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.



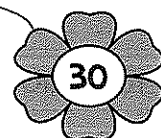
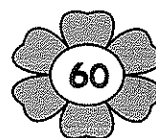
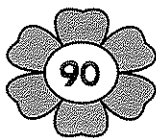
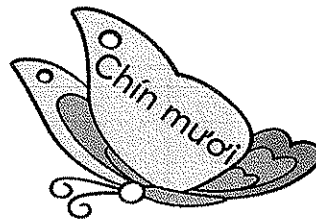
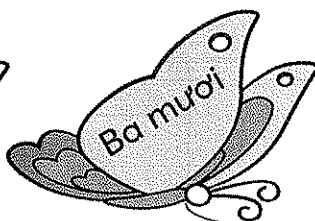
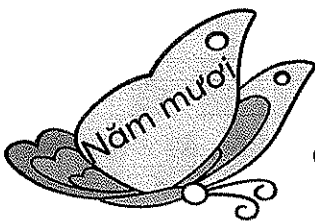
Nhà bạn Minh cạnh nhà bạn Hoa. Số nhà bạn Minh là 16. Số nhà bạn Hoa là:

A. 15

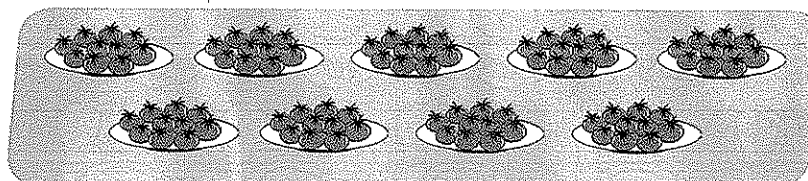
B. 17

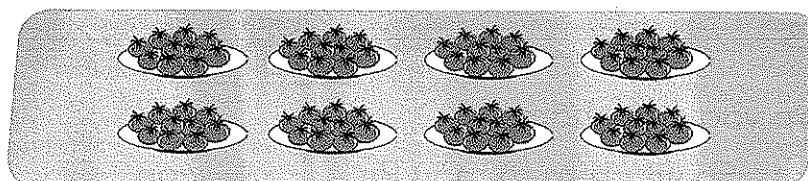
C. 18

6 Nối (theo mẫu).



7 Số ?



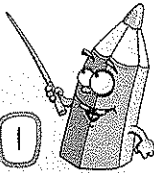




Họ và tên:

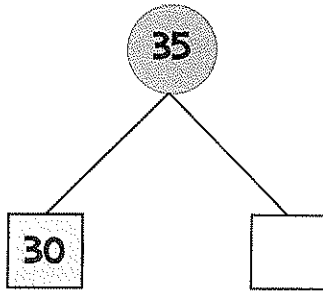
Lớp:

Tuần 20

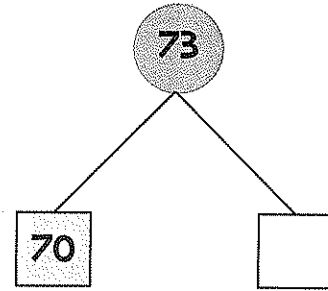


SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

1 SỐ ?



35 gồm chục và đơn vị.



gồm chục và đơn vị.

2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Số 75 gồm chục và đơn vị.

b) Số gồm 3 chục và 4 đơn vị.

Số 80 gồm chục và đơn vị.

Số gồm 9 chục và 9 đơn vị.

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Số gồm 1 chục và 9 đơn vị, viết là

b) Số gồm 4 chục và 3 đơn vị, viết là

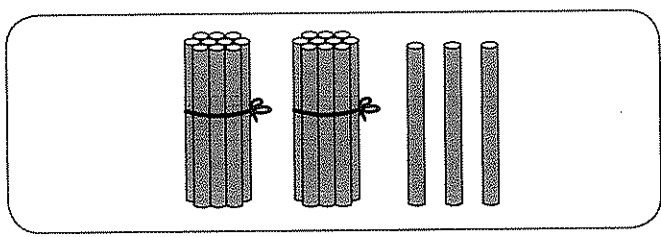
4 SỐ ?

Chục	Đơn vị	Viết số
2	3	23
5	1	
9	9	
		43



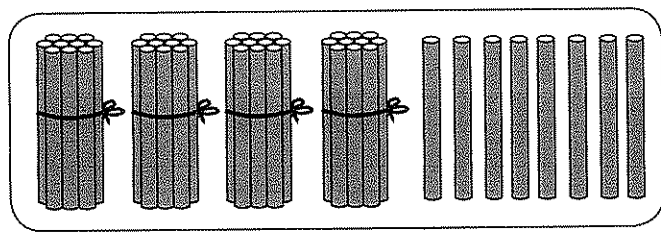


5 Nói (theo mẫu).



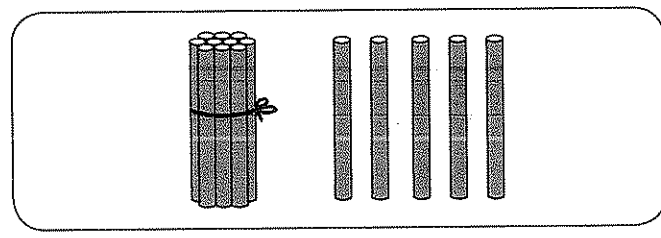
15

Bốn mươi tám



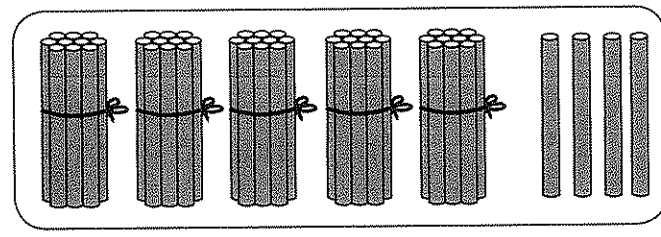
23

Hai mươi ba



48

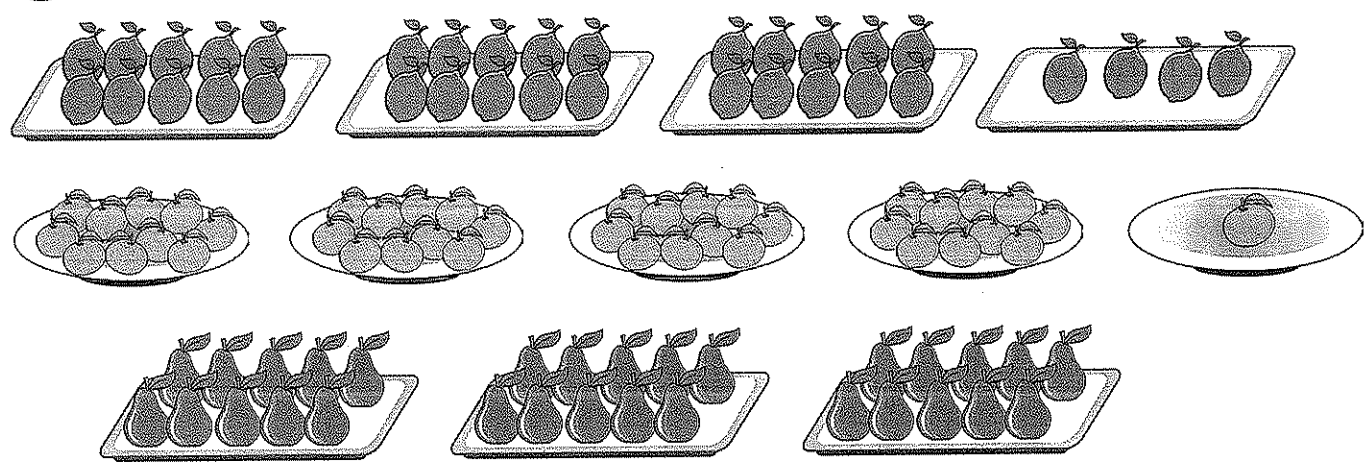
Năm mươi tư



54

Mười lăm

6 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Trong hình vẽ trên có:

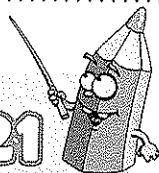
..... quả chanh; quả cam; quả lê.



Họ và tên:

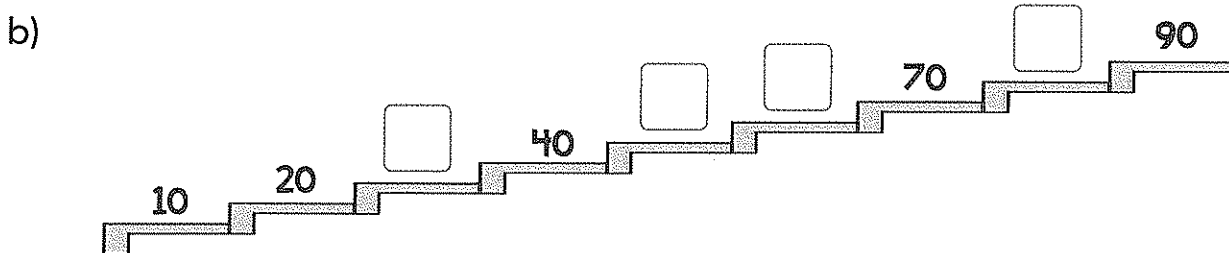
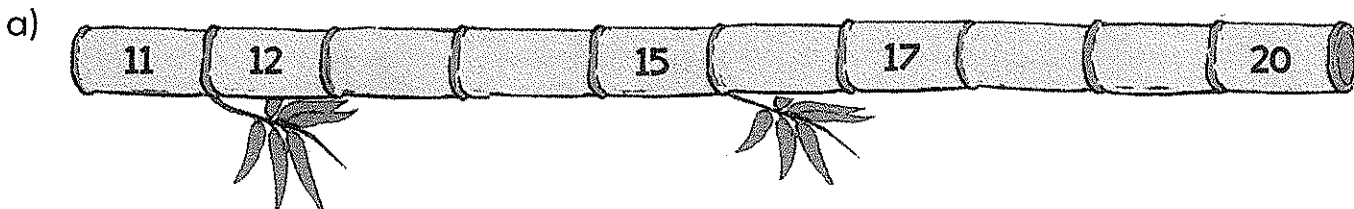
Lớp:

Tuần 21



SO SÁNH SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

1 SỐ ?



2 >, <, = ?

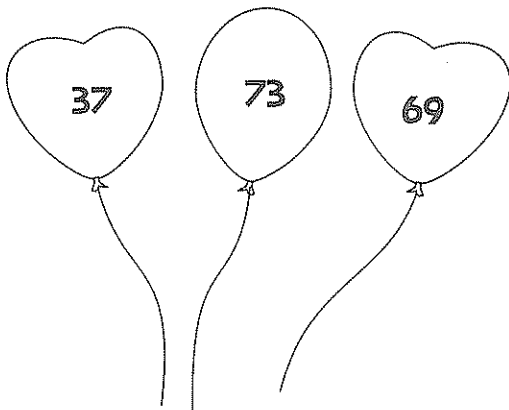
a) $20 \square 30$ $40 \square 70$ $80 \square 10$ $90 \square 90$

b) $13 \square 14$ $17 \square 16$ $18 \square 20$

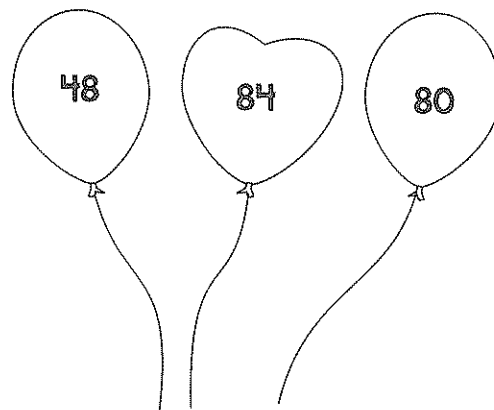
$42 \square 50$ $74 \square 77$ $35 \square 35$

3

a) Tô màu vào quả bóng ghi số bé nhất.



b) Tô màu vào quả bóng ghi số lớn nhất.





4 Viết các số 9; 71; 15:

– Theo thứ tự từ bé đến lớn:

– Theo thứ tự từ lớn đến bé:

5 a) Nối ô trống với các số thích hợp (theo mẫu).

55 58 59

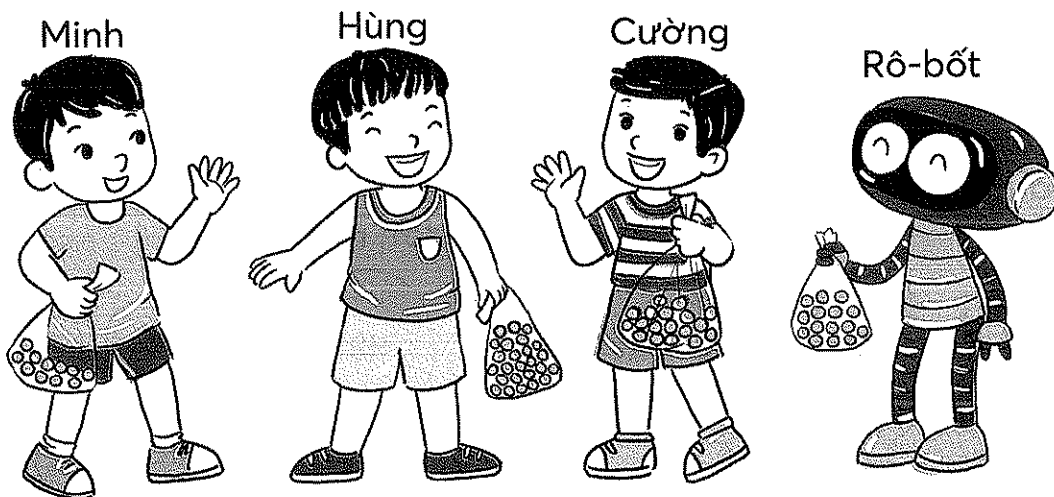
55 < < 60

56 61 57

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Các số vừa lớn hơn 55 vừa bé hơn 60 là:

6 Quan sát tranh rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



– Bạn có nhiều viên bi nhất.

– Bạn có ít viên bi nhất.



Họ và tên:

Lớp:

Tuần 22



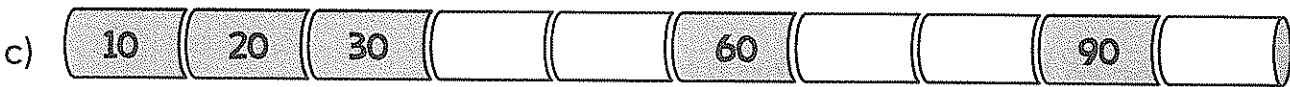
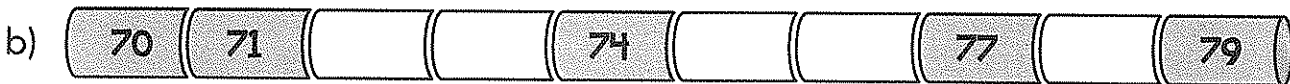
BẢNG CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100.

LUYỆN TẬP CHUNG

① Viết vào ô trống (theo mẫu).

Viết số	Đọc số
25	Hai mươi lăm
42	
	Tám mươi chín
100	
64	
	Bốn mươi một

② Số ?



③ Số ?

Năm mươi lăm 55

Mười bốn

Chín mươi tám

Tám mươi tư

Ba mươi một

Chín mươi bảy

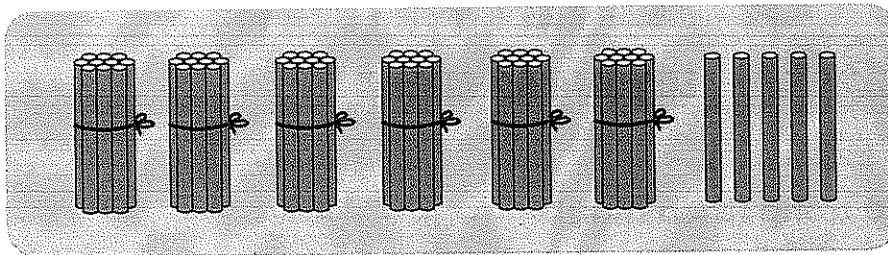
Mười

Sáu mươi lăm



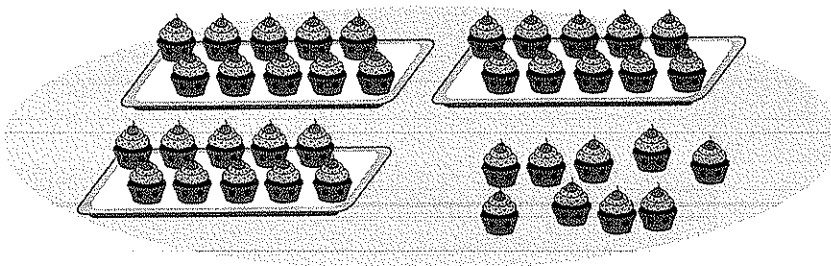
4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a)



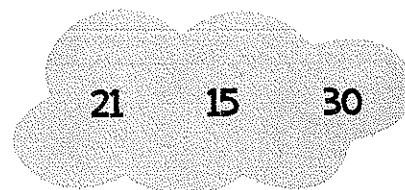
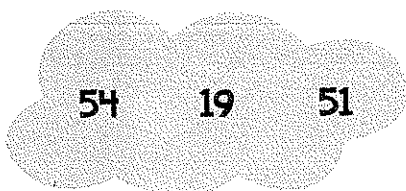
..... gồm chục và đơn vị.

b)

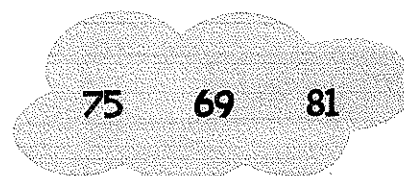
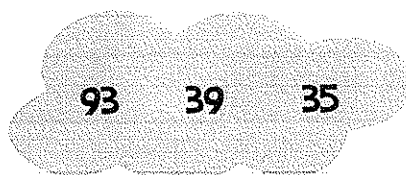


..... gồm chục và đơn vị.

5 a) Khoanh vào số lớn nhất.



b) Khoanh vào số bé nhất.



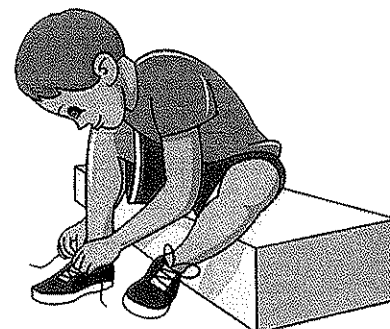
6 Viết các số 57, 51, 45 theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn:

a) Từ lớn đến bé:

7 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Bạn Khải được mẹ dẫn vào cửa hàng mua giày, Khải thử đôi giày cỡ 30 thì thấy chật, thử đôi giày cỡ 32 thì thấy rộng. Hỏi bạn Khải nên thử đôi giày cỡ bao nhiêu thì có thể vừa chân?
Bạn Khải nên thử đôi giày cỡ

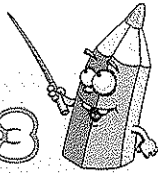




Họ và tên:

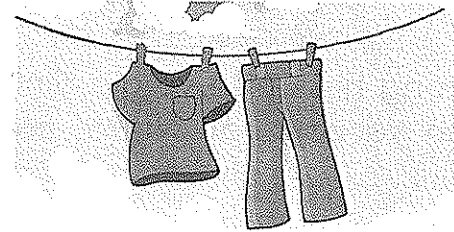
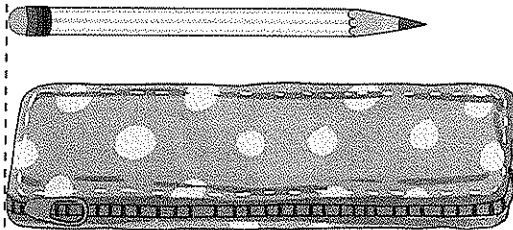
Lớp:

TUẦN 23



ĐÀI HƠN, NGẮN HƠN. ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI

1) Viết dài hơn, ngắn hơn vào chỗ chấm cho thích hợp.

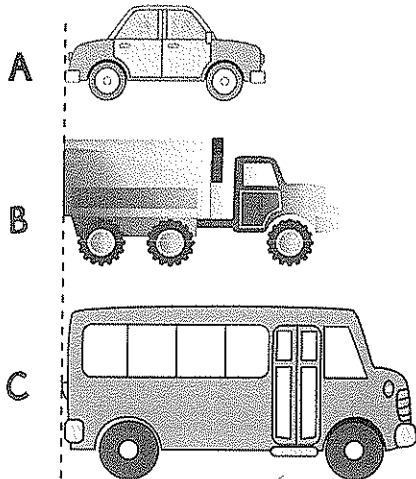


a) Bút chì hộp bút.

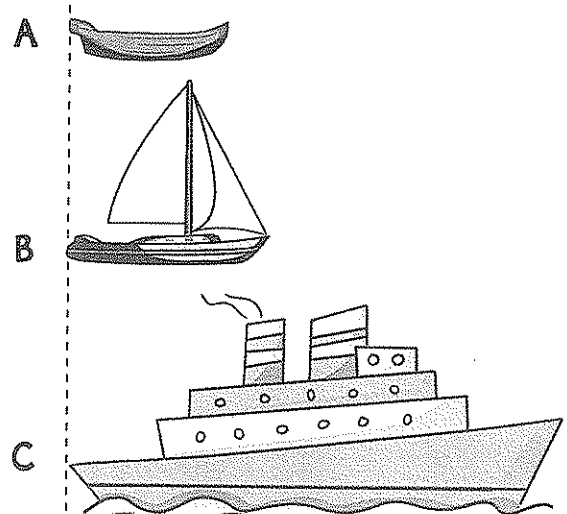
b) Quần áo.

2) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

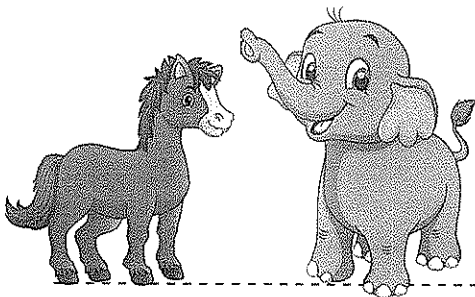
a) Chiếc xe nào dài nhất?



b) Chiếc thuyền nào ngắn nhất?



3) Viết tên con vật vào chỗ chấm cho thích hợp.



a) Con cao hơn con

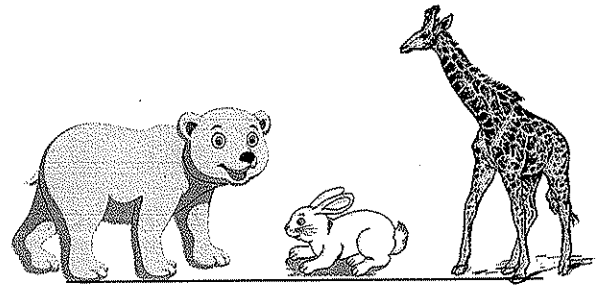
b) Con thấp hơn con



4 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

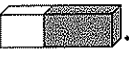


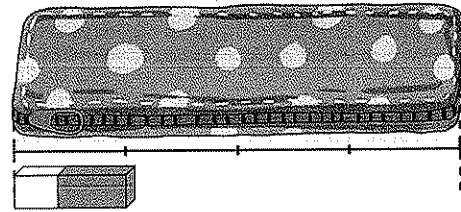
a) Trong hình trên vẽ gia đình gồm bố, mẹ và con gái. Người cao nhất là



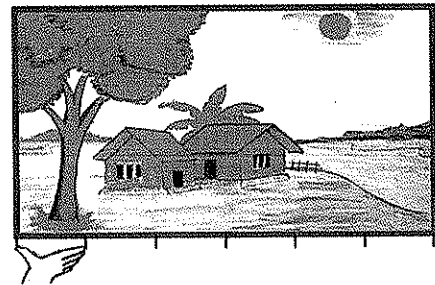
b) Con vật thấp nhất là

5 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

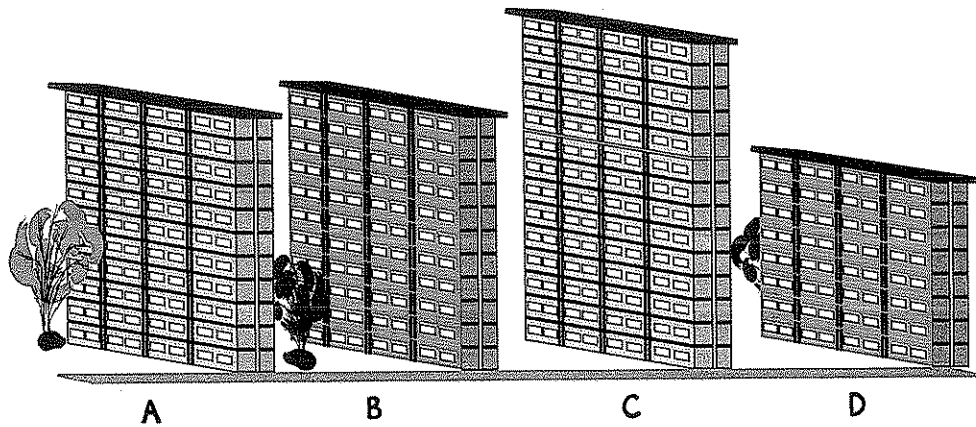
a) Chiếc hộp bút dài 



b) Bức tranh dài 



6 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



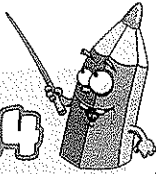
- Toà nhà và toà nhà cao bằng nhau.
- Toà nhà cao nhất.
- Toà nhà thấp nhất.
- Toà nhà A thấp hơn toà nhà



Họ và tên:

Lớp:

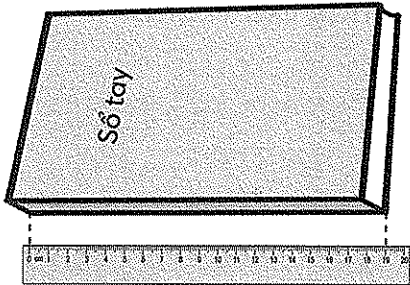
Tuần 24



ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI. THỰC HÀNH ƯỚC LƯỢNG VÀ ĐO ĐỘ DÀI

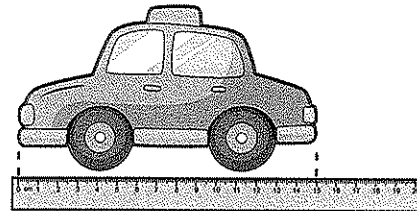
1) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a)



Quyển sách dài cm.

b)



Ô tô đồ chơi dài cm.

2) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Viên tẩy dài cm. Chiếc nhãn vở dài cm. Bút chì dài cm.
Vay dài nhất và ngắn nhất.

3) Dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét để đo độ dài mỗi băng giấy rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



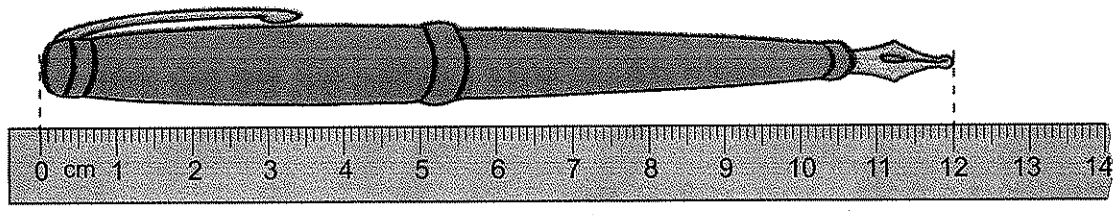
Trong các băng giấy trên, băng giấy dài nhất.





4 Đ. S ?

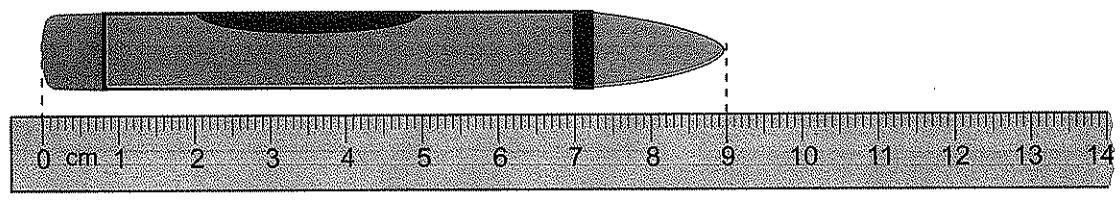
a)



Bút máy dài 12 cm.

Bút máy dài 11 cm.

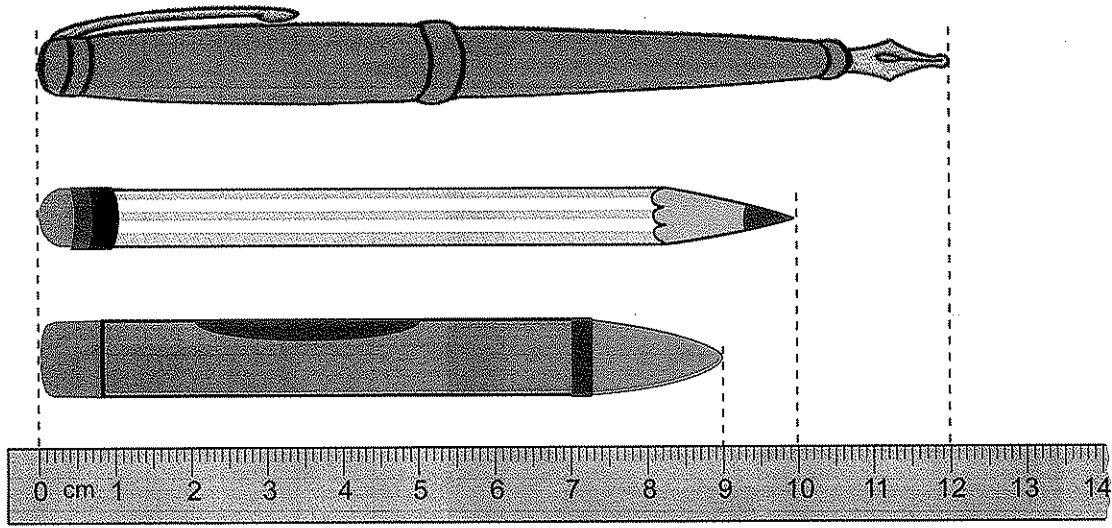
b)



Bút sáp dài 8 cm.

Bút sáp dài 9 cm.

5 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



Bút dài hơn 9 cm.

6 Quan sát đồ dùng học tập và vật dụng hằng ngày như: hộp bút, quyển vở, bàn học, bàn chải đánh răng rồi điền số thích hợp vào chỗ chấm.

- Hộp bút dài khoảng cm.
- Chiều dài quyển vở dài khoảng cm.
- Chiều dài bàn học dài khoảng gang tay.
- Bàn chải đánh răng dài khoảng cm.

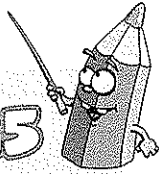




Họ và tên:

Lớp:

Tuần 25

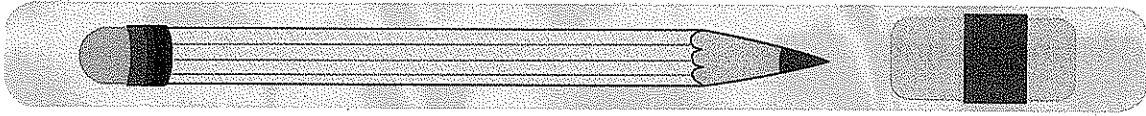


LUYỆN TẬP CHUNG.

PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

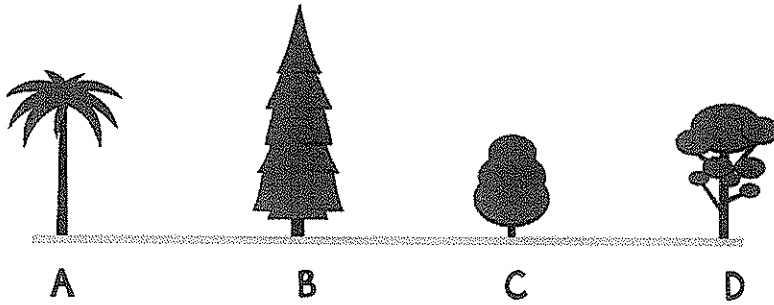
1) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

a)



Bút chì viên tẩy.

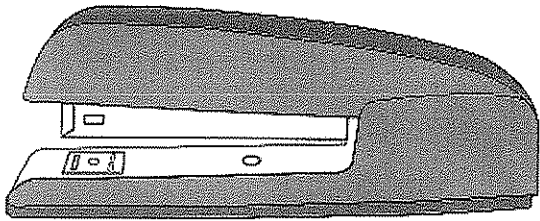
b)



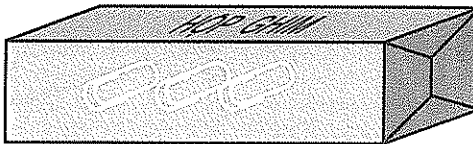
Cây cao nhất.

Cây thấp nhất.

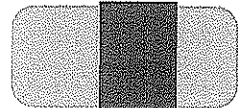
2) Đo độ dài mỗi vật rồi viết số thích hợp vào ô trống.



cm

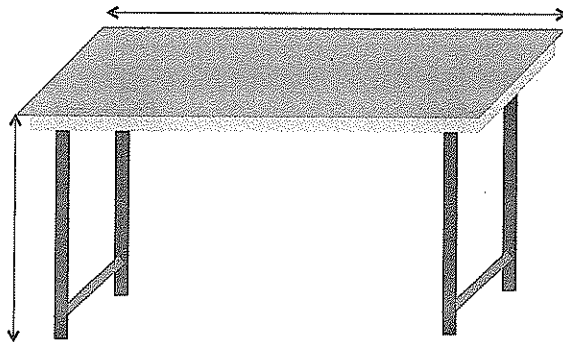


cm



cm

3) Em hãy đo bàn học của mình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm.



a) Bàn học của em dài cm.

b) Bàn học của em cao cm.



4 Tính.

$$\begin{array}{r} 30 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 42 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 27 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 64 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 83 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

5 Đặt tính rồi tính.

$11 + 5$

.....

.....

.....

$90 + 9$

.....

.....

.....

$43 + 5$

.....

.....

.....

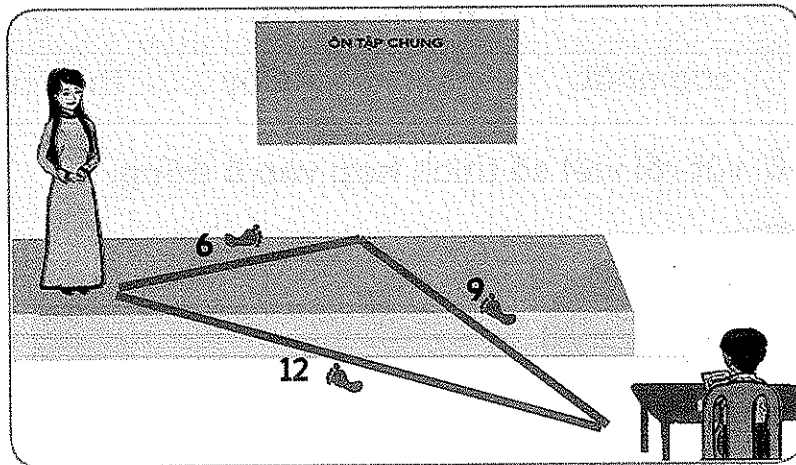
$76 + 3$


.....

.....

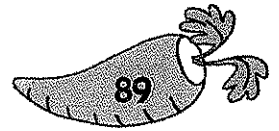
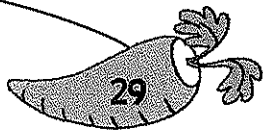
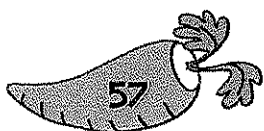
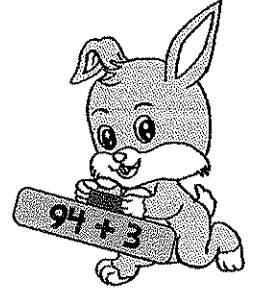
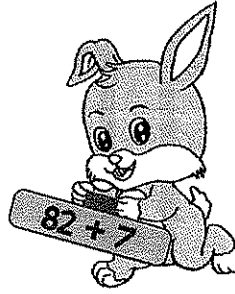
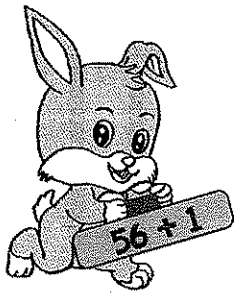
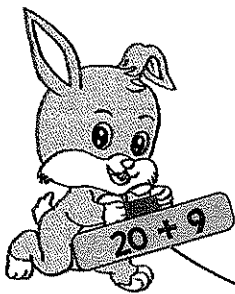
.....

6 Số ?



Trong lớp học, cô giáo đến chỗ bạn Long ngắn nhất là .

7 Nói (theo mẫu).

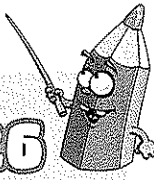




Họ và tên:

Lớp:

Tuần 26



PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ. PHÉP CỘNG SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

1 Đ. S ?

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 4 \\ \hline 29 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ + 5 \\ \hline 92 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 76 \\ + 2 \\ \hline 78 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 94 \\ + 3 \\ \hline 96 \end{array} \quad \square$$

2 Đặt tính rồi tính.

6 + 53

24 + 45

67 + 12

50 + 38

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

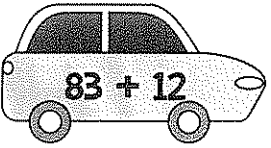
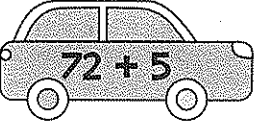
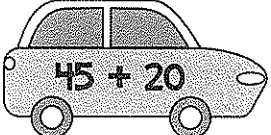
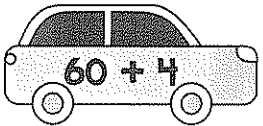
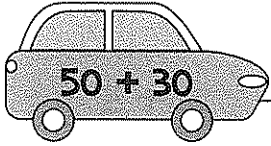
.....

.....

.....

.....

3 Nối (theo mẫu).



65
80
95
64
77



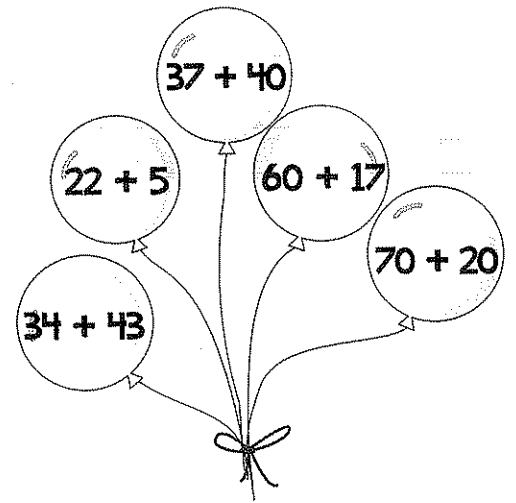


4 Viết phép tính thích hợp.

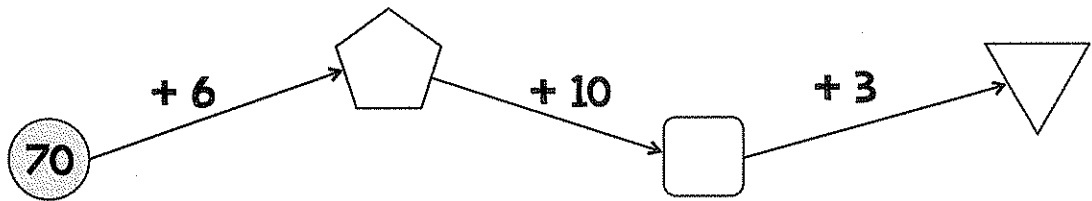
a) Lớp 1A có 32 học sinh, lớp 1B có 35 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh?

b) Mẹ bạn Lan nuôi 23 con gà mái và 5 con gà trống. Hỏi mẹ bạn Lan nuôi tất cả bao nhiêu con gà?

5 Tô màu đỏ vào những quả bóng ghi các phép tính có kết quả bằng nhau, màu xanh vào quả bóng ghi phép tính có kết quả bé nhất, màu vàng vào quả bóng ghi phép tính có kết quả lớn nhất.



6 Số ?



7 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Cho các số dưới đây:



Từ các số trên và các dấu +, = em có thể lập được các phép tính đúng là:

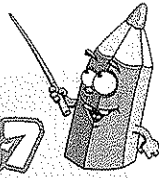
.....



Họ và tên:

Lớp:

Tuần 27



PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

1 Đ, S ?

$$\begin{array}{r} 47 \\ - 5 \\ \hline 42 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ - 4 \\ \hline 29 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 76 \\ - 3 \\ \hline 73 \end{array} \quad \square$$

$$\begin{array}{r} 89 \\ - 7 \\ \hline 83 \end{array} \quad \square$$

2 Đặt tính rồi tính.

$38 - 4$

$23 - 3$

$57 - 6$

$99 - 8$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

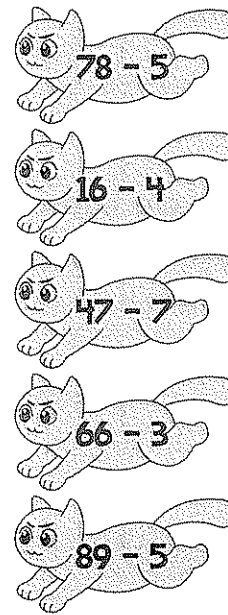
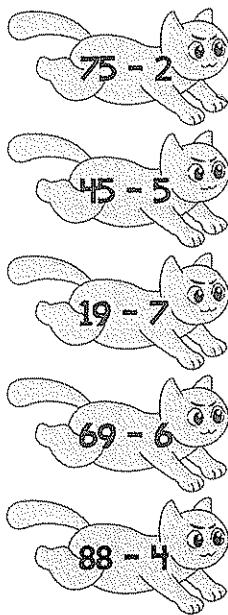
.....

.....

.....

.....

3 Nối (theo mẫu).





4 Viết phép tính thích hợp.

Mai có 16 tờ giấy màu, Mai đã dùng hết 3 tờ giấy màu. Hỏi Mai còn lại bao nhiêu tờ giấy màu?

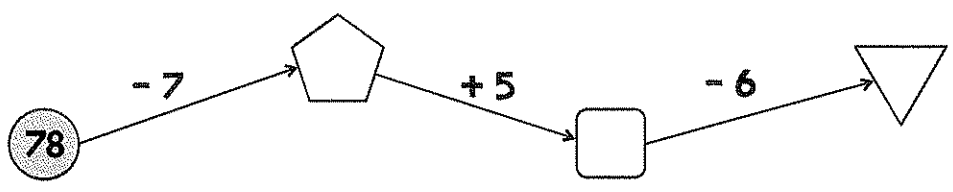
5 a) Tô màu vào các đám mây ghi phép tính có kết quả bé hơn 45.

$47 - 2$ $38 - 4$ $49 - 5$
 $48 - 2$ $49 - 7$

b) Tô màu đỏ vào đám mây ghi phép tính có kết quả bé nhất, màu xanh vào đám mây ghi phép tính có kết quả lớn nhất.

$36 - 5$ $65 - 3$
 $54 - 4$ $30 + 20$ $87 - 6$

6 Số ?



7 Viết số thích hợp vào ô trống.

Một tàu du lịch có 48 chỗ ngồi cho hành khách, trên tàu đã có 6 người khách. Hỏi tàu đó có thể chở thêm được nhiều nhất bao nhiêu người khách nữa?

- =

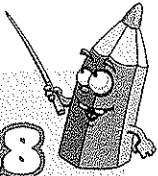
Tàu có thể chở thêm được nhiều nhất người khách nữa.



Họ và tên:

Lớp:

Tuần 28



PHÉP TRỪ SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

① Tính.

$$\begin{array}{r} 68 \\ - 35 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 76 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 49 \\ - 27 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 47 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 85 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

.....

② Đặt tính rồi tính.

$79 - 15$

.....

.....

.....

$86 - 32$

.....

.....

.....

$75 - 54$

.....

.....

.....

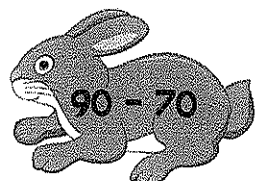
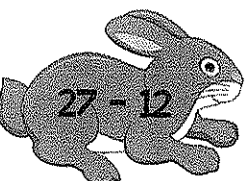
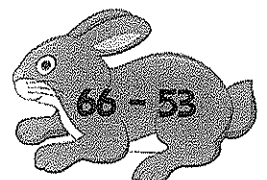
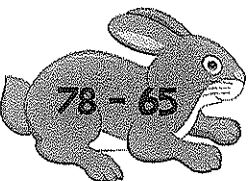
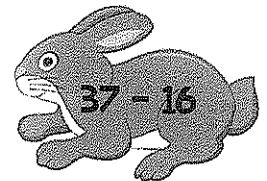
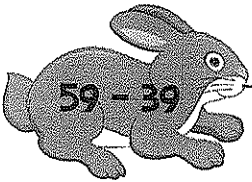
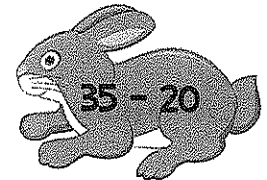
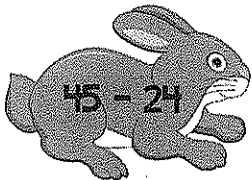
$84 - 44$

.....

.....

.....

③ Nối (theo mẫu).





4 Đ, S ?

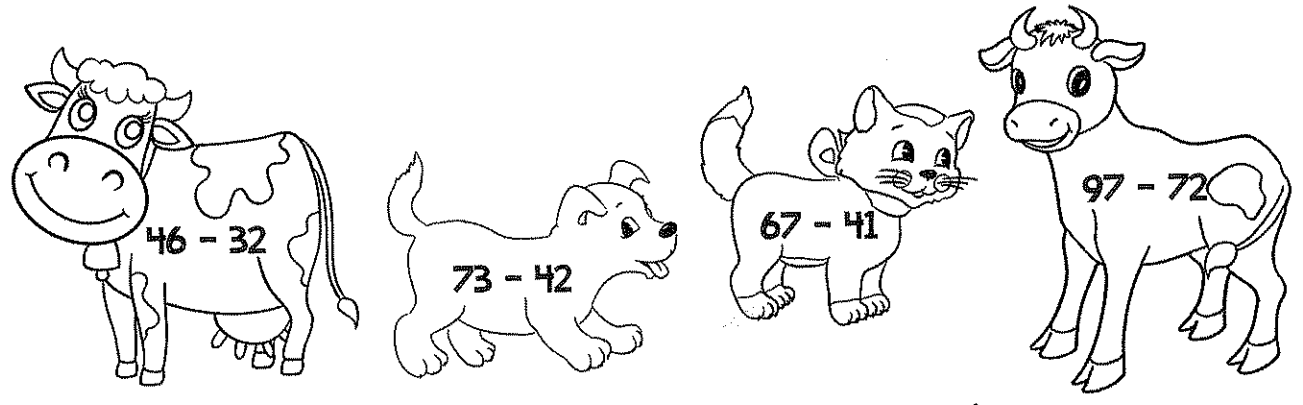
a) $69 - 45 = 15$	<input type="checkbox"/>	b) $56 - 56 = 0$	<input type="checkbox"/>	c) $75 - 31 = 62$	<input type="checkbox"/>
d) $76 - 34 = 42$	<input type="checkbox"/>	e) $86 - 24 = 44$	<input type="checkbox"/>	g) $38 - 17 = 21$	<input type="checkbox"/>

5 SỐ ?

a) $22 + 31 \rightarrow$ $23 + 40 \rightarrow$ $53 + 4 \rightarrow$

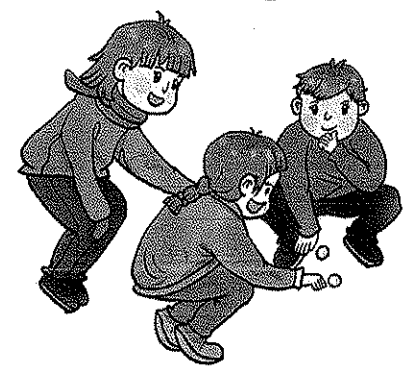
b) $77 - 23 \rightarrow$ $46 - 30 \rightarrow$ $98 - 8 \rightarrow$

6 Tô màu vàng vào con vật ghi phép tính có kết quả bé nhất, màu nâu vào con vật ghi phép tính có kết quả lớn nhất.



7 Viết phép tính thích hợp.

Khánh có 46 viên bi, Khánh cho bạn 13 viên bi. Hỏi Khánh còn lại bao nhiêu viên bi?



8 Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

$$\begin{array}{r} \square 6 \\ - 1 \square \\ \hline 4 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \square \\ - \square 4 \\ \hline 1 5 \end{array}$$

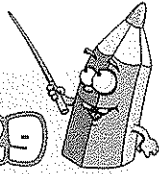
$$\begin{array}{r} \square \square \\ - 6 0 \\ \hline 2 8 \end{array}$$



Họ và tên:

Lớp:

Tuần 29



LUYỆN TẬP CHUNG

1 Đặt tính rồi tính.

$40 + 7$

.....

.....

.....

$82 + 5$

.....

.....

.....

$65 - 30$

.....

.....

.....

$73 - 23$

.....

.....

.....

2 Đ, S ?

a) $42 + 24 < 70$

b) $86 - 35 > 40$

c) $85 - 51 = 34$

d) $72 + 5 = 77$

3 +, - ?

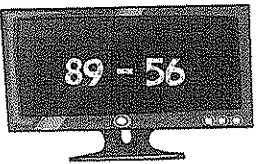
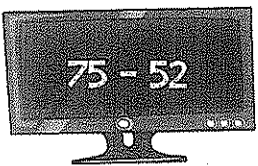
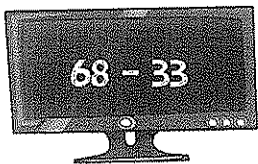
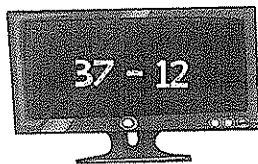
a) $30 \square 40 = 70$

b) $83 \square 23 = 60$

c) $77 \square 27 = 50$

d) $41 \square 30 = 71$

4 Nối mỗi ti vi với điều khiển thích hợp (theo mẫu).



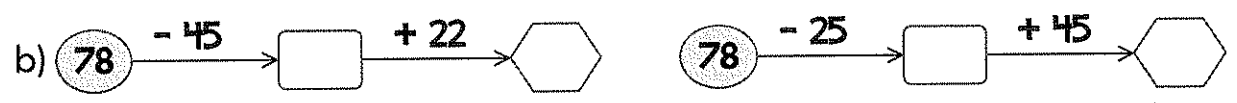
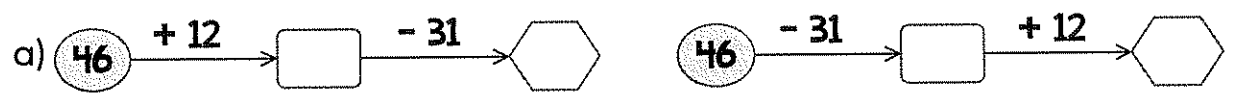


5 Tính nhẩm.

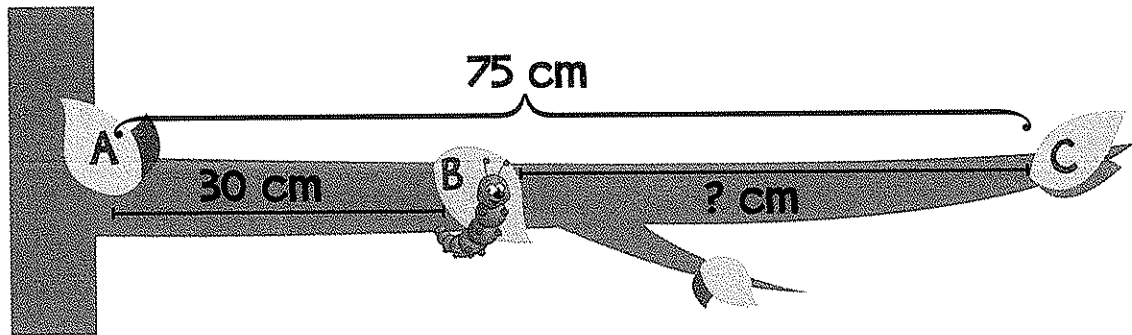
a) $70 - 10 = \dots\dots$ $60 - 30 = \dots\dots$ $90 - 80 = \dots\dots$

b) $55 - 5 = \dots\dots$ $22 - 2 = \dots\dots$ $46 - 6 = \dots\dots$

6 Số ?



7 Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Để đến C, con sâu còn phải bò cm.

8 Viết phép tính thích hợp và hoàn thiện câu trả lời.

Khối lớp Hai trồng được 47 cây. Khối lớp Một trồng được ít hơn 11 cây so với khối lớp Hai. Hỏi khối lớp Một trồng được bao nhiêu cây?



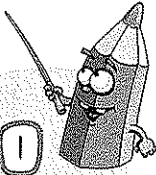
Khối lớp Một trồng được cây.



Họ và tên:

Lớp:

Tuần 30



LUYỆN TẬP CHUNG. XEM GIỜ ĐÚNG TRÊN ĐỒNG HỒ

1 Nối hai phép tính có cùng kết quả.

24 + 30

67 - 10

95 - 25

40 + 40

50 + 7

20 + 34

87 - 7

79 - 9

2 Viết số thích hợp vào ô trống.

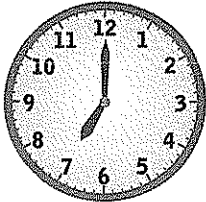
a) $42 + \square = 62$

b) $\square + 30 = 84$

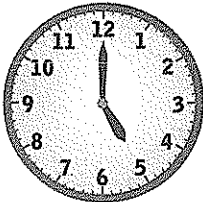
c) $97 - \square = 37$

d) $\square - 20 = 68$

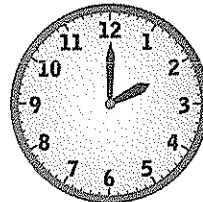
3 Viết giờ đúng dưới mỗi đồng hồ (theo mẫu).



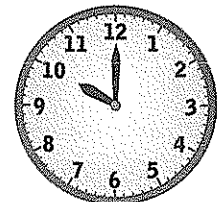
7 giờ



..... giờ

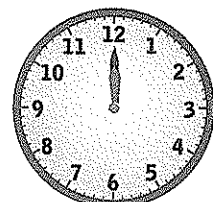
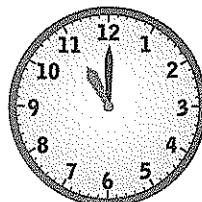
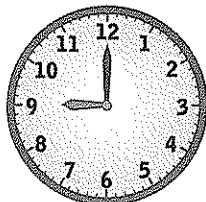
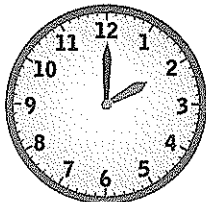


..... giờ



..... giờ

4 Nối mỗi đồng hồ với giờ thích hợp.



11 giờ

12 giờ

2 giờ

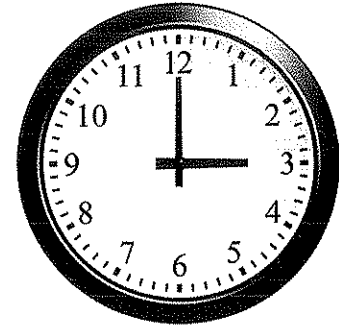
9 giờ



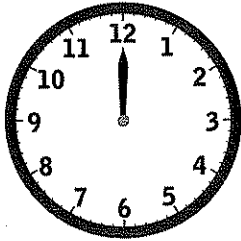
5 Đ, S ?

a) Đồng hồ chỉ 12 giờ.

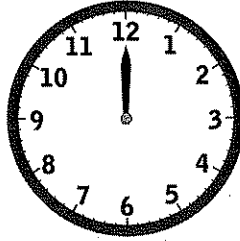
b) Đồng hồ chỉ 3 giờ.



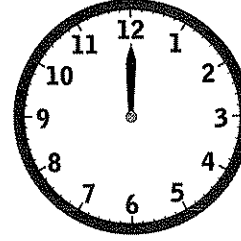
6 Vẽ thêm kim ngắn để đồng hồ chỉ đúng giờ tương ứng.



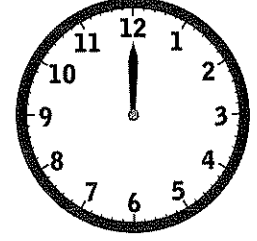
6 giờ



9 giờ

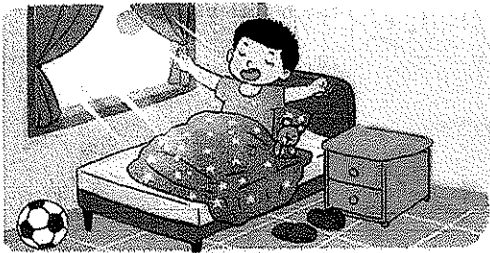


4 giờ

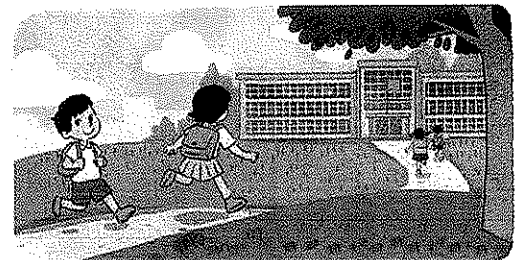
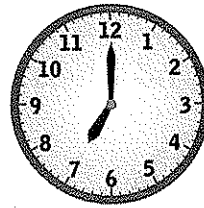


8 giờ

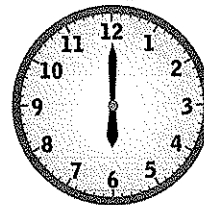
7 Nối đồng hồ với thời gian biểu tương ứng của bạn Minh.



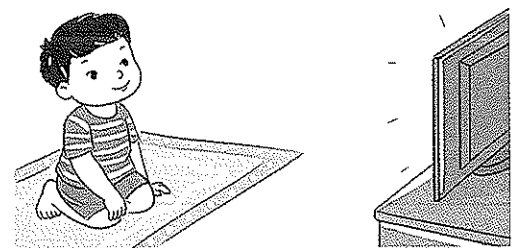
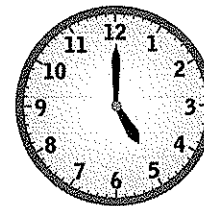
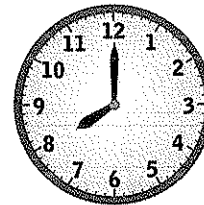
Minh ngủ dậy lúc 6 giờ sáng.



Minh đi học lúc 7 giờ sáng.



Minh chơi đá bóng lúc 5 giờ chiều.



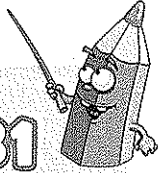
Minh xem chương trình thiếu nhi lúc 8 giờ tối.



Họ và tên:

Lớp:

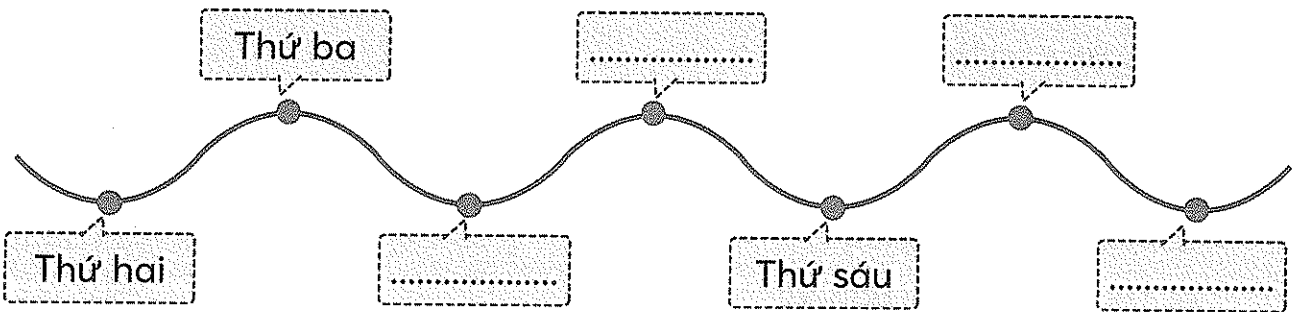
Tuần 31



**CÁC NGÀY TRONG TUẦN.
THỰC HÀNH XEM LỊCH VÀ GIỜ**

- ① Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.
 Hôm qua là thứ năm, vậy ngày mai là thứ mấy?
 A. Thứ tư B. Thứ sáu C. Thứ bảy

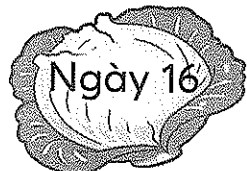
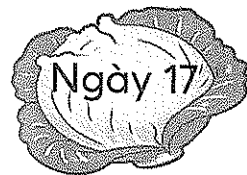
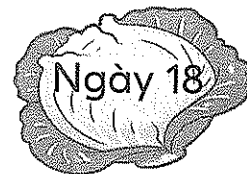
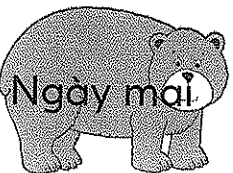
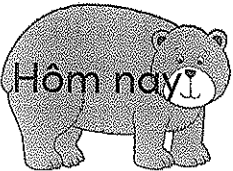
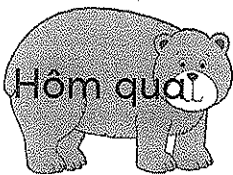
- ② Viết tiếp các ngày còn thiếu trong tuần.



- ③ Đ, S ?

- a) Một tuần lễ có 8 ngày.
 b) Một tuần lễ có 7 ngày.
 c) Hôm qua là thứ hai, vậy hôm nay là thứ ba.
 d) Hôm nay là thứ sáu, vậy hôm qua là thứ bảy.

- ④ Nối mỗi con gấu với một bắp cải cho thích hợp.





- 5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.
 Nếu ngày 27 tháng 4 là thứ năm thì ngày 30 là ngày nào trong tuần?
 A. Thứ sáu
 B. Thứ bảy
 C. Chủ nhật



- 6 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.
 Biết hôm qua là thứ ba, ngày 18.
 a) Ngày mai là:
 A. Thứ hai, ngày 17
 B. Thứ tư, ngày 19
 C. Thứ năm, ngày 20
 b) Thứ bảy cùng tuần là:
 A. Ngày 21 B. Ngày 22 C. Ngày 23

- 7 Nối mỗi ngày trong tuần với một ngày thích hợp (theo mẫu).

Thứ hai	Thứ tư	Thứ sáu	Thứ bảy
Ngày 5	Ngày 10	Ngày 7	Ngày 9

- 8 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.
 Nghỉ hè năm nay mẹ cho hai anh em về quê chơi 7 ngày, bắt đầu từ ngày thứ sáu. Vậy hai anh em trở lại nhà vào thứ mấy của tuần sau?
 A. Thứ năm B. Thứ sáu
 C. Thứ bảy D. Chủ nhật





Họ và tên:

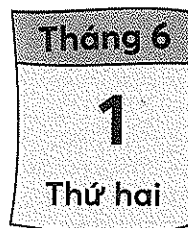
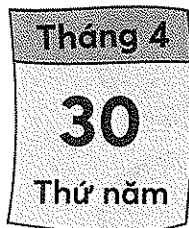
Lớp:

Tuần 32



**THỰC HÀNH XEM LỊCH VÀ GIỜ.
LUYỆN TẬP CHUNG**

1. Viết vào chỗ chấm cho thích hợp.



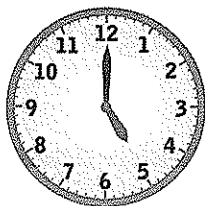
Ngày 8 tháng 3 là chủ nhật.

Ngày 30 tháng 4 là

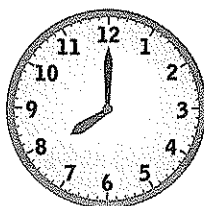
Ngày 1 tháng 6 là

Ngày 20 tháng 11 là

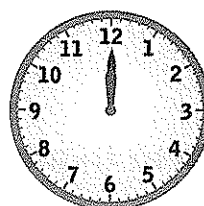
2. Viết (theo mẫu).



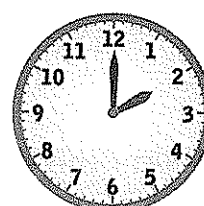
5 giờ



..... giờ

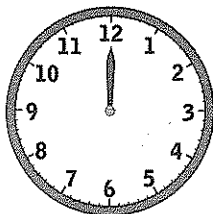


..... giờ

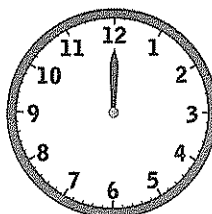


..... giờ

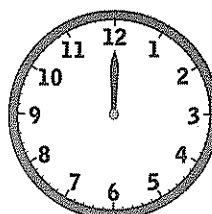
3. Vẽ thêm kim ngắn để đồng hồ chỉ đúng giờ tương ứng.



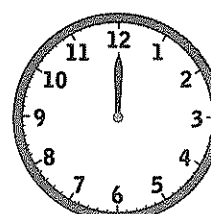
1 giờ



4 giờ



7 giờ



10 giờ

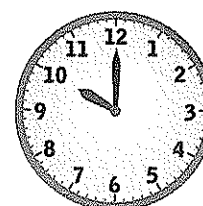
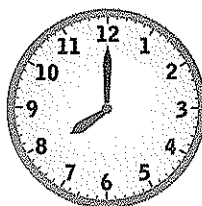
4. Đ, S ?

Chủ nhật, Khải tự học ở nhà từ 8 giờ và kết thúc lúc 10 giờ.

Vậy thời gian Khải tự học ở nhà là:

a) 2 giờ

b) 3 giờ

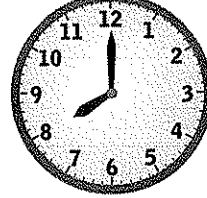
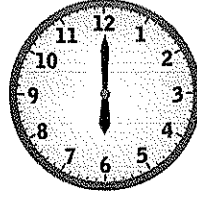




5 Nói.



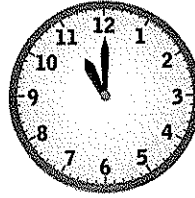
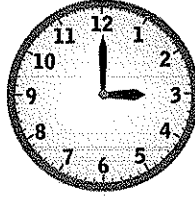
Mai tập thể dục
lúc 6 giờ.




Mai ăn trưa
lúc 11 giờ.

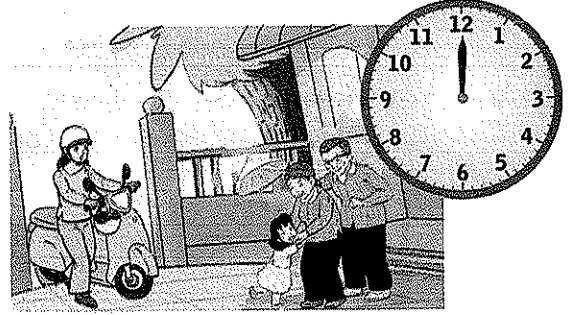
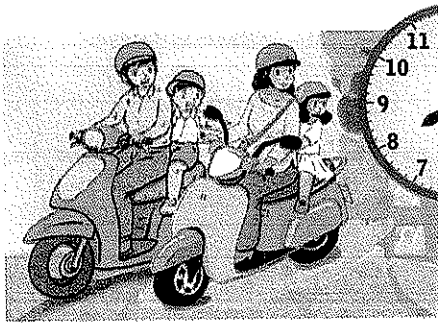


Mai tự học
lúc 3 giờ chiều.




Mai đọc sách
lúc 8 giờ tối.

6 Gia đình bạn An đi từ thành phố về quê hết 2 giờ. Vẽ kim ngắn vào đồng hồ cho thích hợp.



7 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nếu hôm nay là thứ ba ngày 20 tháng 4 thì thứ bảy tuần này là:

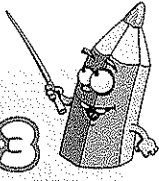
- A. Ngày 23
- B. Ngày 24
- C. Ngày 25



Họ và tên:

Lớp:

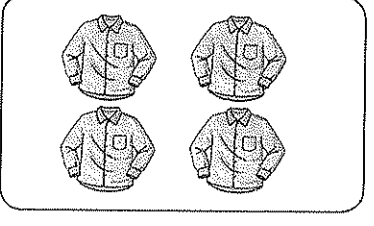
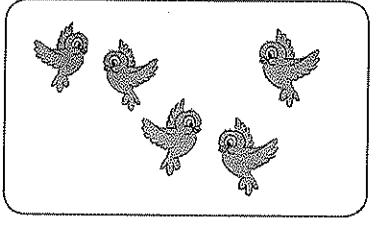
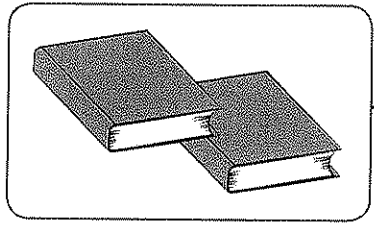
Tuần 33



ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 10

1 Nối (theo mẫu).

a)



0

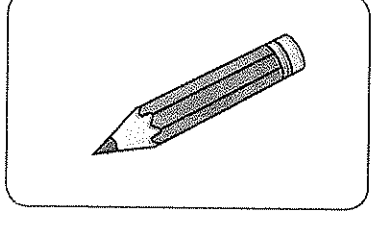
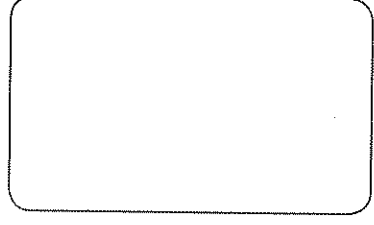
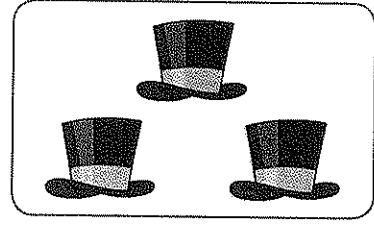
1

2

3

4

5



b)

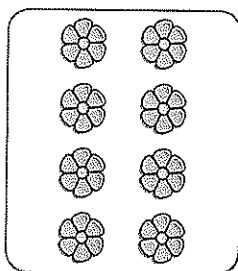
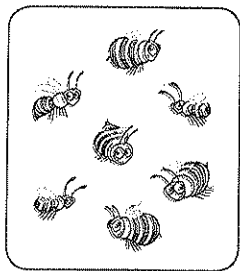
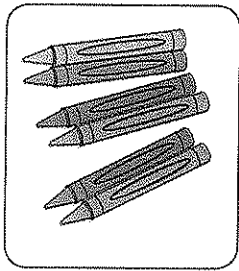
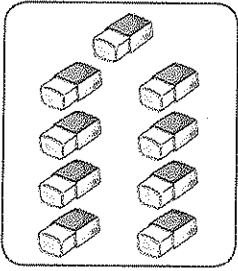
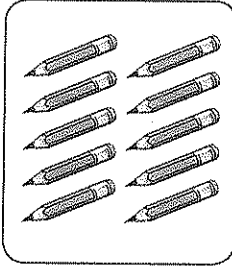
6

7

8

9

10



2 Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong các số 7; 5; 2; 9:

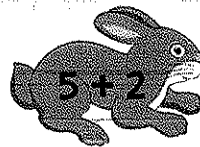
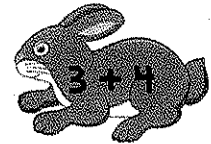
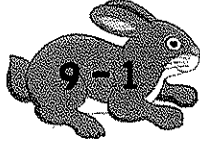
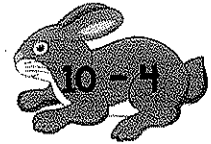
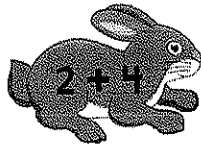
Số lớn nhất là

Số bé nhất là

Các số trên viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:



3 Nói (theo mẫu).



4 >; <; = ?

$10 - 4$ 6

$9 - 6$ 5

$10 - 8$ $6 - 3$

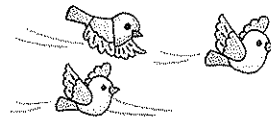
$3 + 5$ 9

$2 + 5$ 6

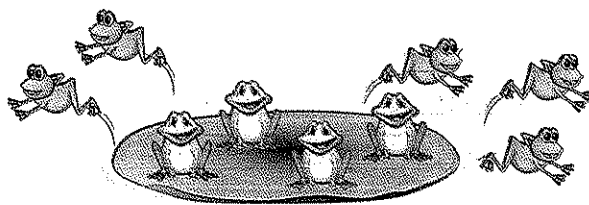
$1 + 7$ $10 - 3$

5 Viết phép tính thích hợp.

a)



b)



6 Tính.

a) $4 + 6 - 3 = \dots\dots$

b) $3 + 2 + 5 = \dots\dots$

$9 - 7 + 5 = \dots\dots$

$10 - 4 - 6 = \dots\dots$

7 Viết dấu +, - thích hợp vào ô trống.

3 $5 = 8$

10 $6 = 4$

9 $2 = 7$

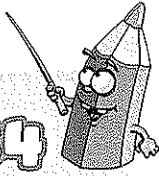
4 $4 = 8$



Họ và tên:

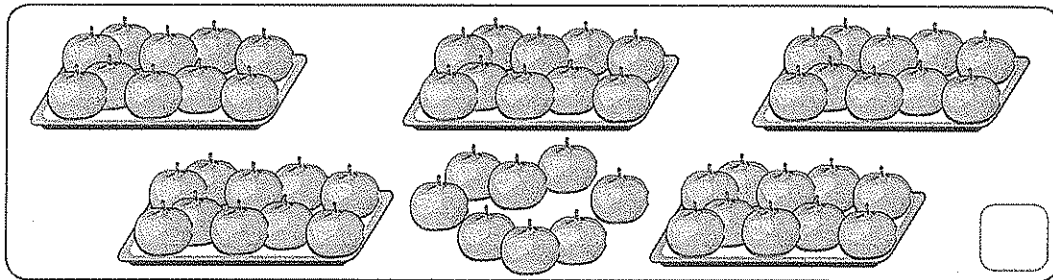
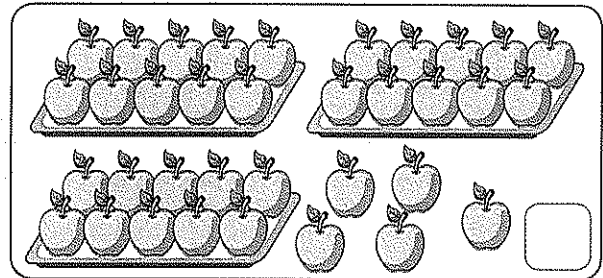
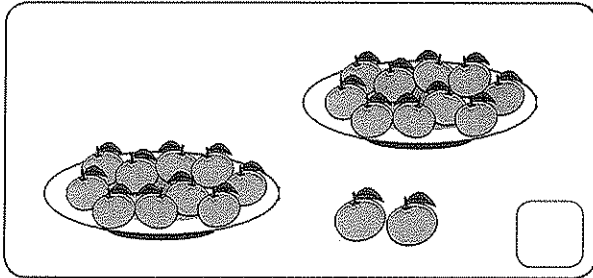
Lớp:

Tuần 34



ÔN TẬP CÁC SỐ VÀ PHÉP TÍNH TRONG PHẠM VI 100

1 SỐ ?



2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu).

Mẫu: 34 gồm 3 chục 4 đơn vị, viết là: $34 = 30 + 4$

a) 70 gồm chục đơn vị, viết là: $70 = \dots + \dots$

b) 82 gồm chục đơn vị, viết là: $82 = \dots + \dots$

c) 49 gồm chục đơn vị, viết là: $49 = \dots + \dots$

d) 77 gồm chục đơn vị, viết là: $77 = \dots + \dots$

3 Đặt tính rồi tính.

$45 + 12$

$61 + 3$

$87 - 43$

$39 - 6$

.....
.....
.....

.....
.....
.....

.....
.....
.....

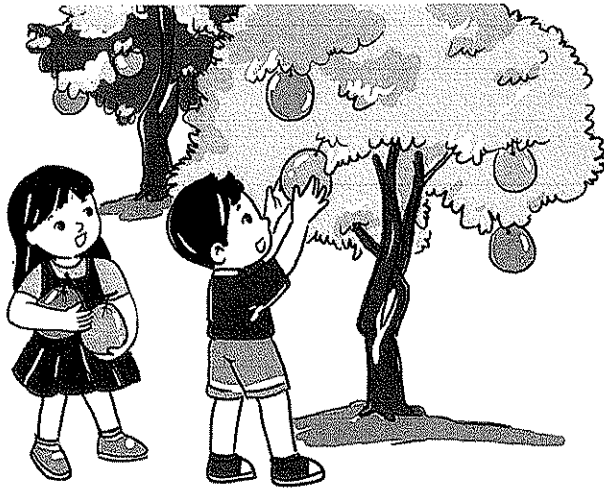
.....
.....
.....





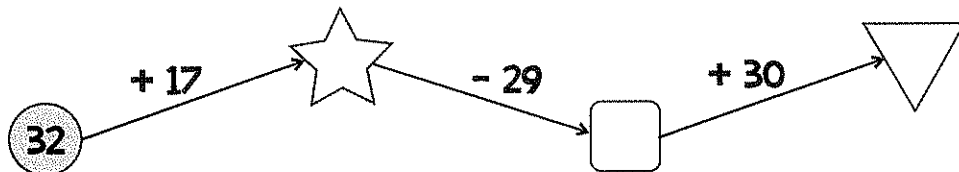
4) Viết phép tính thích hợp rồi hoàn thiện câu trả lời.

Anh Đức hái được 32 quả bưởi, chị Huệ hái được 23 quả. Hỏi cả hai anh chị hái được bao nhiêu quả bưởi?



Cả hai anh chị hái được quả bưởi.

5) Số ?



6) Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

$$\begin{array}{r} + \quad 4 \square \\ \square 5 \\ \hline 79 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} - \quad 8 \square \\ \square 2 \\ \hline 63 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 5 \\ + \quad 34 \\ \hline 8 \square \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 7 \\ - \quad 5 \square \\ \hline 26 \end{array}$$

7) Tính.

a) $32 + 5 + 10 = \dots\dots$

$76 - 34 - 22 = \dots\dots$

b) $40 + 37 - 25 = \dots\dots$

$98 - 26 + 16 = \dots\dots$

8) Viết số thích hợp vào ô trống.

$50 + \square = 70$

$60 + \square = 66$

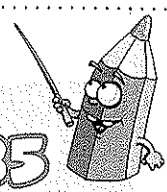
$80 - \square = 40$

$78 - \square = 70$

Họ và tên:

Lớp:

Tuần 35

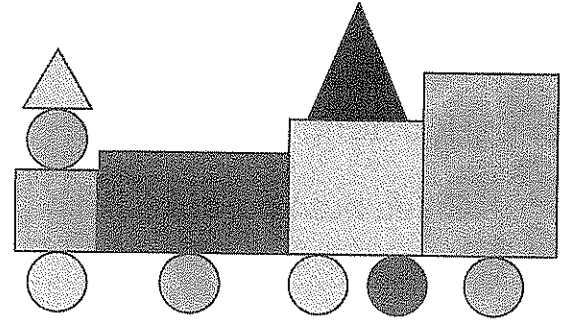


ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG. ÔN TẬP CHUNG

1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình bên:

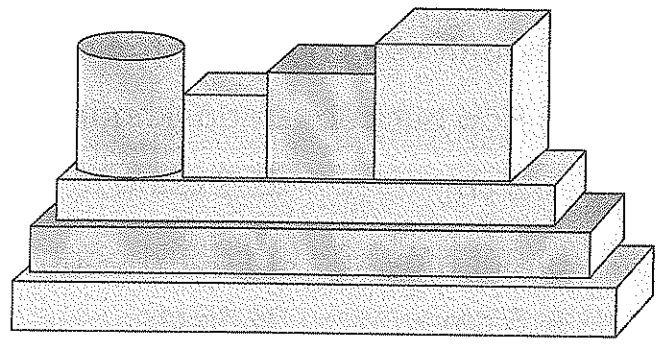
- Có hình tam giác.
- Có hình chữ nhật.
- Có hình tròn.
- Có hình vuông.



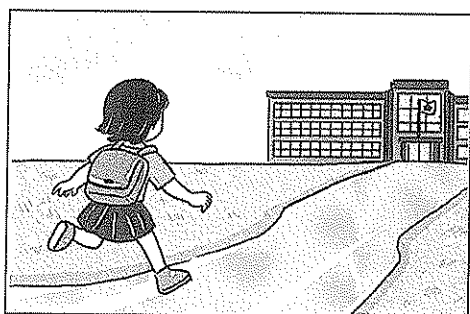
2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình bên:

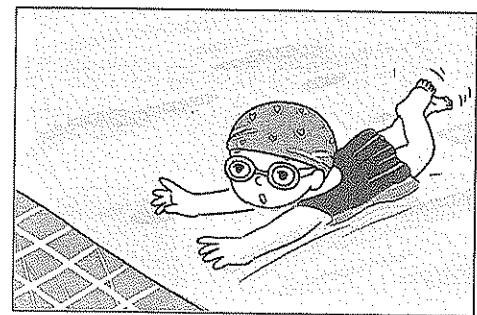
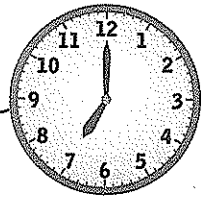
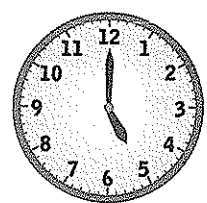
- Có khối lập phương.
- Có khối hộp chữ nhật.



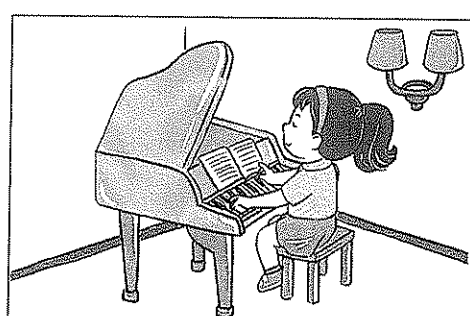
3. Nói (theo mẫu).



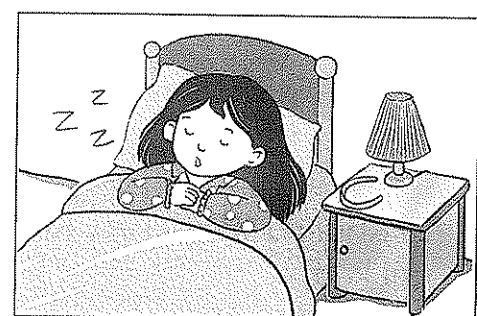
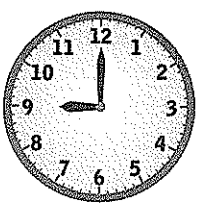
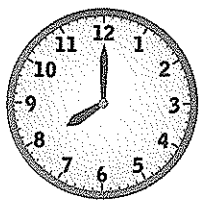
Bạn Lan đến trường lúc 7 giờ.



Bạn Lan bơi lúc 5 giờ chiều.



Bạn Lan chơi đàn lúc 8 giờ tối.



Bạn Lan ngủ lúc 9 giờ tối.



4 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong một tuần lễ, nếu ngày 10 là thứ hai thì ngày 14 là:

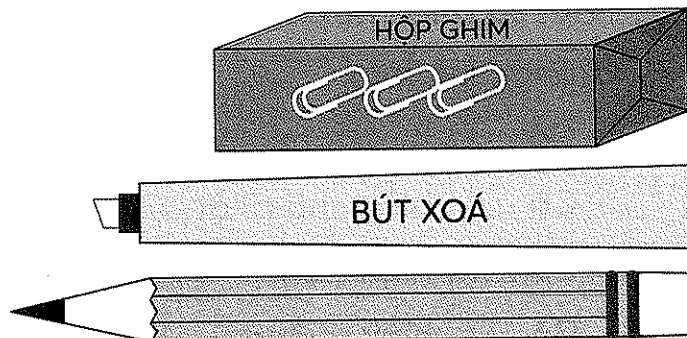
- A. Thứ tư B. Thứ năm C. Thứ sáu D. Thứ bảy

5 Đo độ dài mỗi vật rồi viết số thích hợp vào ô trống.

Chiếc bút chì dài cm.

Hộp đựng ghim dài cm.

Chiếc bút xoá dài cm.



6 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Hộp bút của em dài khoảng

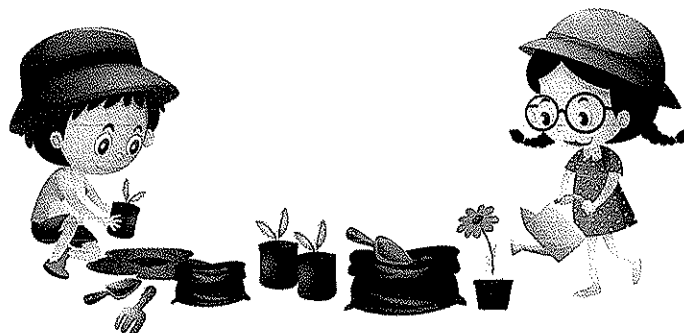
- A. 3 cm B. 2 gang tay C. 8 cm

b) Bút máy của em dài khoảng

- A. 5 cm B. 15 cm C. 2 gang tay

7 Viết phép tính thích hợp rồi hoàn thiện câu trả lời.

a) Hương trồng được 13 cây hoa, Linh trồng được 21 cây hoa. Hỏi cả hai bạn trồng được bao nhiêu cây hoa?



Cả hai bạn trồng được cây hoa.

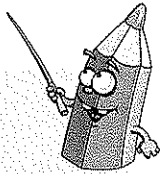
b) Khải có 18 cái kẹo. Khải cho Tuệ Anh 7 cái kẹo. Hỏi Khải còn lại bao nhiêu cái kẹo?

Khải còn lại cái kẹo.



Họ và tên:

Lớp:



TỰ KIỂM TRA HỌC KÌ 2

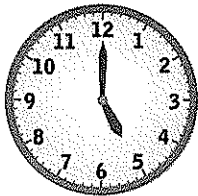
1) Viết các số 18; 11; 33; 54 theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn:

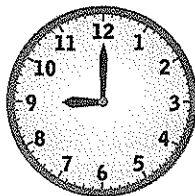
b) Từ lớn đến bé:

2) a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

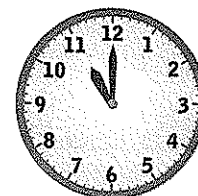
Đóng hồ chỉ mấy giờ?



..... giờ



..... giờ



..... giờ

b) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nếu ngày 15 tháng 5 là thứ ba thì ngày 19 là ngày nào trong tuần?

A. Thứ năm B. Thứ sáu C. Thứ bảy D. Chủ nhật

3) Tính.

a)
$$\begin{array}{r} 54 \\ + 45 \\ \hline \end{array}$$

.....

b)
$$\begin{array}{r} 33 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

.....

c)
$$\begin{array}{r} 87 \\ - 65 \\ \hline \end{array}$$

.....

d)
$$\begin{array}{r} 68 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

4) Đặt tính rồi tính.

$42 + 16$

.....

.....

.....

$5 + 63$

.....

.....

.....

$49 - 7$

.....

.....

.....

$78 - 56$

.....

.....

.....





5) Viết số thích hợp vào ô trống.

a) $30 + \square = 33$

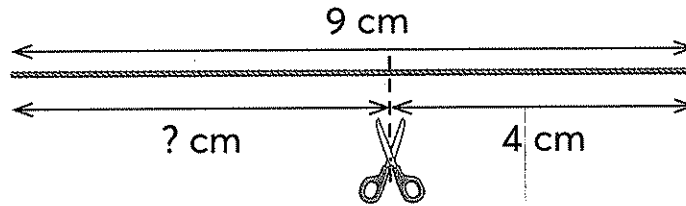
b) $36 - \square = 23$

c) $35 - \square = 35$

d) $40 + \square = 50$

6) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Bạn Hà có sợi dây dài 9 cm, bạn Hà cắt cho bạn Huy 4 cm. Hỏi sợi dây của bạn Hà còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



Sợi dây của bạn Hà còn lại dài cm.

7) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Bố bảo với Mai rằng ngày này tuần sau cả nhà sẽ về quê thăm ông, bà. Mai nhìn tờ lịch của ngày hôm nay (như hình ở dưới) và biết ngày mình sẽ được về quê là ngày tháng 5.



8) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

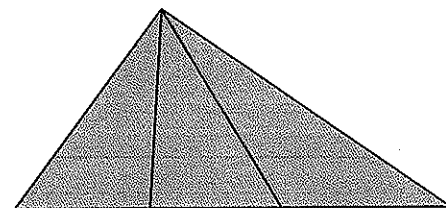
Số hình tam giác có trong hình bên là:

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6





HƯỚNG DẪN GIẢI - ĐÁP ÁN MỘT SỐ BÀI TẬP VÀ ĐỀ KIỂM TRA

Tuần 1. 7. a) 1 b) 2 c) 1 d) 2 e) 3 g) 1

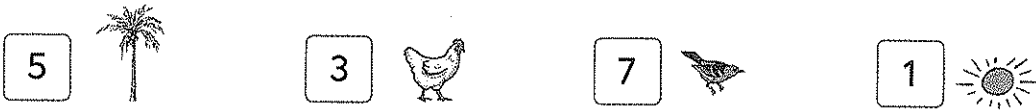
Tuần 2. 6.



Tuần 3. 6. Vẽ thêm ít nhất 3 quả bóng rỗi tô màu.

Tuần 5. 6. Các cặp số viết được là: 1 và 6; 6 và 1; 2 và 5; 5 và 2; 3 và 4.

Tuần 6. 6.

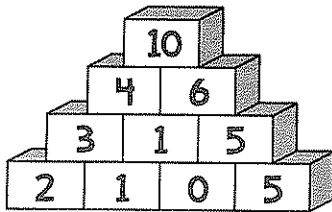


Tuần 7. 7. Có 4 hình tròn; có 3 hình vuông; có 3 hình tam giác.

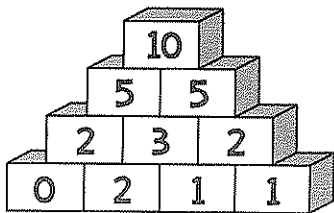
Tuần 8. 7. Khoanh vào D.

Tuần 9. 6. Tô màu vào ba bông hoa ghi phép tính: $1 + 4$; $2 + 3$ và $3 + 2$.

Tuần 11. 7.



Tuần 14. 7.



Tuần 15. 6. Khoanh vào A.

Tuần 16. 7. a) Khoanh vào B. b) Khoanh vào A.

Tuần 17. 7. Lập được các phép tính đúng là: $2 + 5 = 7$; $5 + 2 = 7$; $7 - 5 = 2$;

$7 - 2 = 5$; $7 + 2 = 9$; $2 + 7 = 9$; $9 - 7 = 2$; $9 - 2 = 7$.

Tuần 18. 7. a) Viết số 10; b) Có 10 khối lập phương nhỏ.

Tự kiểm tra học kì 1

1. Lần lượt viết được các số: 2; 5; 8.

2. $4 < 5$; $3 > 2$; $3 = 3$; $8 > 6$; $9 = 9$; $7 < 10$.

3. Hình vuông; Hình tam giác; Hình tròn; Khối lập phương; Khối hộp chữ nhật.





4. a) $3 + 6 = 9$; $8 - 3 = 5$; $10 - 4 = 6$; $5 + 5 = 10$.

b) $5 + 4 - 3 = 6$; $9 - 5 + 4 = 8$.

5. a) $3 + 4 = 7$; b) $10 - 5 = 5$.

6. a) $4 + 5 = 9$; b) $8 - 3 < 6$; c) $4 + 4 > 10 - 3$.

7. $4 + 3 = 7$; $3 + 4 = 7$; $7 - 4 = 3$; $7 - 3 = 4$.

8. a) $9 - 5 = 4$; b) $1 + 6 = 7$.


Tuần 19. 5. Khoanh vào C.

Tuần 21. 6. Bạn Hùng có nhiều viên bi nhất. Bạn Minh có ít viên bi nhất.

Tuần 22. 7. Bạn Khải nên thử đôi giày cỡ 31.

Tuần 23. 6. Tòa nhà A và tòa nhà B cao bằng nhau. Tòa nhà C cao nhất.
Tòa nhà D thấp nhất. Tòa nhà A thấp hơn tòa nhà C.

Tuần 24. 5. Bút chì, bút máy dài hơn 9 cm.

Tuần 25. 6. Cô giáo đến chỗ bạn Long ngắn nhất là 12 .

Tuần 26. 7. $20 + 30 = 50$; $30 + 20 = 50$; $30 + 6 = 36$; $6 + 30 = 36$.

Tuần 27. 7. $48 - 6 = 42$. Có thể chở thêm được nhiều nhất 42 người khách nữa.

Tuần 28. 8. a)
$$\begin{array}{r} 56 \\ - 13 \\ \hline 43 \end{array}$$
 b)
$$\begin{array}{r} 79 \\ - 64 \\ \hline 15 \end{array}$$
 c)
$$\begin{array}{r} 88 \\ - 60 \\ \hline 28 \end{array}$$

Tuần 31. 8. Khoanh vào A.

Tuần 32. 7. Khoanh vào B.

Tuần 34. 6.
$$\begin{array}{r} 44 \\ + 35 \\ \hline 79 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 85 \\ - 22 \\ \hline 63 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 55 \\ + 34 \\ \hline 89 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 77 \\ - 51 \\ \hline 26 \end{array}$$

Tự kiểm tra học kì 2

- a) Từ bé đến lớn: 11; 18; 33; 54. b) Từ lớn đến bé: 54; 33; 18; 11.
- a) 5 giờ; 9 giờ; 11 giờ. b) Khoanh vào C.
- Kết quả lần lượt là: 99; 39; 22; 64.
- Kết quả lần lượt là: 58; 68; 42; 22.
- a) 3; b) 13; c) 0; d) 10.
- Sợi dây của bạn Hà còn lại dài 5 cm.
- Bạn Mai được về quê là chủ nhật ngày 26.
- Khoanh vào D.